

Đặc San CHU VĂN AN

Xuân Mậu Dần 1998

Hội Ái Hữu Cựu Học Sinh Chu Văn An
Bắc California, Hoa Kỳ

* * *

LÁ THƯ TÒA SOẠN

Đặc San Chu Văn An xuân Mậu Dần do Hội Ái Hữu Cựu Học Sinh Chu Văn An Bắc California chủ trương đã được sự hưởng ứng và đóng góp nồng nhiệt của rất nhiều người, từ những bậc trưởng thượng lão thành và các bậc đàn anh đàn chị của thập niên '40, qua thế hệ trung gian của các thập niên '50, '60, cho đến các bạn trẻ thuộc thập niên '70.

Ngoài ra, chúng tôi cũng lấy làm cảm kích và khích lệ khi được sự ưu ái đóng góp của các thân hữu có cảm tình với trường Chu Văn An. Chúng tôi xin ghi nhận tấm thịnh tình của quý vị.

Thêm nữa, chúng tôi cũng muốn nêu lên sự góp mặt của thế hệ trẻ sinh ra hoặc lớn lên tại hải ngoại, những mầm non của dân tộc trong tương lai.

Đặc San Chu Văn An Bắc California năm nay quả đã là một sự hội ngộ hùng hậu và đẹp đẽ của những anh chị em Chu Văn An và thân hữu đang sinh sống tại hải ngoại. Hy vọng nó góp phần làm phong phú hơn nữa cho diễn đàn rất có ý nghĩa trong suốt hơn mười năm qua của tập thể Chu Văn An.

Tất nhiên, dù cố gắng, chắc chắn chúng tôi cũng không tránh khỏi nhiều thiếu sót.. Rất mong quý vị và các bạn chân tình bổ khuyết để những số tiếp theo sẽ được cải tiến hơn.

Một lần nữa, xin cảm tạ tất cả quý vị và các bạn.

* * *

SỚ TÁO QUÂN

Muôn tâu Thánh Thượng
Hôm nay tháng Chạp
Chưa tới hăm ba
Thần phóng hết ga
Chạy nhanh hơn cả
Xe Diana
Mà không chạm, va
Đụng tường, đâm cột...
Nhờ mạng thần tốt
Nên thần ... sống sót
Nhưng thần đã chót
Nhào tới trước giờ
Đành đứng ngoài chờ
Cho Ngọc Hoàng ...khò
Bây giờ ...lò dò
Bước đại vào đây
Lay Ngọc Hoàng dậy
Để thần chúc thọ
Vớ lại lập bô
Cho tròn bốn phận
Thần là Táo Quân
Luôn luôn kề cận
Hội Chu Văn An
Ghi chép miên man
Bao nhiêu sự việc
Giờ xin tâu thiết
Cho Ngọc Hoàng rõ
Chuyện lớn chuyện nhỏ
Của cái Hội này
Xin kể từ ngày
Hội Chu Văn An
Suýt nữa tiêu tan
Vì Lê Duy San
Hăm he giải tán
Nếu không ai dám
Vác lấy ngà voi
Mà lo cho Hội
Anh em mồ hôi
Vã ra như tắm
Chuyện sao rồi rắm
Nào có ai ngờ
Mọi người nhỏ to

Quay qua quay lại
Đề cử người này
Chỉ định người kia
Thoái thác lia chia
Khác gì lớp học
Vắng thầy coi sóc
Ồn hơn hội chợ
Lứa tuổi đùa nô
Vịnh Lưu nhà thơ
Ngó lui ngó tới
Giơ tay lên nói:
"Hội của chúng ta
Xin nói thẳng ra
Cần luồng gió mới
Kiếm người mới tới
Thung Lũng Hoa Vàng
Bắt làm việc làng
Hội mới ...sống được!"
Thế là chức tước
Trong Ban Chấp Hành
Được phân phát nhanh
Cho nhân sự mới
Gồm Phạm Huy Thịnh
Mới tới Vùng Vịnh
Được một năm thôi
Vợ chồng ... đi đôi
Con cái...xa xôi
Ra làm Hội Trưởng
Với Trần Minh Phương
Bấy lăm ra trường
Làm Tổng Thư Ký
Ba năm ở Mỹ
Con còn bé tí
Vừa học vừa cấy
Cần người tiếp tay
Thì đã có ngay
Phó Tổng Thư Ký
Mọi người đồng ý
"Dí" ... Phạm Phúc Hưng
Đang nhẩy ... cà tưng
Bắt phải đưa lưng
Đưa đầu chịu ... báng.
Con người nhỏ dáng
Trông thật dễ thương
Cũng lại tên Phương

Họ Nguyễn đệm Đình
Thấu hết tình hình
Đóng vai Thủ Quỹ
Ở Pi-nô-lê
Có Hoàng Uông Lễ
Cùng với cháu rể
Mới tới Ca li
Là Nguyễn Lê Tiến
Hai người cùng ... biển
Thành Phó Hội Trưởng
Còn người vẫn thường
Đàn ca hát xướng
Phụ trách Văn Nghệ
Đôi vợ chồng.... trẻ
Doãn Lê Quốc Tấn.
Người không lẩn cấn
Chuyện vợ chuyện con
Cư xử rất tròn
Yêu thơ, thích họa
Cũng vừa mới qua
Ca li nắng ấm
Còn đang tìm ngắm
Bông hoa diên vĩ
Thì được "lì xì"
Đặc San, Báo Chí
Với lại Tin Thư
Anh cũng phải ừ
Ghé vai gánh vác
Chính Vũ Mạnh Phát
Còn người liên lạc
Bạn vùng Sắc-tô
Chỉ làm, không hô
Tốt số vợ hiền
Là Nguyễn Huy Tiên
Kêu gọi liên miên
Bạn bè khắp chốn
Thôi ... đừng...lẩn trốn
Mau nhập...cuộc... chơi!
Ban Chấp Hành mới
Mời Lê Duy San
Lên làm cố vấn
Cố Vấn Tối Cao
Thường Trực Trọn Đời
Hội Chu văn An
Dù anh...mệt...rồi!!!

Việc làm của Hội
Trong suốt năm qua
Xin kể qua loa
Vài chuyện chính yếu
Thần mà kể thiếu
Là chuyện đương nhiên
Công việc trước tiên
Chính là Tin Thư
Phát hành từ từ
Tùy theo tin tức
Lúc đầu sung sức
Mỗi tháng một kỳ
Tới giữa nhiệm kỳ
Phát hành ba tháng
Giờ thì ... loạng quạng
Chẳng biết bao lâu
Anh em chỉ cầu
Mọi người trước sau
Hà hơi tiếp sức
Tin Thư tiếp tục
Xây dựng nhịp cầu
Đồng môn giúp nhau
Tình thân thăm thiết
Thần cũng được biết
Rất nhiều bạn xưa
Bất ngờ sớm, trưa
Gặp lại được nhau
Cũng qua nhịp cầu
Của Tin Thư đấy!
Đặc San năm nay
Đổi khuôn đổi khổ
Giống quyển sách nhỏ
Thơ, nhạc tràn lan
Nội dung...miễn bàn
Bài vở không thiếu
Hình ảnh mỹ miều
Tốn chẳng bao nhiêu
Chính nhờ thiện chí
Của Ban Báo Chí
Như Đặng Tường Ngữ
Với Phạm Nguyên Khôi
Quyết không chịu lui
Trước bao thử thách
Về mặt tài chánh
Anh em gồng gánh

Hội viên yếm trợ
Quỹ không thiếu nợ
Đủ cho Tin Thư
Phát hành từ từ
Tiền quỹ....không dư
Anh em ...ngất ngư
Những sinh hoạt khác
Thì đành phó thác
Cho ... Ngọc Hoàng thôi!
Thần thấy bùi ngùi
Thương cho Hội quá
Sinh hoạt văn hoá
Tạm gác một bên
Tuy rằng anh em
Không thiếu thiện chí
Thần nghĩ cho kỹ
Tại cái Hội này
Vận số ...ai hay?
Ai người...cởi,...mở
Thần xin nói nhỏ
Ờ ...Ờ ...Ờ ...Ờ ...
Ở xứ ... tự do
Thần tự ..xoá bỏ
Chục dòng... ri-po
Sinh hoạt nhóm nhỏ
Lóe lên chập chờn
Thoáng nghe tiếng đờn
Hòa lẫn câu thơ
Đây đó...bàn cờ ...
Thế mà... bỏ dở
Vì con, vì vợ
Vì nợ...ngân hàng
Tránh xa...việc làng
Né gông ... đeo cổ
Phong trào tương trợ
Hội có khơi mào
Hưởng ứng...ào ào
Lúc đầu...một tí
Rồi cũng ...ù lì
Nhưng thật đáng ghi
Nhóm com-piu-tơ
Dẫu có ...mệt đờ
Cũng hàng chục mạng
Tuổi đã có hạn
Gặp nhau đều đều

Tiếng cười thật nhiều
"Được ăn được nói
Được gói mang về"
Toàn truyện e-mail
Và In-ter-net
Với lại chữ Việt
Cùng com-pu- tơ
Mọi người đều thích
Còn về sự tích
Tất niên năm rồi
Nhiều chuyện đáng nói
Tìm lui tìm tới
Địa điểm chẳng ra
Thần xin kể qua
Đầu đuôi ngọn ngành
Họp Ban Chấp Hành
Với Ban Cố Vấn
Anh em tần ngần
"Tổ chức sao đây?
Vừa vui lại rẻ"
Anh thì bắt bẻ
"Nhà hàng bình dân
Người ta chê ` bần `
Sẽ không tham dự
Tình hình bây chừ
Kiếm nơi chứa đủ
Hai trăm người thôi
Là quá cỡ rồi!"
Thế cũng chưa thôi
Lại thêm điều kiện
" Phải cố thực hiện
Vào trước tết cơ
Ý nghĩa mới có"
Thật là khốn khổ
Cho Ban Chấp Hành
Nhiều người "mới toanh"
Chưa rành phong thổ
Làm sao tìm chỗ
Thật là tự do
Thật là linh động
Anh em tới đông
Cũng không phải đứng
Các chịkhông hứng
Thì cũng chẳng sao
Số người thế nào

Hội đều "cân" hết
Đã gần đến Tết
Tìm vẫn chưa ra
Nơi nào tổ chức
Anh em tiếp tục
Tìm đến vài nơi
Có tiếng chửi chời
Sẵn sàng giúp đỡ
Thật là mừng rỡ
Khi đã cùng đường
Võ Đường Hùng Vương
Sẵn sàng cho mượn
Mọi người tí tởn
Phân chia công việc
Anh em không tiếc
Thì giờ công lao
Chỉ cố làm sao
Hội viên vui vẻ
Lớn bé già trẻ
Đều đến gặp nhau
Cười nói thật lâu
Mới đạt yêu cầu
Anh em chia nhau
Điện thoại từng người
Gọi tới gọi lui
Gọi cho kỳ được
Mới chịu xả hơi
Tối ngày vui chơi
Gần bốn trăm mạng
Nào thầy, nào bạn,
Nào vợ, nào con,
Nào ông, nào cháu
Tập trung gặp nhau
Nổi một nhịp cầu
Thật là thân thiết
Ngọc Hoàng...dư biết
Nào phải chuyện chời
Chính nhờ mọi người
Nhiệt tình với Hội
Nhiều người khen ngợi
"Am cúng, tình thân,
Thật vui, lại rẻ"
Nhưng Thần cũng nghe
Có người trách, chê
Với lời phán, phê

"Xây dựng...chút ít
Ghế ngồi... đầu đít
Đến khi muốn...xịt
Phải xếp hàng chờ"
Thần cười ... tâng lờ
Tránh ra chỗ khác
Anh em bàn bạc
"Rút kinh nghiệm thôi"
Mậu Dần tới rồi
Muốn tổ chức to
Nhưng thiếu người lo
Thiếu người...giúp đỡ
Nên đành ...ờ ..ờ ...
Làm ở nhà hàng
Giải quyết...việc làng
Mong rằng đỡ mệt
Thần kể tạm hết
Chuyện của năm qua
Giờ xin giáng hạ
Về lại trần gian
Xin Ngọc Hoàng ban
Hai chữ "Bình An"
Với lại chữ "Nhàn"
Cho toàn thần dân
Thân hữu xa, gần
Hội Chu Văn An!
"Khanh về trần gian
Nhớ lời Trẫm dặn
Dân Chu văn An
Hãy giữ Tinh Thần
Của Chu tiên sinh
Trong Đại gia đình
Bưởi-Chu Văn An
Cho tới ngày tàn
Cuộc sống trần gian
Hỡi Chu Văn An!"
Táo CVA/ Bắc Cali sao lục
Tết Mậu Dần 1998

*** * ***

LTS: Thầy Nguyễn Đình Hòa là cựu GS trường CVA Saigon

ĐƯỜNG XƯA LỐI CŨ

Nguyễn Đình Hòa

Vị lão sư vừa tiễn chân khách quý tới hết rặng thông. Sau ba lần vái chào, khách dắt ngựa xuống chân núi, đầu còn ngoảnh lại, nhìn lên ông thầy cũ. Lúc bóng người khách và hai viên tùy tùng đã khuất hẳn, vị lão sư mới lững thững quay lên. Bước vào ngôi nhà tranh, cụ gọi tiểu đồng căn dặn: " Gắm vóc vua ban, con hãy cất giữ để sau này cho những ai thiếu thốn trong xã, chứ ta đã đủ quần áo rồi."

Sáng hôm đó, vị sư-biểu đời Trần vừa mới tiếp một vị đại- quan mà nhà vua từ thành Thăng-Long phái lên tận núi Phụng-hoàng (huyện Chí-linh, tỉnh Hải-dương) mời ông hạ sơn giúp nước.

Ông thầy già Chu (Vãn) An đang ngồi trên sập, tựa vào cái gối xếp, đọc sách, thì thấy viên khách nào đó, áo mũ long trọng, sụp xuống ở ngoài hiên, lên tiếng kính chào sư phụ. Té ra là học trò yêu khi xưa - quan Nhập-nội Hành-khiển họ Phạm - từ kinh đô tới. Ông thầy cũ vội buông sách, bước khỏi sập, xỏ chân vào đôi giày cỏ, lại nâng khách quý dậy: "Quan Hành-khiển, xin người đừng quá khách sáo."

Thầy trò gặp nhau quán quít, nhưng vẫn đúng lễ nghi. Sau chén chè mai, vị đại quan chấp tay thưa: " Kính thưa Thầy, con được lệnh nhà vua chuyển đến Thầy bản sắc-phong và vài tặng-phẩm. Nhân dịp này, con rất vui mừng được trở về hỏi thăm sức khỏe của Thầy. " Chu An đỡ lấy bọc gốm vóc và cái tráp sơn do hai viên tùy tùng dâng lên. Cụ kính-cản đặt lên bàn thờ ở giữa nhà, rồi sửa sang áo-mũ, đứng vái trước hương án, từ từ mở bản sắc phong ra đọc, rồi gập lại, đặt trả vào trong tráp, không nói gì cả.

Hai bên hàn-huyên mọi nỗi, bàn-luận lan-man về thế-thái nhân-tình cũng như quốc-sự, nhưng rồi qua bữa cơm trưa thanh đạm, mãi gần đến giờ thân mà ông cụ vẫn chưa đã-động gì đến bản sắc-phong kia. Mãi sau, cụ mới lên tiếng rằng cách đó mấy tháng, nhà vua đã phán bảo cụ về chuyện đó, nhưng cụ xin Vua cho cụ về suy nghĩ đã.

" Nay nhà vua lại cho quan đại thần mang thư đến nhắc chuyện ấy và cho thầy gốm lụa," cụ thông thả nói. " Tặng-phẩm này, thầy xin bái-lĩnh và đội ơn nhà vua. Nhưng chuyện ủy-thác cho thầy về Kinh trông-nom việc triều-chính, thì thầy đã suy-nghĩ, không thể tuân lệnh nhà vua được."

Phạm Sư-Mạnh chấp tay kính-cản thưa: " Kính thưa Thầy, nhà vua và đình-thần ngày đêm mong-mỏi được Thầy về đế-đô chăm-lo việc triều-chính, để đem lại hạnh-phúc cho muôn dân....."

" Hạnh phúc cho toàn dân, " vị lão sư ngắt lời học-trò, " là ở chỗ: trên minh quân, dưới hiền thần, vua tôi cùng đem đạo-lí ra mà chặn-dắt muôn dân, ai nấy đều được no-ấm an-bình. Chứ hiện nay, triều-chính thối-nát, nhà vua chỉ lo xây-đắp đền-đài cung-điện cho nguy-nga, lại nghe bọn gian-thần sàm-tấu, khiến cho dân-tình oán-thán, giặc-giã phong-khởi. Thầy đây, tài hèn sức mọn, làm sao có thể đem lại hạnh-phúc cho dân được?"

Vị khách cúi đầu, khi nghe ông thầy mình bảo về tâu lại nhà vua rằng cụ xin được tiếp-tục nếp sống ẩn-dật trên núi, an-vui với mưa nắng, cỏ-cây quanh túp nhà tranh.

Chu An, đang dạy học tại trường làng Cung-hoàng, gần kinh-thành, thì vua Trần Minh-Tông (tên Mạnh, ở ngôi từ 1314 đến 1329) xuống chiếu vời ông vào và giao cho chức Quốc-tử Tư-nghiệp, tức như viện-trưởng trường Quốc-tử-giám. Chu An vâng mệnh vua,

đóng cửa trường, từ-giã học-trò để vào Kinh nhận chức. Đứng đầu một trường lớn chuyên đào-tạo các vương-tôn công-tử, ông không lấy làm vinh-dự cho lắm: càng tiếp-xúc với các bậc công-hầu khanh-tướng, thì ông càng đau lòng khi thấy chính những người ấy ham-mê cuộc sống xa-hoa, đòi-truy, thiếu hẳn cái đạo-lý của thánh-hiền mà Chu An mong-mỏi đem dạy-dỗ cho đám môn-sinh.

Vị tư-nghiệp thường hay đi dạo chơi quanh ngôi trường nghiêm-trang để vừa hòa mình với thiên-nhiên tươi-tốt, vừa đi sâu tìm hiểu dân-tình. Một hôm gặp đám dân nghèo ốm-yếu, rách-rưới kéo nhau đi làm, ông hỏi một người lớn tuổi thì mới biết là trong hoàng-thành, nhà vua đang cho xây ngự-uyển, đắp giả-son, đào hồ mát, dựng cây cảnh, điện nọ, cung kia, để cho vua quan cờ-bạc, rượu-chè, tha hồ hưởng lạc, trong khi đám nhân-công lam-lũ đô mồ-hôi ra sức phục-dịch.

Hôm đó, về đến tư-thất, Chu An trần-trọc suốt đêm, nghĩ đến nông-nỗi dân-den, đã hay bị lút-lội, hạn-hán, lại còn khổ-sở vì loạn-lạc khắp nơi. Ông ngồi dậy, đến án-thư thảo bài sớ " Thất trăm ", để dâng lên xin nhà vua chém đầu bảy tên nịnh-thần. Khi vua triệu vào cung ông được vua Trần Dụ-tông (tên Hạo, ở ngôi 1341-1369) rời ngai rồng, ra tận thềm điện Thị-triều và dắt Chu An vào ngôi chỗ cao trong hàng văn-quan gắn ngai vàng. Hôm đó lại chính là dịp khánh-thành khu ngự-uyển: sau nghi-thức vua ban rượu, rồi các quan chúc-tụng vua, Dụ-tông khen tài-đức của Chu An, nhưng lại nói muốn ông cứ tiếp-tục làm tròn phận-sự của Quốc-tử Tư-nghiệp ---còn ngoài ra không cần bận -tâm đến mọi việc khác!

Chu An không đổi sắc mặt, đứng dậy chấp tay lạy tạ. Sáu tháng sau, mọi việc trong triều vẫn không có gì thay-đổi : Chu An lại dâng sớ, nhưng lần này lấy cớ sức yếu mà xin từ quan. Nhà vua trẻ tuổi xuống chiếu mấy lần đòi giữ ông, nhưng lão-sư nhất mực xin rút lui, và vua phải chịu cho ông về nghỉ.

Chu An là nhà nho, nhà hiền-triết, nhà sư-phạm mẫu-mục cuối đời Trần. Ông có tên hiệu là Tiều-Ẩn, tên chữ là Linh-Triệt, người làng Văn-thôn, xã Quang-liệt, huyện Thanh-đàm (về sau đổi là Thanh-trì). Năm sinh Nhâm-Thìn (1292) và năm mất Canh-tuất (1370) là theo thần-tích tại ngôi đình Thanh-liệt, tức nơi thờ ông làm Thành-hoàng. Học-thức uyên-bác, tư-cách thanh-cao, nên khi đứng đầu Quốc-tử-giám để dạy Thái-tử học, vị Tư-nghiệp trường quốc-học đó đã cùng với các đồng-liêu cùng chí-hướng như Mạc Đĩnh-Chi, Phạm Sư-Mạnh và Nguyễn Trung-Ngạn tham-gia việc triều-đình. Nhưng đến đời Dụ-tông (lên ngôi lúc sáu tuổi), chính sự suy-đổi, ông can-ngăn nhà vua không được, khi dâng sớ Thất-trăm (văn bản này đã thất truyền) vua cũng không nghe, ông mới xin từ quan, về ở ẩn trên núi ở xã Kiệt-đặc, huyện Chí-linh.

Chu An viết nhiều tác-phẩm: *Tiêu-ẩn Thi-tập* bằng chữ Hán, *Quốc-ngữ Thi-tập* bằng chữ Nôm, sách *Tứ-thư Thuyết-ước*, và quyển *Y-học Yếu-giải* nói về đông-y. Khi ông mất, vua Trần đã ban tên thụy cho ông là Văn-trinh và dành cho ông một vinh dự đặc-biệt là được thờ tại Văn-miếu, tức đền thờ Đức Khổng-tử.

Phan Huy-Chú đã ca ngợi Chu An như sau: "Học-nghiệp thuần-túy, tiết-tháo cao-thượng, làng Nho nước Việt trước sau chỉ có một mình ông, không ai sánh kịp.""

Đường Van Vollenhoven ở Hà-nội trước, nay đã cải là phố Chu Văn An. Trường Bưởi ("Trung-học Bảo-hộ ", dịch tên Lycée du Protectorat) từ 1945 cũng mang tên nhà sư-phạm lỗi-lạc, tài-đức vẹn-toàn, đáng cho đám hậu-sinh chúng ta hãnh-diện mà noi theo đường-lối của Ngài.

Nhớ lại Chu Văn An 1953-1956

Đặng Lương Mô

Hè năm nay, 1997, với tôi là cả một mùa đáng ghi nhớ. Đã ngót hai chục năm nay rồi, mỗi năm, phần nhiều vào dịp hè hoặc dịp hè sang thu, năm nào tôi cũng sang Mỹ, thường là đi dự một hội nghị chuyên môn để phát biểu công trình nghiên cứu khoa học. Tôi quên chưa tự giới thiệu : tôi làm giáo sư dạy điện tử tại một trường đại học khá danh tiếng ở Nhật. Chỉ có hai lần tôi qua Mỹ mà không đi dự một kỳ hội chuyên môn nào cả. Một lần đã gần mười năm trước đây, tôi đi dắt một toán ba mươi sinh viên nam nữ của trường tôi sang dự một khóa học hè theo chương trình trao đổi với một trường đại học chị em ở bang Missouri. Lần thứ hai chính là mùa hè năm nay vậy.

Cũng như đa số người Việt hải ngoại ngày nay, tôi vốn trước đây cũng làm trong chính thể VNCH, rồi thất thế phải rời bỏ quê hương đi tha phương cầu thực cho tới bây giờ. Ngày trước ở quê nhà, tôi chỉ làm nghề thầy giáo, dạy học ở trường Đại Học Khoa Học, đường Cộng Hòa (nay là đường Nguyễn văn Cừ), và Học Viện Quốc Gia Kỹ Thuật, đường Nguyễn văn Thoại, Phú Thọ. Đã có lúc nhờ thời vận, tôi làm tới chức Viện Trưởng của Học Viện này. Rồi ngày 30 tháng 4 năm 1975 xảy tới, lật ngược cả cái xã hội mà biết bao nhiêu người không phải chỉ riêng người VN mà còn có cả hàng ngàn, hàng vạn người nước ngoài nữa đã góp công, góp sức, góp của cải, góp xương máu xây dựng lên. Hơn mười bốn tháng sau ngày 30 tháng 4 năm 1975, tôi được phép xuất cảnh ra khỏi VN, sau khi đã xong một khóa học tập ngay tại Sài-gòn dành riêng cho giáo giới đại học "ngụy". Tôi trở lại Nhật, quê hương thứ hai của tôi, nơi tôi đã sống trên mười năm trời của cái thời kỳ hình thành nhân cách nhà khoa học của tôi, nghĩa là trước khi tôi về VN làm giáo sư đại học. Tôi lại đi làm cho một công ty điện tử lớn của Nhật-Bản, công ty mà ngày trước, trước khi về VN dạy học, tôi đã từng làm việc ở đó rồi. Một thời gian sau, tôi đổi sang làm việc tại trường đại học Nhật kể trên, và tiếp tục làm nghề thầy giáo cho tới bây giờ. Kể từ khi tôi còn làm việc với công ty điện tử kể trên cho tới nay, tức là hơn hai chục năm nay, thì hầu như năm nào tôi cũng có công trình nghiên cứu đem đi phát biểu ở các hội nghị chuyên môn quốc tế, phần lớn ở Mỹ. Chính nhờ vậy mà hàng năm tôi vẫn có dịp qua Mỹ như đã nói ở trên.

Sang Mỹ, nếu họp ở California thì thôi, chứ nếu họp ở một nơi khác, thì tôi sẽ xếp đặt sao cho tôi có thể ghé California được vài ngày mới chịu. Lý do lần nào tôi cũng ghé California, là vì tôi có nhiều thân thích sinh sống ở đó : cha mẹ già, anh em ruột và nhiều bà con khác nữa.

Năm nay thật ra tôi đã làm xong phận sự hàng năm như vậy hồi tháng Hai rồi. Đáng lẽ tôi không còn dự định nào qua Mỹ đại lục nữa, duy tôi sẽ lại qua Hawaii vào dịp cuối năm nay, cũng là để phát biểu công trình nghiên cứu khoa học, thế mà tôi đã bắt buộc phải qua California một lần nữa, cũng lại vào mùa Hè! Thứ nhất là vì cha già tôi, năm nay đã chín mươi một tuổi, bỗng trở bệnh nguy kịch! Anh cả tôi bèn gọi tôi từ Nhật và em trai tôi từ Úc qua cho gấp! May thay, mặc dầu bệnh tình quả có nguy ngập thật, xong nhờ sự chăm sóc hiến thân của mẹ già tôi, một cụ già nữa cũng suýt soát cứu vãn, nhờ sự hiệu nghiệm của y thuật tiên bộ, và nhất là nhờ sức sống khác thường mà người ta hay thấy ở các cụ già thuộc thể hệ sinh vào đầu thế kỷ này, cha tôi đã vượt khỏi cơn hiểm nghèo! Lý do thứ hai khiến tôi đã lại qua California mùa hè năm nay, là vì một cuộc họp bạn của các cựu học sinh của một tỉnh đồng bằng Bắc Việt, nơi mà tôi đã ở và đi học ba năm cuối của bậc trung học đệ nhất cấp. Cuộc họp bạn này đã cho phép tôi được gặp cả ba bốn chục bạn cũ, phần lớn thì cả chục năm nay và có người cả gần năm chục năm qua, tức là kể từ ngày ra trường đến nay,

không hề gặp nhau lần nào cả. Thật ra, tôi đã có ý bỏ không tới dự cuộc họp bạn này, nếu tình trạng sức khỏe của cha già tôi không khá lên. Song, nhờ trời, tình trạng sức khỏe của cụ đã cải thiện, và vì vậy sự tới dự buổi họp bạn nọ đột nhiên thực hiện được. Không những thế, chính nhờ có chút đỉnh bất ngờ, mà sự tham dự buổi họp bạn lại càng trở nên thú vị hơn.

Còn một cái thú vị nữa, đáng ghi nhớ và còn tình cờ hơn nữa, là tôi bỗng nhiên được dự một buổi họp khác, hoàn toàn không trừ tính, không tiên liệu, không xếp đặt gì trước cả, của Hội Ái Hữu Chu Văn An ngay tại San José (California).

Vâng, Chu Văn An là trường tôi học trong trọn ba năm của bậc trung học đệ nhị cấp, từ năm 1953, tức là lúc trường còn ở Hà-nội, cho tới năm 1956, tức là hai năm sau khi trường đã di vào Sài-gòn. Nói một cách khác, từ một tỉnh nhỏ thời đó chưa có trường trung học đệ nhị cấp, tôi đã phải lên Hà-nội mới có thể học lên nữa được, tôi may mắn đã có điểm tốt ở bậc đệ nhất cấp, nên đã được cho vào trường Chu Văn An miễn thi. Thời đó ở ngoài Bắc, chỉ có ở Hà-nội mới có trường trung học đệ nhị cấp. Mà ngay ở Hà-nội, cũng chỉ có Chu Văn An và Nguyễn Trãi là hai trường công có bậc đệ nhị cấp mà thôi. Ngoài hai trường này, Hà-nội còn có vài trường tư thục cũng có bậc đệ nhị cấp, và trường trung học Pháp, dạy theo chương trình hoàn toàn bằng tiếng Pháp nữa.

Tôi còn nhớ hồi năm 1954, sau Hiệp Định Genève, vấn đề trường di chuyển vào Nam đã làm xôn xao cả thầy lẫn trò. Người này nói nên đi, người kia nói đừng. Có thầy đã công nhiên đem vấn đề này ra thảo luận ngay trong giờ học. Tôi còn nhớ một ông thầy như vậy là thầy Quĩ, dạy toán. Thầy đã ở lại Hà-nội chứ không theo trường vào Nam. Còn tôi, tôi không có sự lựa chọn nào khác được, bởi vì cha mẹ tôi đã quyết định di cư vào Nam rồi! Chính bản thân tôi, tôi không thắc mắc gì mấy trong vấn đề di cư vào Nam cả. Không những thế, tôi lại còn có phần phần khởi nữa là khác. Lý do của tôi rất đơn giản: tôi sẽ có dịp được thấy Sài-gòn và sống tại miền Nam, mà không dung thì chắc chẳng bao giờ tự mình lại có thể thực hiện được, xét cái hoàn cảnh của xã-hội VN thời đó. Cũng có thể là tôi đã chịu ảnh hưởng của họ hàng thân tộc. Ông ngoại tôi thời xưa, thời Tây, đã đi lính và đã đóng đồn ở bên Tàu. Cậu tôi, làm sở thiên văn dưới thời Tây, cũng đã từng sang làm việc ở Savanaket bên Lào. Được nghe kể chuyện lạ bên Tàu, hay bên Lào, tôi thường cảm thấy háo hức lạ lùng. Vào Nam thì chính xác chưa phải là sang một nước ngoài, song đây cũng là đi một xứ lạ, xa lắc xa lơ! Ấy là chưa kể với nhiều người của thời đại trước, mà trong lịch sử cận đại đã có nhiều dẫn chứng, thì vào Sài-gòn cũng có nghĩa là bước đầu sang Tân Thế Giới.

Vào đến Sài-gòn trường ốc không có, phải mượn một dãy nhà vốn là ký túc xá của trường Pétrus Ký làm lớp học. Mặc dầu trường ốc không được khang trang bằng ở Hà-nội, song thầy và trò vốn vẫn là đám người chọn lọc, nên hoạt động của trường chỉ trong một thời gian ngắn đã trở lại bình thường. Ngoài những thầy từ Hà-nội vào, trường lại có thêm một số thầy mới, phần lớn đều là thành phần di cư từ miền Bắc vào cả. Những thầy mới này, trẻ là những người mới đậu cử nhân, lớn tuổi rồi thì có người đã có kinh nghiệm giảng dạy ở đại học nữa, chẳng hạn như giáo sư Hoàng Cơ Nghị. Nhờ thế mà phẩm chất giáo dục của trường có thể nói là rất tốt. Thời đó, thi Tú tài cũng phải nói là đã khó. Ti lệ đậu tú tài II còn khá chứ ti lệ đậu Tú tài I của mỗi khóa thi, thì ít khi cao hơn 40 phần trăm. Vậy mà trường Chu Văn An vẫn luôn luôn duy trì được thành tích rất cao. Thời đó, số học trò còn ít cho nên đi thi thì ai đậu, ai rớt mọi người đều biết lẫn nhau hết. Tôi còn nhớ khóa tôi chỉ có ba lớp ban B, một lớp ban C và một lớp ban A. Nói cách khác, số người cùng đi thi một khóa với nhau chỉ có khoảng hơn một trăm người, cho nên phần lớn đều biết mặt nhau cả. Ấy số học trò CVA tuy ít như vậy mà cũng chiếm một phần không nhỏ của cả trường thi.

Tôi nhớ kỳ thi Tú tài I của tôi là năm 1955, trường thi là trường Gia Long, chủ khảo là giáo sư Hoàng Cơ Nghị. Số người đậu chỉ đủ để cho chính giáo sư chủ khảo cầm danh sách, đứng trên thềm gạch của văn phòng trường, đích thân đọc tên từng người một! Ông còn nói đùa: " Tôi sẽ chỉ đọc thứ hạng những ai hạng Bình Thứ trở lên mà thôi, còn ai hạng Thứ thì xin thứ cho tôi!" Thầy Nghị này, ngoài cái dí dỏm trí thức như vậy, còn là giáo sư thượng thặng trong việc giảng dạy môn vật lý.

Ông giảng rất dễ hiểu mặc dầu nội dung bài giảng của ông có khi vượt lên trên phạm vi học trình trung học. Vào lớp học, ông thường đi với hai tay vo, không cầm sách theo bao giờ cả. Ông tận dụng cái bảng đen, đi đi lại lại trong lớp học, tay vuốt ngược mái đầu hói, miệng không ngừng nói cho đến hết giờ. Cái tác phong này khác hẳn với thầy Quĩ đã nói ở trên. Thầy Quĩ dạy toán cũng hay lắm, cũng dí dỏm không kém, song thái độ ông đùng đĩnh hơn. Mỗi giờ học, ít nhất cũng phải một lần, ông ra bài làm trong lớp cho học trò rồi ra ngoài hành lang châm thuốc lá hút một cách say sưa. Ông không hút cả điếu mà lại cẩn thận cắt điếu thuốc ra làm đôi, mỗi lần ra hành lang như vậy chỉ hút nửa điếu thôi. Có lần khi chỉ vừa mới rít vài hơi, ông chợt nhớ ra điều gì, bèn để cái nửa điếu thuốc hút dở lại đó trở vào lớp học, ý chừng là để lại ra hút nốt. Nhưng rồi ông quên khuấy đi mất, bỏ quên nửa điếu thuốc lá đang hút cho cháy lụi đi, để lại một cái đười tàn thuốc dài. Lũ học trò tinh nghịch chúng tôi, mỗi lần bắt gặp "bãi" tàn thuốc lá như vậy, thường kháo nhau : "c....ông Quĩ đây !"

Năm 1956, tôi đậu nốt phần Tú tài II rồi vào Đại Học Khoa Học. Năm đó, nước Pháp có viện trợ cho VN mở ra trường École des Arts et Métiers, mà sau này gọi là Trường Kỹ Sư Công Nghệ (nay là Khoa Cơ Khí, Đại Học Bách Khoa TPHCM, tên gọi mới của Học Viện Quốc Gia Kỹ Thuật đã kể trên). Tôi đã thi vào trường này và may mắn đỗ đầu. Học đại học thời đó, cho là ở Đại Học Khoa Học hay là ở trường Kỹ Sư Công Nghệ, thì chuyển ngữ đều là tiếng Pháp cả. Đang từ trường trung học học bằng tiếng Việt, đánh đùng một cái, tất cả đều bằng tiếng Pháp hết, khiến cho đám sinh viên xuất thân từ các trường Việt bị chói với trong mấy tháng đầu. Ấy thế mà chỉ vừa làm quen được với việc học bằng tiếng Pháp, tôi đã lại làm một cuộc mạo hiểm khác, liều lĩnh hơn nhiều. Đó là dự thi học bổng du học qua Nhật, do chính phủ Nhật cấp. Tháng Tư năm sau, 1957, tôi sách va-li qua Nhật, trong túi chỉ vồn vện có vài tiếng Nhật học xỏ một tuần lễ trước khi lên đường! Sang tới Nhật, tôi mới vỡ lẽ ra là cái vốn liếng tiếng Pháp trở thành gần như vô dụng. Ở trường Đại Học, người ta học bằng tiếng Nhật, còn khi cần tiếp xúc với người nước khác thì người ta dùng tiếng Anh! Thế là con cháu cụ CVA lại bị một phen chói với nữa. Cũng may là trong năm học cuối cùng ở CVA, tôi đã được học Anh ngữ một ông thầy thượng thặng nữa. Đó là cha Vị. Cha vốn là linh mục Thiên Chúa Giáo mà lại du học sang Anh, một nước cơ bản là theo Tân Giáo. Hãy bỏ ra ngoài cái kinh lịch khác thường này, ông là thầy Anh ngữ đầu tiên trong bảy năm trời của hai bậc trung học, đệ nhất và đệ nhị cấp, đã làm cho tôi có hứng học tiếng Anh. Hơn nữa, tôi đã thực sự học được những qui luật cơ bản của Anh ngữ mà trong suốt sáu năm trước đó, tôi đã lơ đãng không chú ý tìm hiểu. Thời nay, đối với người Việt ở Mỹ thì khỏi phải bàn nữa, mà ngay cả với những người Việt hiện còn đang sống ở trong chế độ xã hội chủ nghĩa, thì Anh ngữ cũng đang càng ngày càng gia tăng thêm tầm quan trọng. Ấy thế mà cái thời tôi còn đang đi học ở CVA, thì Anh ngữ, cả trên danh nghĩa lẫn trên thực chất, chỉ là thứ ngoại ngữ thứ hai, ngoại ngữ phụ! Thật thế, số giờ học Anh ngữ chỉ bằng nửa số giờ học Pháp ngữ, trừ năm cuối cùng, tức là năm đệ Nhất, thì trong nửa năm đầu, với sáu giờ Pháp ngữ mỗi tuần, chúng tôi đã được học tới bốn giờ Anh ngữ. Tuy vậy, nói chung thì cái quan tâm của học sinh thời đó vẫn là học tiếng Pháp. Đây không những là vì tiếng Pháp cần thiết cho sự học ở đại học, như đã nói ở trên, mà còn một lý do nữa khiến học sinh tỏ ra hồ hững với việc học Anh ngữ. Đó là vì so với các thầy dạy tiếng Pháp, ông nào cũng lâu lâu, thao thao bất tuyệt, thì các thầy dạy tiếng Anh thấy ít người thành thạo như vậy. Giờ học Anh ngữ vì vậy so với giờ học Pháp ngữ không những đã kém hấp dẫn, mà trên thực chất, cái mật độ học tiếng Anh có lẽ chỉ bằng non nửa cái mật độ học tiếng Pháp. Trong cái bối cảnh như vậy, thì một giáo sư vốn sẵn lâu thông tiếng Pháp, tiếng La-tinh, lại còn du học qua Anh quốc nữa, được đào luyện thành thực cái Anh ngữ "đế vương"- (King's English) - như cha Vị, quả là có tác dụng kích động mãnh liệt với tôi , đã khiến tôi đột nhiên thấy ham học tiếng Anh. Chỉ một nửa niên học với cha Vị, tôi có cảm tưởng như tôi đã học được nhiều hơn cả sáu năm trước đó. Ngày nay, hơn bốn chục năm sau khi rời trường CVA rồi, và từ đó tới nay, mặc dầu không bao giờ tôi học tiếng Anh theo một chương trình

chính qui nào như vậy nữa, mà tôi vẫn thấy tôi cũng có đủ tiếng Anh để nói, để đọc, để viết một cách tự do thoải mái với bất cứ ai, trên bất cứ lãnh vực nào, về bất cứ đề tài gì, thì đó chính là nhờ tôi đã được truyền thụ cái bí quyết học Anh ngữ của cha Vị vậy.

Vài năm nay, tôi đã có nhiều dịp trở về VN, hoặc Sài-gòn, hoặc Hà-nội. Ở Sài-gòn tôi vốn có nhiều bạn cũ, nhiều người hãy còn làm giáo sư đại học. Về Hà-nội, thì ngược lại tôi lại có ít người quen hơn. Tôi tiếc là trong những lần về VN đã qua, tôi không kiếm được ngày giờ đi thăm trường CVA cũ, cả ở Sài-gòn lẫn ở Hà-nội. Nói đến trường CVA ở Hà-nội, thì sau khi đã di cư vào Sài-gòn rồi, tôi cứ đinh ninh rằng cái trường ở Hà-nội hẳn không còn nữa. Thế nhưng trong một chuyến đi Hà-nội hơn bốn năm trước đây, nhân đến thăm trường Đại Học Bách Khoa Hà-nội, (trường này nằm trong khuôn viên Trường Bảo Hộ, tức là trường Bưởi ngày xưa), tôi mới được biết rằng trường CVA vẫn còn và đồng thời cũng vẫn là một trường danh tiếng ngoài Bắc. Sở dĩ tôi biết được như vậy là vì trong lúc chuyện trò với một số giáo sư Bách Khoa, người ta thấy tôi nói tiếng Bắc mới hỏi tôi là trước ở ngoài Bắc tôi học trường nào? Tôi trả lời là học ở CVA năm 1953, rồi theo trường vào Nam năm 1954. Tức thì, một anh giáo sư Bách Khoa liền thốt lên một cách mừng rỡ : "Vậy ra anh là đàn anh của tôi rồi! Tôi học sau anh vài khóa."

Trong tương lai gần đây, tôi sẽ lại có dịp về VN nữa. Lần này, tôi sẽ cố tìm tới thăm trường cũ, nếu được thì cả ở Sài-gòn lẫn ở Hà-nội. Chừng đó, xin hẹn sẽ có thư tín khác nữa.

Ghi lại ngày 28 tháng 8 năm 1997 tại Tokyo, Nhật-Bản

Lửa Chu Văn An

Nguyễn Quốc Long

Nhân dịp Xuân sắp đến, cũng là lúc Đặc San Chu văn An của Hội Ái Hữu cựu học sinh Chu văn An miền Bắc California sắp ra mắt bạn đọc, tôi xin có một số ý kiến về lửa Chu văn An như sau.

Đọc qua vài lần báo Chu văn An, được biết Hội đã có lúc cường thịnh dưới triều đại của các bậc đàn anh, đến nay không nhờ sự cố gắng nhiệt tình thì đã tan rã. Từ năm 1975 đến nay thấm thoát đã hai mươi hai năm, chúng ta đã làm được những gì, ngoài việc đi cày lo cơm áo, hầu hết phải làm thợ thuyền ở xứ người, làm ngày làm đêm để lo cho con cái. Cũng may nhiều người con cái thành công làm rạng mặt cho cộng đồng Việt Nam trên thế giới.

Muốn đấu tranh ta phải có mục tiêu. Muốn thành công thì phải có kiến thức, khả năng và văn hóa. Chỉ cần một điều là dân trí phải nâng cao, con dân Lạc Việt phải nên người. Mục tiêu của chúng ta là hướng dẫn giáo dục thế hệ tương lai về tư tưởng và văn hóa để thành công trong đời sống hiện tại, hạnh phúc trong tương lai, và trở thành những người lãnh đạo nhân ái. Vì thế trong giai đoạn này chúng ta rất cần đến ngọn lửa Chu văn An và sự liên kết của các trường để làm ngọn đuốc soi đường cho hậu thế. Ngoài văn nghệ giúp vui, họp mặt để duy trì văn hóa và tình thân, Chu văn An rất cần những bài viết của các bậc đàn anh đã thừa hưởng những gia tài văn hóa Việt, hay những kinh nghiệm bản thân để báo Chu văn An trở thành những tập san quý báu của mọi gia đình.

Trong khi chờ đợi mặt trời mọc, chúng ta hãy đốt lên ngọn lửa Chu văn An để trong bóng đêm vẫn thấy con đường tốt mà đi, cho con em chúng ta tình ngộ không sa đọa, cờ bạc cướp bóc, trước là giúp chính bản thân, sau là tương lai có dịp giúp nước.

Đôi lời thô thiển đóng góp. Các bạn Chu văn An khác nghĩ sao?

TRẮC NGHIỆM ĐỊA LÝ

Các cây sử địa Chu văn An hãy thử làm bài thi trắc nghiệm "ABC khoanh" về địa lý dưới đây:

- Nước nào lạnh nhất thế giới ?

Câu trả lời đúng : Nước ... Đại Hàn !

- Nước nào nhỏ nhất thế giới ?

Câu trả lời đúng : Nước ... Lỗ !

- Nước nào ngọt nhất thế giới ?

Câu trả lời đúng : Nước ... Lào (Lào) !

- Nước nào dê nhất thế giới ?

Câu trả lời đúng : Nước ... Cu Ba !

- Nước nào cờ bạc nhất thế giới ?

Câu trả lời đúng : Nước ... Ba Tây !

CHU VĂN AN NGUYÊN THỦY

(1956-1963)

Vũ thế Trụ

CVA 56-63

Nhận được 2 cuốn đặc san Chu văn An rất cũ (hè 1989 và hè 1990) của bạn bè ở Cali gửi cho, tôi đọc không còn một chữ từ trang bìa cho hết nội dung kể cả mấy trang quảng cáo để tìm những hình ảnh và tên tuổi quen thuộc. Tôi "thiền" 3 cuốn đặc san này mấy ngày trời, cả một vùng trời CVA bỗng nhiên sống lại với tôi. Tôi không ngờ những kỷ niệm hết sức bình thường của quãng đời 7 năm trung học lại có sức hút mãnh liệt đối với tôi như vậy. Tôi bỏ công việc thường lệ của gia đình ngồi một mình suy tư, sống lại với thuở CVA vàng son. Gọi điện thoại cho mấy khuôn mặt CVA thuở đó nhưng không thỏa mãn vì không được gặp người mình muốn gặp mà trong điện thoại chỉ có tiếng nói của vợ con đương sự. Ngày hôm sau cũng được gặp chính y, nhưng y này hình như chưa mở đúng tần số của tôi mong mỏi mà hẳn cứ lái về thực tại huy hoàng nhưng không đúng lúc. Hẳn muốn tôi chia sẻ những thành công về học vấn của con cái hẳn mà tôi thì muốn hẳn cùng tôi nhớ lại những hình ảnh của vùng trời CVA xa xưa. Khi tôi nhắc đến tên của một thằng bạn của hẳn và của tôi thì hẳn trả lời ngay "nhớ chứ, nhớ chứ" nhưng tuyệt nhiên hẳn không nói thêm được một câu nào về người bạn mà hẳn nhớ chứ, nhớ chứ rồi tiếp tục trở lại tần số đang mở sẵn của hẳn "Con trai thứ hai của tôi khởi sự đi làm với số lương ...đô/năm kể cả các lợi tức khác."

Mặc dù tôi cũng đã thực tế hội nhập vào cái xã hội văn minh vật chất này nhưng giờ đây tôi đang muốn không khí CVA và chỉ muốn nói chuyện dính dáng tới cái thời niên thiếu ấy của tôi thôi. Lúc này tôi không có hứng nói chuyện job, chuyện đô la. Tôi gác máy và trở lại với vùng trời đầy ắp kỷ niệm của mình và hứa sẽ nói chuyện ở Mỹ với thằng bạn mở sai tần số này.

Tháng 9 năm 1956, một trăm hai mươi học trò non choẹt vừa bước vào ngưỡng cửa trung học trường Chu văn An, đố đầu là Tăng thúc Triển, thứ nhì là Nguyễn văn Chuế, bắt đầu niên học tại 2 phòng nguyên là nhà để xe được ngăn ra bằng những tấm carton dày. Chu văn An năm đó đặt dưới sự hướng dẫn của thầy Hiệu trưởng Vũ ngô Sán và thầy Giám học Vũ đức Thận. Nhưng sau đó thầy Sán đổi sang làm Thanh tra ở Bộ Giáo Dục, còn thầy Thận qua làm Hiệu trưởng trường Nguyễn Trãi. Thầy Trần văn Việt nguyên làm Hiệu trưởng trường Nguyễn Trãi sang làm Hiệu trưởng Chu văn An. Đối với các thầy tôi còn quá nhỏ nên không có cơ hội được tiếp xúc trừ sau này, năm 1973, tôi được hầu chuyện với thầy Thận trong ngày đám cưới của ...chính tôi tại nhà hàng Majestic.

Với thầy Việt, học trò ít được trực tiếp vì thầy quá nghiêm, không những đám học trò chúng tôi "sợ" thầy mà ngay cả các giáo sư trẻ lúc mới về dạy tại Chu văn An cũng "ngán" thầy ra mặt. Ít khi thấy thầy cười, yừ một lần phát phẩm thưởng kỳ thi Trung học toàn quốc năm đó, thầy sung sướng cười rất tươi và báo tin rằng trong 9 phẩm thưởng cho cả nước thì đám đệ tử CAV của thầy đã chiếm được 3.

Trước khi thực sự trở về vùng trời kỷ niệm, tôi cũng cần xin giải thích mấy chữ "CVA nguyên thủy". Năm 1963, năm khói lửa của miền Nam với sự thay đổi từ đệ nhất sang đệ nhị Cộng Hòa, nhóm học sinh 120 đứa nhập học 7 năm trước, năm đó không biết bao nhiêu đứa còn được che chở dưới mai trường yêu quý, trước khi rời ngôi trường có quá

nhieu kỷ niệm ngàn vàng khó mua, một số đã ngồi lại với nhau lập một hội ái hữu nhưng tìm mãi không chọn được cái tên nào tượng trưng được cho nhóm mình mà nếu chỉ dùng chữ Ai Hữu CVA thì lại quá tổng quát và rất nhiều nhóm đã dùng. Sau cùng thì mọi người đồng ý tên nhóm là 'Chu văn An nguyên thủy' vì chúng tôi đã học đủ 7 năm tại Chu văn An, không sót mẻ, không mất mát năm nào. Nguyễn văn Mộc-"anh chàng đẹp trai dễ thương và có thể đáng phục nhất thế giới" và tôi được bầu làm đại diện chính thức của nhóm với nhiệm vụ liên lạc để tiến hành việc lập hội. Cũng vì tên hội như vậy nên mấy tên hội viên "bất trị" cho hội một cái tên méo mó là "hội 7 năm..." hoặc "hội 7 nghề". Sau đó tôi có viết bài đăng trên báo của Hội Ai Hữu trường Bưởi cũng trong mục đích hình thành hội CVA nguyên thủy thì một hôm đang đi bộ ngang Hội Việt Mỹ tôi thấy Đoàn triệu Hân ghé xe hơi sát lề toe toét chửi đồng: "Sư anh, làm nhảm chuyện 7 năm trên báo gì đó?". Tôi chưa kịp trả đũa thì hắn tiếp tục toe toét như hoa và phóng mất. Khoảng năm 1988-89 khi vợ chồng tôi ghé Washington D.C. có việc và đang ở nhà Nguyễn anh Văn thì Hân cùng bà xã và cô cn gái từ New York cũng sang chơi do lời mời của Văn. Thế là nhóm CVA nguyên thủy có dịp đoàn tụ, lúc thì tại nhà Văn, lúc tại nhà Nguyễn mai Thọ, Nguyễn văn Hứa...hàn huyền và nghe bà xã của Văn réo rắt "Em đến thăm anh một chiều mưa" với bà xã của Hân đem dương cầm tại nhà Thọ. Dịp đoàn tụ CVA nguyên thủy này có cả Nguyễn văn Thọ và mấy bạn nữa nhưng lâu quá rồi, tôi không còn nhớ hết. Mấy năm gần đây tôi lại có dịp đón Hân tại tiểu bang tôi đang sinh sống, cả hai dịp gặp Hân mà vui bạn bè quá, quên cả việc trả đũa năm xưa, cho nợ đó nghe Hân.

Hôm từ giả Washington miền đông để trở lại Washington miền tây, tôi lại được hội ngộ với gia đình và bạn bè của Từ Doanh tại nhà hàng Tàu. Doanh và tôi chỉ học cùng nhau lớp 1B5. Trong dịp này tôi được Doanh cho biết Phạm trinh Cát, cũng học 1B5 với Doanh và tôi thưở đó, là con cụ Phạm ngọc Lũy mà nhiều người biết tiếng và mang ơn qua con tàu Trường Xuân. Cũng dịp này, trong lúc trà dư tửu hậu tôi mới biết Doanh law một nhà thơ vùng thủ đô. Và nếu tôi nhớ không lầm về thơ Doanh thì 2 câu: "Nàng đem nắng ấm Cali lại. Khiến khách đa tình dạ ngẩn ngơ." Đã đóng góp hữu hiệu một phần nào cho cuộc tình duyên giữa chàng Từ mơ mộng và người đẹp miền Nam nắng ấm.

Năm 1985, tôi qua Montreal, Canada và được gặp Nguyễn cao Liâu, Bùi tiến Đài, Tăng thúc Triển và Nguyễn văn Bính, họp mặt ăn uống, hàn huyền tại nhà Liâu. Rất tiếc trong dịp này tại Montreal tôi không được gặp Nguyễn lương Tuyên, Đặng phú An, Nguyễn văn Dũng,... Sau đó Liâu có thư luân lưu cho các bạn CVA của những năm 1956-1963, tôi hy vọng với nhiệt tâm của Liâu, nhóm chúng ta có một đêm hẹn lâu dài.

Mười năm sau, Đài có dịp ghé tôi, anh em lại trở về với dĩ vãng. Đài và tôi học cùng với nhau từ tiểu học rồi đến hết trung học tại Chu văn An nên nói chuyện kỷ niệm thì bao giờ cho hết. Tuy Đài và tôi chỉ thân nhau trong lớp, nhưng gia đình Đài ở trong cu xá Hải Quân khu Cường Để, nơi đây có nhiều phương tiện thể thao như sân bóng rổ, bóng chuyền, bàn ping pông nên những ngày thuận tiện tôi và nhóm bạn cùng lớp ham thể thao không ngại phải đạp xe cả chục cây số tới nhà Đài chơi bóng chuyền hoặc ping pông. Lúc đạp xe về nhà thật muốn đứt hơi. Có lần Nguyễn văn Chuế bị lọt banh xe vào khe đường rầy xe lửa, tổn mất gần mười ly chè đậu đỏ của Bác Ba Bi Tất.

Từ lúc khởi đầu, tôi đã nói chuyện về CVA ở hải ngoại hơi nhiều, bây giờ chúng ta hãy trở lại với những kỷ niệm phát xuất từ 2 ngôi trường CVA cũ và mới tại Saigon trong 7 năm ròng rã với trí nhớ kém cỏi của tôi sau 30 năm vật lộn ngoài đời kể từ ngày chúng ta rời mái trường xưa.

Tôi muốn bắt đầu kỷ niệm của nhóm CVA mình với các giáo sư trước mà Nguyễn Cao Liêu đã nhắc trong thư luân lưu là các thầy Trịnh Xuân Vụ (dạy Toán), thầy Đặng Ngọc Thiềm (dạy Sử Địa), thầy Nguyễn Văn Luận (dạy Việt Văn)... Tôi sẽ nói thêm một chút kỷ niệm với hai giáo sư dạy lớp 1B5 là thầy Vũ Văn Tiên (Vật Lý) và thầy Lê Văn Lâm (Hóa Học).

Tôi có nhiều kỷ niệm với thầy Vụ, thầy rất hiền, tôi chưa thấy thầy phạt chúng tôi bao giờ kể cả việc cho điểm thấp vào sổ hàng ngày. Vì thế trong giờ thầy lúc nào cũng "thoải mái", "cũng ồn ào"... Thầy luôn giải quyết nạn ồn ào trong lớp bằng cách dơ hai tay lên khỏi đầu, vỗ liên tiếp mấy tiếng và lên giọng nói lớn hơn để trấn áp không khí ồn ào đó, bằng chuỗi âm thanh quen thuộc sau đây: "Ồn quá, các anh giữ im lặng, mở sách ra viết giả thiết kết luận vào." Riêng tôi có lần ham đá banh nên cho tới lúc trống vào lớp tôi mới mặc thêm chiếc quần tây dài và chiếc sơ mi để chạy vào giờ Toán của thầy (lúc đá banh, chúng tôi chỉ mặc áo mai-ô và quần ngắn, bây giờ nghĩ lại thấy mắc cỡ cho lỗi ăn mặc của mình thối ấỵ). Hôm đó, trong lúc tôi đá banh thì một anh bạn cùng lớp giữ giùm quần áo cho tôi. Khi vào học anh ta thay vì trả lại quần áo thì lại mang vào lớp, tôi không làm cách nào hơn là uống thuốc liều, hiền ngang một mình vào lớp với...bộ đồ ngủ. Cả lớp được một trận cười vỡ chợ. Tôi chờ đợi phản ứng của thầy. Thầy đỏ mặt và quát lớn: "Anh đùa với tôi đó hả". Tôi lắp bắp trình bày sự thật rồi đón nhận bộ quần áo đã được người nào đó chuyển lên. Tôi bất đắc dĩ phải thay quần áo trước mặt thầy và cả lớp. Tội của tôi được thầy xá cho nhanh chóng: "Các anh mở sách ra viết giả thiết, kết luận vào."

Kỷ niệm khác với thầy Vụ, một lần thầy nghỉ dạy học tới cả tuần, vì tôi ở gần nhà thầy nên tôi rõ lý do mà trong lớp không ai biết, cả tuần lễ thầy vắng mặt mà chả thấy tên nào nói về đề tài hấp dẫn này cả. Hôm thầy đi dạy học trở lại và đang đứng ở cửa lớp chờ cúng tôi lần lượt vào, Nguyễn Duy Thăng có lẽ vô tình nên toe toét hỏi thầy: "Sao nghỉ lâu thế ạ?" Tôi thấy mặt thầy đỏ ửng, quay đi chỗ khác, thầy nói nhanh: "Ờ ờ...tôi có chút việc, các anh vào lớp nhanh lên." Hôm đó thầy nói dối, thầy lên xe hoa trọng đại như vậy mà thầy bảo là chỉ có chút việc, chút việc sao được phai không Thăng? Mà sao bây giờ mi ở đâu?, 40 năm qua ta chưa được gặp mi mà chẳng không thấy ai nói về mi cả?"

Bây giờ chúng ta nói về thầy Đặng Ngọc Thiềm, thầy thường lái xe Vespa 3 số 5. Thầy dạy Sử Địa. Tôi có kinh nghiệm với lối gọi học trò lên đọc bài của thầy. Tên tôi thuộc vần T, mang số 54 trong lớp, theo thứ tự a,b,c. Nếu thầy gọi Nguyễn Việt Công lên trả bài thì tôi biết rằng hôm nay tôi có tên trong sổ phong trần, và còn 4 tên nữa thì tới tôi. Thầy cứ cách 10 đứa thì gọi một đứa trả bài. Không biết các bạn lớp tôi thối đó có lưu ý tới bí mật này không. Trong lớp tôi mấy tên bị (hoặc được) đặt tên với mấy chữ đầu trong bảng Alpha-Betic là Đặng Phú An, Nguyễn Quốc An, Nguyễn Lương Bình, Nguyễn Việt Công...Nếu hôm đó thầy kêu Nguyễn Việt Công lên trả bài thì các tên mang số 14, 24, 34, 44, và tôi 54 sẽ phải lên sân khấu tiếp.

Một lần tôi và Vũ Tiến Ngẫu, hai thằng 2 xe đạp lách qua hàng rào ra đường Thành Thái, có lẽ dự định đi ngao du một chút nhân giờ nghỉ của một giáo sư nào đó. Hai chiếc xe đạp vừa thoát qua hàng rào thì thầy Thiềm từ hướng đường Cộng Hòa phóng tới. Ngẫu mau mắn như thường lệ "Thầy ạ". Thầy Thiềm với tinh thần trách nhiệm cao của vị giáo sư Chu Văn An, ngừng xe lại, vẫn cho xe nổ máy, nghiêm trang bảo tội: "Các chú vi phạm kỷ luật, xé hàng rào nhà trường, tôi cảnh cáo các chú nhé: Nói rồi thầy "tặng" Ngẫu và tôi mỗi đứa một cái bợp tai nhẹ trước sự ngỡ ngàng của chúng tôi rồi thầy lên xe tiếp tục phóng về hướng Chợ Lớn. Ngẫu bao giờ cũng là đứa lanh lẹ "Biết thế đeo chào nữa". Hai đứa hủy bỏ cuộc ngao du, leo lên xe trở lại đường cũ, coi như hôm đó ra ngõ gặp gái, xui

xèo, không đi đâu nữa. Tính thầy Thiềm là thế, tinh thần trách nhiệm lúc nào cũng đầy ắp trong người, không phải chỉ có trong khuôn viên ngôi trường hay trong lớp học.

Tôi còn gặp thầy một lần nữa về sau này, khi đã rời mái trường CVA hơn 10 năm. Khi đó thầy có liên hệ với trường Đại Học Văn Khoa và thầy cần tài liệu về tài nguyên tai thêm lục địa Việt Nam (Plateau continental). Thầy ghé Nha Ngư Nghiệp tại đường Phan đình Phùng, nơi tôi làm việc, để tham khảo tài liệu. Thầy gặp Vũ hữu San, cũng CVA nguyên thủy, tại phòng bên cạnh. Tôi nghe rõ tiếng thầy nói: "Tôi biết mà, học sinh CVA ra đời bao giờ cũng đề đầu cưỡi cổ thiên hạ." Các thầy ở CVA thì vẫn tự hào và mong đợi ở học trò như vậy, chẳng khác nào tình cha, anh ruột thịt.

Tiếp theo xin "ghé" thầy Nguyễn văn Luận. Thầy là giáo sư Việt văn đồng thời cũng là giáo sư hướng dẫn lớp tôi (6B1). Tôi nhớ hai kỷ niệm về thầy, 2 kỷ niệm này thì 1 liên quan tới Nguyễn cao Liêu và 1 liên quan tới Ngô bình Hàm.

Trong giờ Việt văn, thầy khuyến khích chúng tôi bắt chước các văn sĩ tên tuổi, học tập lối hành văn của các bậc đàn anh. Tôi nhớ thầy lấy bút pháp của nhà văn Tô Hoài làm bài mẫu để hướng dẫn. Dưới ngòi bút của Tô Hoài, chàng gà chọi được mô tả như sau: "da chàng đỏ gay, đỏ gắt, đỏ bóng, đỏ tía lên, đỏ như quét một nước sơn thắm:.. Rõ thầy phân tích cái đặc sắc về lối miêu tả loài vật của Tô Hoài và khuyến khích anh em chúng tôi phát huy khả năng viết văn của mình. Thầy cho bài luận tả đàn ngan con. Khi bài trả lại cho cả lớp, chỉ có Nguyễn cao Liêu đã thực sự không pgụ lòng của thầy khi Liêu diễn tả lớp lông non của bầy ngan con đang tíu tíu quăn quít sau chân ngan mẹ: "Lông chúng vàng phơn phớt, vàng cao quý, vàng thanh nhã, vàng như một cái áo của nàng yếm mỹ miều". Có lẽ Liêu còn tả đầy đủ hơn nữa, nay tôi chỉ còn nhớ được như vậy".

Vì là giáo sư hướng dẫn nên một lần thầy Luận tổ chức cho chúng tôi bầu cử ban đại diện lớp. Thầy muốn cho sự lựa chọn hết sức tự do và vô tư nên thầy chỉ hướng dẫn phương pháp chọn người đại diện rồi thầy ra ngoài cho chúng tôi thoải mái bầu bán. Khi thầy tiếp nhận nhân sự đắc cử, thầy đã không dấu được sự thất vọng khi Ngô bình Hàm được chọn làm trưởng ban thể thao. Hàm là người bé bỏng, gầy gò nhất lớp, thuở ấy Hàm gầy gò một cách hết sức đáng nói, ít người gặp Hàm mà không lưu ý đến cái "thân cây tăm" của anh. Nay Hàm làm trưởng ban thể thao lớp 6B1 do thầy hướng dẫn. Điều này đã làm thầy hối hận khi đã cho chúng tôi hoàn toàn tự do bầu cử, không có sự hiện diện của thầy đến nỗi thầy phải nhả nhận trách cứ: "Tôi không hiểu tại sao các anh lại chọn anh này làm trưởng ban thể thao". Nhưng bầu cử tự do là tự do, kết quả đã có, ý dân là ý trời, tất nhiên là thầy cũng không thể thay thế được kết quả. Ngô bình Hàm vẫn hiên ngang là trưởng ban thể thao lớp tôi mặc dù cả lớp ai cũng biết với tấm thân liễu yếu không quá 35kg của anh thì quả thật Hàm không thích hợp với vai trò mà cả lớp 100% đã chọn anh. Còn những trưởng ban khác như học tập, văn nghệ xã hội, tổ chức,...có lẽ chúng tôi đã chọn đúng, cử đúng nên chẳng có gì đáng nói ở đây. Chín hoặc mười năm sau, tôi có dịp gặp Hàm bên trường Dực, Hàm to lớn khác thường, 65-70kg là ít. Tôi bắt tay Hàm: "Thế là cậu mất chức trưởng ban thể thao rồi, đâu còn đủ điều kiện để anh em đồng ý tuyệt đối như xưa". Hàm coi bộ cũng tiếc "thuở vang son" của mình, anh cười hết ga: "Mới không đủ một, hai năm nay thôi".

Thấm thoát thoi đưa, 7 năm học vùn vụt trôi qua, năm cuối cùng trung học đã sắp hết, tôi xin có chút kỷ niệm với hai thầy Tiên và Lâm. Trong giờ Vật lý thầy Tiên vào và ra lớp không thiếu, không thừa một giây. Một giờ là 60 phút tức là 3600 giây, thầy làm việc liên tục. Thầy ít khi gọi đọc bài, có lẽ thầy cho rằng chúng tôi đã lớn, không cần kiểm soát hay

là thầy muốn dành thời gian để giảng bài, tôi không rõ, chỉ biết trong giờ thầy thì cứ hùng hục chạy theo bài vở với thầy cho tới khi bác Ba Bí Tất gióng trống hết giờ. Thầy là nhà mô phạm tận tụy với nghề đáng trọng. Thầy rất ít cười, lúc nào cũng nghiêm trang nên trong lớp luôn luôn yên lặng như tờ trừ tiếng giảng bài của thầy và tiếng ồn ào của lớp bên cạnh. Vào tới lớp là thầy tìm khăn lau bảng xóa bảng cho sạch sẽ dù trên bảng đã được lau chùi. Khăn lau bảng phải đủ ướt, có lần thầy tóm phải cái khăn quá khô mà hơn 50 đứa chúng tôi trước giờ vào lớp chẳng có đứa nào ngó ngang tới. Thầy không ngó mặt đứa nào nhưng tỏ vẻ bất bình:” Dúng cái khăn lau bảng cho ướt thì sợ mang tiếng điều đóm gì mà chẳng dám làm” rồi thầy tự ý ra khỏi lớp với chiếc khăn khô.

Thấm được lời nhắc nhở của thầy, từ đó trở đi, chúng tôi không để thầy phải bận tâm về những chuyện nhỏ nhặt đó nữa.

Một lần khác, thầy cho làm bài tập được dịch ra từ cuốn sách Pháp. Ngô văn Minh (Minh chỉ học cùng tôi năm đệ nhất ở CVA), thắc mắc gì đó được thầy giải thích nhưng Minh chưa thỏa mãn và phát biểu:”Hay là thầy dịch sai”. Thầy không trả lời Minh mà sẵn cục phấn trên tay, thầy ném thật mạnh vào góc phòng và nói một mình nhưng cũng đủ để cho chúng tôi nghe rõ: ”Dịch như thế thì còn đằm nào dịch hay hơn được nữa đâu mà lại nói là sai”. Nói rồi thầy tiếp tục công việc như không có gì xảy ra. Cuối năm Minh nhận phần thưởng hạng nhất lớp, Nguyễn quốc Trị hạng nhì. Ngoài mặt thì thầy nghiêm nghị nhưng trong lòng thì thầy cười mở dễ dãi, vị tha, đó là nhận xét của chúng tôi về thầy Vũ văn Tiên.

Với thầy Lê văn Lâm thì lúc nào cũng vui vẻ, xuề xòa, xen vào giờ học là những câu khôi hài di dỏm. Tôi không thấy có vị giáo sư nào mà bình dân với học trò như thầy. Tôi có nhiều kỷ niệm với thầy sau khi đã rời mái ấm CVA 5-7 năm. Một lần tôi có công tác ở Vũng Tàu và nghỉ qua đêm tại phòng khách của ty Ngư Nghiệp địa phương, thầy và gia đình tình cờ cũng trọ tại đây, bên cạnh phòng tôi. Hai thầy trò hay ngồi ở bậc tam cấp trước phòng, vừa hưởng gió biển vừa tâm sự. Hôm thầy trở lại Saigon, lúc thầy và gia đình chuẩn bị hành lý lên xe thì tôi không có mặt trong phòng, mãi lúc thầy lái xe ra khỏi cổng thì tôi ở đâu về và nhận ra xe của thầy nên từ phía sau tôi vẫy chào một cách độc diễn muộn màng, nhưng thầy đã thấy tôi qua kính chiếu hậu. Dù xe chạy đã hơi xa, tôi thấy thầy ngừng xe chạy bộ ngược lại, tôi nghĩ thầy để quên gì chẳng, nhưng không, thầy chỉ trở lại để nói câu tạm biệt với tên học trò cũ. Cử chỉ đơn giản nhưng ý nghĩa thì lại to lớn đối với tôi, tôi mãi mãi không quên hình ảnh thầy Lâm hôm đó.

Đến năm 1971, thầy trò tôi lại được đoàn tụ cả thánng trên đất Nhật, trong khách sạn TIC (Tokyo International Center). Thầy có công tác gì đó bên Bộ Giáo Dục, còn tôi thì đi tu nghiệp về Sinh hải học tại Đại học Tokyo. Cứ buổi chiều tôi thường sang phòng thầy, ngồi ghế tiếp thầy trong lúc thầy nằm hưởng thú vị ấm áp trong chăn. Cứ thế hai thầy trò hết chuyện Nhật bản lại tới chuyện Việt Nam, lan man sang cả chuyện thế giới. Đến khuya tôi mới trở lại phòng mình chuẩn bị cho công việc ngày hôm sau. Thầy Lâm có rất nhiều ý kiến sâu sắc về kinh nghiệm phát triển của Nhật bản, nếu những người trách nhiệm ở Việt Nam mà biết áp dụng những ý kiến này thì sẽ gặt hái được nhiều thành quả lớn lao cho đất nước.

Đã “thăm” các giáo sư mà không “thăm” các thầy giám thị thì là một điều hết sức thiếu sót, vì thế bây giờ anh em ta sẽ nói chuyện về thầy nào đây: Thầy Dự, thầy Viêm, thầy Lan, thầy Biên, thầy Hồ, thầy Tích, thầy Can...Tôi xin nhắc vài kỷ niệm về thầy Dự (tôi không nhớ đầy đủ tên họ của thầy), mà với lớp tôi thầy có biệt danh là Năm Lửa. Mỗi khi thầy

tới, đưa nào trông thấy thầy trước đều kêu to cho cả lớp biết "cháy to, cháy to". Hình như thầy cũng biết biệt danh của mình nhưng thầy chỉ mỉm cười hy xả. Có lần thầy hướng chúng tôi đi dự đám táng thầy Cầu, thầy Cầu dạy chúng tôi về môn Anh văn. Mặc dù chúng tôi hay nghịch ngợm, phá phách nhưng vẫn biết những giờ phút thiêng liêng quan trọng như lúc đó. Cả lớp âu sầu thương tiếc vị thầy khả kính, không một tiếng động nhỏ, không một tiếng thì thào mặc dù trong lớp lúc đó không có một thầy nào trông coi. Trước khi tới nhà quan kính viếng thi thể thầy Cầu, có lẽ thầy Dự sợ chúng tôi chưa trưởng thành nên thầy dặn: "Khi ở nhà quan cũng như lúc đi đường, các anh phải hết sức giữ im lặng, nhớ nhé:.. Nói rồi thầy tắt tả quay ra, nhưng chưa ra khỏi bực thềm thì thầy quay lại lớp nhắc nhở thêm:"Và nhất là không được kêu cháy to, cháy to đấy nhé". Tới đây thì trong lớp đã có vài anh bấm bụng...Tôi thương và quý thầy Dự vì thầy rất tốt và coi chúng tôi như đám con ruột thịt cũng như lối cư xử của thầy Viêm mà tôi sắp nói tới đây.

Theo Hán văn mà thầy Sĩ (chúng tôi và cả trường thường gọi là cụ Sĩ vì năm đó thầy đã trên 70 tuổi) dạy chúng tôi năm đó thì chữ Viêm gồm hai chữ Hỏa hợp lại, lưỡng hỏa thành Viêm. Tôi cũng cần nói một chút về thầy Sĩ vì tôi chưa thấy ai nhắc nhở tới thầy, vị giáo sư cao niên nhất của trường. Một lần thầy và một số các vị cao niên khác được Tổng thống Ngô đình Diệm mời vào trong dinh Độc lập khoản đãi, thầy Sĩ có làm 4 câu thơ mừng Tổng thống, thầy đọc lại hay đúng hơn là thầy đã ngâm cho chúng tôi nghe, vì đã lâu tôi chỉ còn nhớ được 2 câu đầu cũng xin chép lại đây gọi là tưởng nh tới thầy xưa:

"Mặt trời sáng tỏ chính đương đương

Tổng thống thay trời đứng chủ trương"

Nếu có bạn nào nhớ được hai câu sau thì xin bổ khuyết. Bây giờ chúng ta trở lại với thầy Viêm. Không có chữ hỏa nào trong tên của mình mà nhiều người còn nóng tính, nay thầy tôi có những hai chữ hỏa thì hỏi thầy không nóng tính sao được. Thầy nóng đã nhanh mà thầy nguội cũng lạ. Thầy vừa la chúng tôi vì nghịch ngợm nào đó thì thầy lại ôn tồn chỉ bảo chúng tôi điều gì một cách bình thản, coi như việc la rầy đám học trò phá phách cũng bình thường như tất cả các công việc thương lệ của thầy.

Năm đó, tôi học lớp đệ nhị B4. Thầy Viêm làm Giám thị, tôi giữ sổ đầu bài và sinh hoạt bên cạnh thầy hàng ngày. Một hôm trong giờ ra chơi, ngoài sân, trong hành lang học sinh các lớp xúm năm, tụm ba chuyện trò, la hét...âm ỹ cả ngôi trường. Lúc đó thầy đang bận tiếp một nữ phụ huynh học sinh trong phòng. Để bớt ồn ào trong khi tiếp khách, thầy bèn đóng cửa phòng lại. Không ngờ Nguyễn huy Chiêu lớp tôi cũng có mặt tại hiện trường. Hấn phóng nhanh qua cửa phòng thầy và hét lớn:"Mở cửa ra, làm gì ở trong đó thế". Chiêu biến thật nhanh trước khi thầy Viêm mặt đỏ hơn lúc nào hết, vừa chạy ra khỏi phòng vừa quát lớn:"Đứa nào, đứa nào mà mất dạy thế". Dĩ nhiên là có nhiều đứa trong chúng tôi biết ai là thủ phạm nhưng thầy không hỏi đứa nào cả vì thầy hiểu chẳng đứa nào làm cái chuyện an-ten trong đám chúng tôi.

Nói tới nhân sự trường CVA từ Hiệu trưởng trang nghiêm, đạo mạo, mẫu mực tới đám học trò phá phách, chúng ta có thể bỏ quên người này hay người nọ nhưng tuyệt đô không thể không đề cập tới thầy Tổng giám thị, thầy Lãng. Tên thầy đã dính chặt với trường tôi tự kiếp nào. Thầy đóng một vai trò quan trọng trong trường về nhiều mặt. Thầy đóng nhiều vai khác nhau và vai nào thầy cũng tỏ ra xuất sắc. Do đó chúng tôi đã có nhận xét: Phi thầy Lãng, bất thành Tổng giám thị. Trong các sinh hoạt thường lệ cũng như các ngày trọng đại của trường, tôi thấy thầy đứng trước máy phóng thanh điều khiển mọi hoạt động tập thể của chúng tôi, chẳng khác nào một vị tư lệnh chiến trường đang điều khiển

ba quân trên trận địa hay một vị nhạc trưởng tài hoa đang cùng hàng ngàn nhạc công bồng bênh trong thế giới âm thanh kỳ ảo...

Từ Chu văn An nguyên thủy tới Ai hữu Bưởi -Chu văn An

Khoảng trước hoặc sau năm 1970, tôi đang cố gắng cùng Nguyễn văn Mộc cho hình thành nhóm CVA nguyên thủy, công việc không dễ vì số đối tượng tối đa của hội chỉ có vài chục người lại phân tán khắp bốn phương trời thì nếu hội có thành hình đi nữa thì cũng sẽ èo uột ngay từ lúc mới lọt lòng, lại nữa không có đối tượng để phát triển. Do đó chúng tôi bàn nhau nên lập một hội tổng quát hơn hoặc gia nhập hội ái hữu Chu văn An để cùng sinh hoạt với các khóa đàn anh. Ý kiến này được nhiều anh em tán thành. Thế là tôi và Mộc lại có thêm một nhiệm vụ nữa. Riêng tôi, nhờ một dịp may mắn được làm quen với với một vị trưởng thượng của hội cựu học sinh trường Bưởi, đó là bác Phạm quang Khai, hồi đó đang đảm nhiệm Tổng thư ký hội trường Bưởi với bác Nguyễn phúc Sa làm hội trưởng và sau này là bác Lê đình Chung thay thế. Nhóm CVA nguyên thủy tá túc hội Cựu học sinh trường Bưởi và sau này hội trường Bưởi đã kết hợp đầy đủ nhiều thế hệ nên có danh xưng là Hội Ai Hữu Cựu Học Sinh Trường Bưởi-Chu văn An. Hình như có một số anh cựu CVA các khóa trước cũng đã làm như vậy. Văn phòng hội trường Bưởi đã có từ lâu trong khuôn viên đền thờ Đức Thánh Trần, nằm trên đường Hiền Vương, Saigon. Một buổi họp mặt đánh dấu sự phát triển này được tổ chức tại đây, tôi được trao phó vai trò thực hiện phần văn nghệ trên sân khấu đêm đó.

Sau những hoạt động khiêm tốn đó cho Hội, tôi không làm được gì thêm vì phải nhập ngũ rồi được biệt phái và đi Mỹ năm 1974 nên tôi không còn có dịp được sinh hoạt với hội. Qua Mỹ, tôi lại sống tại vùng mà Bưởi-CVA chưa trồng nên dĩ nhiên chưa mọc, tuy số người Việt nơi đây đứng vào hàng thứ 3 trên đất nước Mỹ. Có lẽ tôi chỉ còn hy vọng được tham dự ké những ngày họp mặt do những nơi khác tổ chức như California, Washington DC, Montreal, hoặc bên Pháp trong những năm tháng tới, nếu những nơi này mở rộng tầm tay tới địa phương tôi. Còn bao nhiêu điều tôi muốn nói về CVA với thầy cũ bạn xưa nhưng xin để dành cho số báo sau vì số báo này còn cần chỗ cho nhiều tiếng nói khác với lớp CVA 56-63.

Từ đâ góc biển chân trời,
nắng mưa thui tui, quê người một thân.

(Truyện Kiều)

Không biết nàng Kiều lúc nhớ nhà, nhớ cha, nhớ mẹ, nhớ người yêu, tâm trạng có da diết như tôi nhớ nước, nhớ trường, nhớ thầy, nhớ bạn thế này không? Nàng Kiều thì sau 15 năm được đoàn viên, còn tôi, hơn 23 năm rồi, bao giờ mới đáo hạn ? nhất là ngôi trường CVA ở Saigon của tôi đã bị xóa tên.

(Mùa đông 1997 tại vùng trời tây bắc Hoa Kỳ)

GÀ TRE TÂM SỰ

Đình Phương

Có lẽ trong các xứ văn minh hiện đại ngày nay, bất cứ kẻ nào đoạt được chức vô địch thể giới thì coi như cả đời vinh hiển, tiền rừng bạc biển, tiếng tăm lừng lẫy. Chẳng hạn vô địch quyền Anh (như Mike Tyson, Holyfield), vô địch quần vợt (như Sampras, Hingis), hay vô địch đánh golf (như Tiger Woods) v.v...

Riêng tôi vừa vô địch quốc gia vừa vô địch thế giới, mà lại chẳng được nước nôi gì cả. Tuy nhiên chẳng nói ngoa cũng đạt được dăm ba tước hiệu đấy chứ. Ngày còn bé mang danh " Thăng Còm ", bước vào ngưỡng cửa học đường thì "Oắt Tì ", lớn lên ra đời lại được tặng nhãn hiệu mỹ miều hơn " Gà Tre ". Kể cũng vui tai.

Ấy nhờ thế mà chỗ nào cũng chui, cũng giúc, nơi nào cũng qua, cũng lọt, kể cả Chu Văn an cũng lọt được vào. Học hành chẳng giỏi mà vẫn nổi tiếng được nhờ tới nhiều vì người loắt choắt lại hay lanh chanh, đám nào cũng tới, hội nào cũng dự, chỗ nào vui nhộn là vào ăn có. Chu Văn An hội nhà hưởng thụ từ đầu, ngay từ khi mới lập do Tổng San đẩy động tại vùng Thung Lũng San Jose này. Từ những năm họp nhau bỏ túi. chỉ ăn nhậu lai rai, hàn huyên sơ khoáng tại nhà anh này hay nhà anh kia mỗi độ Xuân về với đôi chục đồng môn. Sau mở rộng, khởi đầu tại quan Quốc Tế của C.V.A. Hoàng Đức Trí, tới những dạ tiệc văn nghệ lầy lừng oai phong của những năm Napradac Hall , do tài lãnh đạo của các vị Hội Trưởng tiếng tăm như Nguyễn Văn Hiền, Nguyễn Hoàn Hải, Phạm Hữu độ v.v... hợp cùng các trưởng ban văn nghệ tài danh Nguyễn Văn Hiền, Bùi Văn Rệu, Trịnh Như Toàn v.v... đã đem sinh động cho hội Chu Văn an mà cho đến nay âm hưởng vẫn còn vang dội. Nào "Múa Hội Trăng Rằm ", " Trấn Thủ Lưu đồn ", Tiếng Dân Chài ", " trường Ca Con đường Cái Quan " v.v... Khí thế hùng anh đó Gà Tre này vẫn còn ngậy ngất trong tiềm thức.

Từng năm trôi qua, đàn anh mệt mỏi, mầm non tiếp nối chưa có hoặc chưa xuất đầu lộ diện, nên hội nhà trở nên trầm lặng, xiu xiu, ỉn ỉn, mặc dù háng năm vẫn có tổ chức được đại hội, vẫn còn họp mặt tất niên có ẩm thực và văn nghệ, tuy nhiên khí thế giảm đi rất nhiều. Năm qua trong kỳ Đại Hội tổ chức tại Thánh Đường Tự do, Tổng San nhất quyết từ nhiệm và kêu gọi các đồng môn mới cũng như các bạn đoàn viên trẻ hãy cố gắng đứng lên nhận trách nhiệm thay thế các bạn hữu cũ đã nhiều năm hy sinh gánh vác công việc của hội, nếu không ai chịu đảm nhận, hội có lẽ phải " Giải Tán ". Cũng may hai bộ mặt Chu Văn an mới, một từ Montréal, Canada sang, một từ Sài gòn mới qua, lần đầu tham dự đại hội đã can đảm nhận trọng trách khi toàn đại hội đề cử và bầu lên, một làm hội trưởng, một thay Tổng San. Gà Tre đã nhiều năm lần trốn nay cũng không thể từ chối được sự chỉ định của các đàn anh bắt cầm khóa tủ. Đại hội thờ phào tóm vài anh nữa làm Phó Hội, Phó Tổng cùng thêm vài Trưởng Ban. Thế là Tân Ban Chấp Hành nhậm chức với nghi thức dâng hoàng băng màn chụp ảnh.

Anh Tân Hội Trưởng, dù là một cựu học sinh Chu Văn an từ trước thập niên 60, nhưng quả tình anh là một đoàn viên hoàn toàn mới toanh của hội Chu Văn an vùng Bắc Cali này. Anh Tân Tổng Thư Ký lại càng đáng khâm phục, anh thuộc thế hệ trẻ sau cùng của Chu Văn an và mới sang được vùng trời tự do chỉ đôi năm. Dù mới, còn nhiều xa lạ và cũng chưa rõ tường những bậc niên trưởng và đồng môn trong hội, anh Tân Hội Trưởng với sự tiếp tay miễn cán của anh Trưởng Ban Báo Chí đã cố gắng tận lực thi hành sách

lược mới do đại hội đề ra là " tin Thư ". Mặc dù chỉ vài trang giấy, nhưng Tin Thư quả đã như một tấm hãn ấm mùa Đông, một nhịp cầu nối kết tình thân hữu, một cánh nhọn thông tri tin tức giữa các đồng môn Bưởi, Chu văn an và sinh họa của hội khiến tất cả đoàn viên rất hứng khởi. Các hội viên Bưởi, Chu văn an gần cũng như xa và một số thân hữu đã tích cực cổ vũ, tham gia, và ủng hộ Tin thư. Anh Hội Trưởng và toàn Ban Chấp Hành lên tinh thần cố gắng sinh hoạt nhiều hơn, kêu gọi nhiều buổi họp mở rộng cho các đoàn viên của hội, chứ không riêng Ban Chấp Hành để bạn hữu có dịp gặp gỡ, hàn huyên thường xuyên với nhau hơn. Kết quả đã có ba lần họp mặt các bạn hữu tại trụ sở " Phố Bình " của Chu văn An Nguyễn Thượng Dực và đã tổ chức được hai khóa hướng dẫn sử dụng Computer cho các bạn đồng môn, mỗi khóa vào ba ngày Chủ Nhật do các chu văn an Phạm Phúc Hưng, Phạm Nguyên Khôi và Đỗ Tiến Hải chỉ dẫn. Thành quả thật đáng khích lệ. Một vài quý vị trong Ban Cố Vấn Tối Cao như các anh Lê Duy San, Phạm Hữu Độ, Lại quốc Ấn, Nguyễn Thanh Giản đã nhiệt thành đáp ứng lời mời tới tham dự các buổi họp và đã chỉ dẫn cho Tân Ban Chấp Hành những kinh nghiệm quý giá mà các anh đã gặt hái được trong quá khứ.

Bổn phận Gà Tre chỉ có một việc là trông giữ cái tủ do anh Hoàng duy Hiệu trao lại. Việc làm thật đơn giản thế mà cứ mở đóng liên tục để đếm ra lại đếm vào đôi khi cũng rối đầu. Nghĩ cũng phục chỉ đồ thị Nhuận đã bao năm canh thủ. Mỗi lần nhận được tin thư, Gà Tre đọc ngẫu nhiên, lòng hứng khởi, nhất là khi được biết Hội có thêm vài khuôn mặt Chu văn An trẻ mới hoặc tin tức về một vài chu văn An đồng khóa ngày xưa đã tự động liên lạc với hội hoặc đang ở các nơi khác như Nguyễn tiến Khải, Trương Bách, Hà Đức Long v.v... Gà Tre nghĩ rằng càng nhiều Tin Thư càng làm phần khởi tinh thần anh em, nhưng lại thấy cũng rất cần sự yểm trợ thường xuyên của các đoàn viên hơn. Gà Tre ước mong rằng cái tủ nhỏ bé mà Gà Tre đang tạm cầm giữ cho hội mỗi ngày một tăng trưởng thêm lên dù là phải dài thòng cho các tin thư đã, đang và sắp tới tay mong đợi của quý bạn và cho cả Đặc san Mậu Dần đang tới.

Mối vấn vương này không chỉ riêng Gà Tre suy nghĩ mà tất cả các Chu văn An đều cảm nhận để không những đã đóng góp tin tức bài vở mà còn ủng hộ thêm tài chánh vì chúng ta đều biết rằng hội không thu niên liễm, cũng không quảng cáo. Cho tới nay sau một năm cầm chìa khóa, mặc dù với nhiều lần đếm ra cho tin thư, Dạ Hội Đình Sứ 1997 tại Võ đường Hùng Vương, phần thưởng học trò, hoặc phân ưu..., cái tủ của chúng ta vẫn còn nguyên vẹn. Gà Tre thật lấy làm an tâm, đó cũng là nhờ tinh thần yểm trợ tích cực của các hội viên Chu văn An.

Bây giờ Ban Chấp Hành đang chuẩn bị ráo riết cho tờ Đặc San Mậu Dần để có thể kịp thời tới tay các bạn và thân hữu vào ngày Đại Hội sắp tới của chúng ta 18 tháng 01 năm 1998. Các thầy, các đoàn viên Bưởi, Chu văn An của nhiều thế hệ và các thân hữu đều đã tích cực tham gia đóng góp bài vở nên nội dung rất là phong phú và Chu văn an càng thêm phần hãn diện. Tuy nhiên với tầm vóc lớn hơn Tin Thư, lại không quảng cáo và vẫn theo truyền thống là biểu không thì Gà Tre hẳn là phải đếm ra nhiều hơn. Gà Tre mong tất cả quý bạn cố gắng yểm trợ thêm tài lực cho Đặc San của chúng ta. để cho Ban Báo chí và Biên Tập được vững ổn tinh thần hơn, nhất là cho Gà Tre được mỗi tay đếm vào (chứ không phải chỉ có đếm ra) và tủ của chúng ta được thêm sinh khí, không bị hao hụt.

Tâm sự Gà Tre dừng nơi đây, chúc tất cả gia đình các thầy, các hội viên Bưởi, Chu văn An cùng các thân hữu một năm mới Mậu Dần an khang, hạnh phúc và đạt nhiều thắng lợi.

THƠ VỢ GỬI CHO CHỒNG ĐÃ VƯỢT BIÊN

Lâu nay em ở Thành Hồ
Em ra Bưu Điện lãnh đồ anh cho
Đồ anh vừa nặng vừa to
Vừa đã con mắt vừa no cái mồm !

BỐN MƯƠI NĂM KỶ NIỆM

CVA Đặng Tường Ngữ

Tôi chỉ nhớ rằng, sau ngày quốc hận 20 tháng 7 năm 1954, tôi lên đường vô Nam cùng với gia đình ông bác.

Một buổi sớm đầu thu, chúng tôi tụ tập trước tòa thị chính Hải Phòng, lên xe nhà binh để ra tàu há mồm của Pháp. Tới vịnh Hạ Long, họ chuyển chúng tôi lên con tàu muón của Na-Uy để chuyên chở người di cư vào Nam. Tàu này chở cả ngàn người, nhưng thấy đều có giường nằm, được ăn súp nóng và khi say sóng được uống bia chai.

Sau nhiều ngày lênh đênh trên biển, tàu cập bến Sài Gòn lúc quá nửa đêm. Về sau tôi mới biết rằng tàu đã đậu ngay tại cột cờ Thủ Ngữ, vì từ trên tàu chúng tôi nhìn thấy con đường Catinat đèn điện chói lòa và thẳng tắp.

Hình ảnh đầu tiên của Sài Gòn, trong trí nhớ của tôi, là hình ảnh những em bé mặc đồ bà ba đen, thoăn thoắt leo lên tàu bán hột vịt lộn " một đồng mười hột", mười quả trứng vịt đã được ấp sắp đến ngày nở thành con vịt con, kèm theo là những gói nhỏ muối tiêu. Các bé này luôn mồm văng tục, nhưng những tiếng nói tục này lạ tai lắm "đ.. (ù) má..." chứ không phải là "đ(i)... mẹ..." như những trẻ bụi đời cùng tuổi, ở ngoài phương trời xa xôi tôi vừa rời bỏ, "...trên đường Nam tiến... (!)..."

Sau những quả trứng vịt ấp mê (nói theo đúng tiếng nơi nhao rún của tôi) là những "ô" bánh mì Sài Gòn, dài bằng chiếc đòn gánh, vừa rẻ, vừa ngon, vừa thơm, vừa ròn mà lại mềm, để cả nửa ngày sau mà ăn vẫn còn ngon, ăn mãi không chán. Tôi so sánh với những "chiếc bánh tây hai hào ruối, rắc muối hạt tiêu" mà tôi vẫn thường gặm trên xe đạp tới trường, những buổi sáng có mưa phùn bay lất phất. Quả thực hương vị của ô bánh mì Sài Gòn, dù là bánh mì không nhân, đã ghi vào tiềm thức tôi rõ ràng hơn là những chiếc "bánh tây nóng ròn" rắc muối hạt tiêu, ở Hà Nội.

Thế rồi "...ngày tháng như mây bay, như ngựa chạy....", sáng ngày 30 tháng 4 năm 1975, (sau một đêm hú hồn, vì nhà tôi ở trong hàng rào phi trường Tân Sơn Nhất bị hỏa tiễn pháo kích), vợ chồng tôi giắt tay 3 đứa con ra tập hợp tại bãi trực thăng vừa được làm trong đêm. Quá trưa, những chiếc trực thăng CH46 của Hải Quân Hoa Kỳ, từ đệ thất hạm đội bay vào, đón chúng tôi, đáp xuống hàng không mẫu hạm Okinawa, đoạn đầu của con đường vào lục địa Hoa Kỳ.

Thấm thoát thế mà đã 20 năm kể từ ngày bỏ nước ra đi, 40 năm kể từ ngày lìa Bắc vào Nam. Tết Nguyên Đán năm Ất Hợi, 1995, cũng là năm tôi 60 tuổi, vợ chồng tôi đưa nhau về Việt Nam, với ý định về thăm làng xưa, nơi gói ghém nhiều kỷ niệm của thời thơ ấu.

Chiếc máy bay phản lực của Hàng Không Việt Nam do phi công Thụy Sĩ lái, hạ cánh tại phi trường Nội Bài, phía bắc Hà-Nội, lúc nửa đêm 23 tháng chạp ta.

Phần vì lạnh, phần vì lo sợ vẫn vợ, tay tôi run lẩy bẩy khi lấy giấy tờ ra trình cơ quan an ninh phi trường. Tôi cũng không quên gài vào trong Passport một tờ giấy 5 mỹ kim, như lời dặn dò của một anh bạn già đã về Việt Nam trước tôi. Người Cảnh Sát trú lưu nhanh nhẹn đóng dấu trên passport của tôi. Tôi có cảm tưởng rằng chưa chắc chị ấy đã có đủ thì giờ đánh vần tên Mỹ của tôi, trong lúc kiểm soát giấy tờ "theo đúng luật lệ hiện hành".

Vì có người nhà đón tại phi trường, cũng như đã có xe thuê bao chờ sẵn, nửa giờ sau chúng tôi đã lên xe về khách sạn. Trên đường về thành phố, xe chúng tôi bị một toán Cảnh Sát chở nhau bằng xe Honda chặn lại. Sau khi ông tài xế nạp chút tiền mãi lộ, xe lại được phép tiếp tục chạy. Hú vía!

Sáng sớm hôm sau, cũng ông tài xế đêm qua đến đón chúng tôi tại khách sạn để về quê. Thành phố Hà Nội còn ngái ngủ, nhưng người và xe đạp ở đâu đã tuôn ra đầy đường. Xe tôi vừa chạy vừa bóp còi inh ỏi, trên đường phố chật hẹp, quanh co, đèn đường lù mù. Tôi phục ông tài xế sát đất. Có nhử kẹo, tôi cũng không dám lái xe trên đường phố Hà Nội bây giờ.

Khi đi ngang bên xe dưới chân cầu Long Biên cũ, ông tài xế ngừng xe lại, tắt máy, bước xuống xe, không biết làm gì. Tôi vợ vẫn nhìn quanh, ngỡ ngàng, bởi cảnh vật hoàn toàn xa lạ. Thành linh một câu chửi của một gã nào đó hết sức giận dữ và tục tĩu : "Đ(i)... mẹ mày, ông lại tát vỡ mặt mày bây giờ...chứ lại...."

Tôi choàng tỉnh mộng, cười lớn . Đột nhiên, tôi đã tìm lại được cái không khí rất quê hương. Đúng là tôi đã về tới nơi chôn nhau cắt rốn rồi đây. Bốn mươi năm nay, tôi mới nghe thấy người ta chửi đúng giọng quê tôi. Từ đêm qua, tôi vẫn nghi nghi, hoặc hoặc... không biết rằng tôi có hi vọng tìm lại được chút hương vị nào của quê hương cũ, nhất là của Hà Nội ngày xưa, ngày mà: "...anh xa Hà Nội...khi năm lên mười tám...khi vừa biết yêu...."

Milpitas, California 9/97.

ĐOÀN LỮ HÀNH

CVA Trần Minh Phương

Tôi giơ tay định ném mẩu bánh mì thừa vào thùng rác, nhưng lại rút tay về, xé một mảnh khăn giấy, cẩn thận gói kỹ mẩu bánh và cất vào túi xách. Anh bạn cùng ăn nhìn tôi cười:

- Anh mà không ăn hết thì cứ vất nó đi, ở Mỹ đâu có sợ thiếu ăn, tiền chữa bệnh đau bụng còn nặng hơn nhiều.

- Không, tôi sẽ ăn hết mà. Tôi ăn ngay bây giờ, chắc không đến nỗi đau bụng đâu.

Tôi trả lời và biết chắc là tôi nói dối. Mẩu bánh mì này dành cho buổi trưa, bây giờ tôi đã no rồi, có lẽ nhanh nhất là tôi sẽ ăn vào tối nay. Nhưng đã từ lâu, tôi có thói quen không thể vứt bỏ một chút bánh mì, một phần cơm thừa hay bất cứ thức ăn dư nào, vì mỗi lần như thế, tôi lại nhớ đến một đoàn lữ hành tôi đã gặp vào một buổi trưa lâu lắm ở quê nhà...

Đó là một buổi trưa nắng cháy da ở một vùng đất dọc theo cánh rừng của vùng chiến khu D trước đây. Sau ngày 30/4/75, vùng đất đó đã không còn tiếng súng, chỉ còn tiếng cuộc vỡ đất hoang trên những thửa đất cằn cỗi, trắng xóa và nứt nẻ dưới ánh nắng thiêu đốt cháy da.

Gia đình tôi cũng mua lại một khu đất có vài cây ăn trái, một dàn dưa tây và đã trồng được một ít khoai mì, lột vỏ, sắt lát để ăn độn với cơm. Buổi trưa hôm đó thật nóng. Cái nắng hừng hực như đổ lửa vào những manh áo bạc màu hay những chiếc lưng trần đã đẫm ướt mồ hôi. Tôi lôi đám khoai mì vào dưới dàn dưa tây rợp mát, vậy mà vẫn thấy nóng, hình như mặt trời sa xuống thật thấp và nắng từ đâu dồn lại.

Có tiếng chân đi từ cổng nhà, tôi vẫn bận rộn với mấy đám khoai mì. Chắc tên bạn ở nhà bên sang bẻ mấy trái dưa tây ăn cho mát, tôi chủ tâm đợi hẳn đến gần rồi mới kiểm chuyện nói đùa cho vui.

- Chú ơi ! Chú, chú làm ơn...

Tôi giật mình nhìn lên, khách của tôi không phải anh bạn láng giềng mà là sáu người: Một người đàn bà và năm đứa trẻ.

- Dạ... chị cần chi ?

Tôi quan sát người đàn bà. Chị mặc chiếc quần khaki cắt ống rách bươm và chiếc áo khaki bạc màu không còn chỗ vá. Mái tóc dài của chị cháy nắng, lò xoà trên khuôn mặt xám đen với đôi mắt đang nhìn tôi khẩn khoản:

- Chú làm ơn...

Chị nhìn quanh, ngập ngừng rồi nói tiếp

... một ít vỏ khoai mì nghe chú ?

Tôi nhìn sang đám trẻ, đứa lớn nhất chắc khoảng 7, 8 tuổi nhưng ốm o, bé loét choắt. Hai đứa khác có lẽ độ 4, 5 tuổi gì đó. Còn hai đứa còn lại, một đứa đang đeo trên lưng chị bằng những mảnh khaki rách mướp, đứa kia đang nằm trong tay mẹ, chắc chưa đủ một năm.

- Chị xin vỏ khoai mì để...làm gì ? Tôi ngạc nhiên.

- Dạ con tôi nó đói quá, xin chú vỏ khoai mì cho tôi với tụi nhỏ ăn.

Tôi nghe nghẹn lời, không trả lời được tiếng nào. Vỏ khoai mì không thể ăn được. Tất cả những ai từng làm rẫy phải biết điều đó. Chị ta chắc chắn phải biết, vậy mà...

- Chị ở đâu đến đây vậy ?

- Tôi ở trong khu kinh tế mới chú à, trong đó không trồng gì được hết, tôi dẫn đám nhỏ đi, hai bữa rồi, tụi nhỏ chưa có gì ăn...

Lũ trẻ nghe mẹ nói chuyện với tôi, những đôi mắt thòm thèm nhìn đồng vỏ khoai mì trộn lẫn với đất cát và rễ cây. Đứa nào mặc trên người chiếc áo khaki rách bươm của người lớn thì lại thiếu quần. Đứa mặc được chiếc quần xà lỏn thì không có áo. Không mũ, không giày dép, chúng đã đi chân trần trên con đường cát nung mà đôi chân người lớn cũng chỉ đi vài bước đã đủ làm nóng đỏ lên. Vậy mà những bàn chân nhỏ xíu, đen xạm kia đã đi hơn 30 cây số để đến được nơi này.

Tôi tặng cho họ những gì tôi có: khoai mì, dưa tây, trái cây trong vườn... Lũ trẻ nhào đến bên nồi khoai tôi luộc vội và nồi cơm nguội của tôi. Chúng hồi hả nhai nuốt vội vã trong yên lặng. Tôi chưa từng thấy một đám trẻ con nào ít nói như vậy, kể cả đứa trên lưng và đứa trong tay mẹ. Chắc cái đói và mệt trên con đường thiên lý đã khiến chúng quên cả sự vô tư của trẻ thơ.

Họ là một gia đình sinh sống ở Sai Gon bị buộc đi về vùng kinh tế mới. Người cha cố công trồng cây trên cánh đồng hoang một cách vô vọng để nuôi sống gia đình. Sau cùng ông đã có thể kiếm chút thực phẩm cho gia đình bằng cách chui vào những khu trận địa cũ, đào những miếng nhôm máy bay để đem bán và mua khoai sắn mang về cho vợ con. Một buổi sáng, ông cũng dậy sớm vào rừng và mãi mãi không về. Một quả lựu đạn đã nổ trên đường ông lần mò tìm kiếm một mảnh nhôm vỡ. Người vợ cố chống chọi với thiếu thốn trong một thời gian ngắn và sau cùng bà quyết định dắt díu bầy con băng rừng, vượt suối đi bộ về Sài Gòn.

Về Saigon ! Tôi nghĩ đến những gia đình nằm ngổn ngang trên những vỉa hè bẩn thỉu, trên không một mái che, dưới may mắn lắm mới có một manh chiếu rách hay vài tờ báo cũ...

Người đàn bà cảm ơn tôi, cột lại đứa bé trên lưng, xốc đứa bé nằm sang một tay, tay kia chị xách chiếc giỏ thức ăn của tôi vừa tặng. Ba đứa còn lại gật đầu chào tôi rồi lầm lũi bước theo chân mẹ.

Tôi nhìn theo họ. Phải mất mấy ngày nữa họ mới đến được Saigon nếu may mắn họ không gục ngã trên con đường ngút ngàn. Anh nắng nung người làm hình ảnh của họ nhòa đi. Tôi nghĩ đến một đoàn lũ hành trên sa mạc. Họ cũng lầm lũi đi trên những biển cát mênh mông. Có khác chăng là đoàn lũ hành trên sa mạc cố đi nhanh về vùng đất lành có nước ngọt trái lành với nhiều niềm vui hứa hẹn. Còn đoàn lũ hành trên quê hương tôi là những người đau khổ bất hạnh, người vợ không còn nước mắt cho chồng, là những đứa bé không cha, không hề biết đến những câu chuyện cổ tích hay những trò chơi của tuổi thơ.

Đoàn lũ hành xa dần trên con đường cát bụi, bóng họ khuất dần theo con lộ gập ghềnh. Mai này, có thể tôi sẽ gặp lại họ đâu đó trên những vỉa hè tăm tối của Saigon, cũng tối tăm như đời sống không tương lai của họ, của đoàn lũ hành trên con đường hoang mạc vô định của quê hương...

Từ đó, tôi không bao giờ vất bỏ bất cứ một loại thực phẩm nào, vì tôi biết rằng trên quê hương khốn khổ của tôi vẫn còn những đoàn lũ hành ra đi với hành trang duy nhất là sự nghèo đói và tuyệt vọng.

Nói Thêm về Một Sinh Hoạt Văn Hoá Bỏ Túi và Đột Xuất.

CVA Hoàng Cơ Định

Trong tờ Tin Thư Chu Văn An Số 6, tôi đã được anh Hội Trưởng của chúng ta ưu ái nhắc tới trong mục Tin Địa Phương như sau:

"Một sinh hoạt văn hoá bỏ túi đột xuất là CVA HCDịnh đã chia xẻ với anh em 3 tác phẩm "Đêm giữa ban ngày", "Bên Dòng Sông Hát", "A Thousand Tears Falling" mà anh thấy là hay, nên đọc và nhất là nên dùng làm quà tặng trong các dịp cần... tặng quà!"

Hai chữ "Bỏ Túi" đã được sử dụng rất chính và phù hợp vì đó là một buổi nói chuyện diễn ra trong bầu không khí ấm cúng của căn phòng khách xinh xinh tại tư gia CVA Hoàng Ông Lễ, với một nửa thành phần cử tọa là những người đã và đang "sửa túi" giùm anh em CVA chúng ta.

Tuy nhiên hai chữ "Đột Xuất" thì ... không phải vậy, và ý niệm "lấy sách dùng làm quà tặng trong các dịp cần...tặng quà" cần được nói thêm cho rõ.

Câu chuyện bắt đầu hồi 40 năm về trước, cũng chính tại ngôi trường Chu Văn An của chúng ta, sách đã tới với tôi như những người bạn, thân sơ đủ loại, nhưng chắc chắn nếu không có "bạn", đời mình sẽ thiếu vắng chịu không được . Năm đó, lớp của tôi là Đệ Tam B4, biệt hiệu là "Ba Bề Bộn". Không còn nhớ Trưởng Lớp là ai, nhưng tôi được chọn làm Trưởng Ban Học Tập. Tôi đã tổ chức một "thư viện" cho lớp, gọi là thư viện cho oai, thực chất thì chỉ là một tủ sách... bỏ túi. Tôi đã hô hào anh em lấy sách của gia đình mang tới cho "Thư Viện Lớp" mượn, hoặc cho luôn... Sự hưởng ứng thật là khích lệ và lớp 3B4 của chúng tôi nghiêm nhiên có một tủ sách riêng và tôi có thêm chức "quản thủ thư viện". Từ nhu cầu đọc để phân loại, hay trao đổi, trò chuyện với những tay mê đọc sách trong lớp, tôi bị ảnh hưởng và đã trở thành như họ lúc nào không hay...

Cái thú đọc sách đã dẫn tới thói quen mua sách là điều dễ hiểu, nhưng rồi một hôm tôi "ngộ" ra cái "chân lý" dùng sách làm quà tặng cho các người thân quen;

Và có thêm tham vọng là không phải chỉ cá nhân mình làm chuyện này mà còn làm sao để thói quen đó sẽ "lây" sang cả những người thân (hay chưa thân) khác nữa.

Thiệt nghĩ, người Việt chúng ta ai cũng đều hãnh diện về nền văn hóa dân tộc, thì tại sao chúng ta lại chẳng góp phần để nuôi dưỡng nền văn hóa đó? Gần đây

một nhà văn nổi tiếng đã gĩa từ bút mực để quay ra mở nhà hàng ăn, ông nói người ca ngợi tác phẩm thì nhiều nhưng bỏ tiền mua sách thì chẳng bao nhiêu.

Đây là một mất mát vô lý và chúng ta thừa khả năng thay đổi nếu phát triển được thói quen dùng sách báo và băng nhạc để làm quà tặng.

Ở hải ngoại này có biết bao nhiêu dịp phải tặng quà nhau, từ sinh nhật, Noel, ngày Tết, Ra trường... Cho tới cả những dịp được mời ăn nhà bạn hay lâu ngày tới thăm nhau muốn có cái gì đón tay cho vui...

Vì vậy, rất mong việc mua sách, mua nhạc để làm quà tặng nhau sẽ trở thành một thói quen trong cộng đồng người Việt chúng ta .

Nếu người tặng quà chú tâm tới ý nghĩa của tặng phẩm, thì sách và nhạc là những sản phẩm lý tưởng để chúng ta có thể trao gửi tâm tình tới những người chúng ta trân quý .

Nếu người tặng quà có những bận tâm về tài chánh, thì sách và nhạc có đủ mọi giá, rẻ thì rất sẵn mà mắc cũng chẳng đến nỗi nào .

Hãy tưởng tượng số tiền chúng ta, và con em chúng ta, đã bỏ ra để mua những chiếc áo thun không cần thiết, những ly-uống-ca-phê dư thừa và đủ thứ đồ gia dụng linh tinh mà công dụng chỉ là chất đầy mấy học tử ...Những số tiền đó dùng mà để mua sách, mua nhạc Việt Nam thì sự hiểu biết của cộng đồng chúng ta sẽ phải thăng tiến, con em chúng ta sẽ rành tiếng Việt và gắn bó với gia đình và nguồn cội hơn, và sức mạnh văn hoá sẽ trở thành một thực tế chứ không còn là cụm từ trống rỗng.

Tất nhiên, phổ biến sách hay bằng nhạc trong tinh thần phát triển văn hoá nước nhà cũng phải có một số quy luật...bất thành văn. Nếu món quà là sách hay là thơ do mình sáng tác, bằng nhạc do chính mình hát, tài liệu truyền bá đức tin hay quảng bá chính kiến của mình, thì chỉ nên coi như những quà kỷ niệm có tính cách cá nhân hoặc những tài liệu nhằm phổ biến quan điểm của mình. Để gọi là một món quà góp phần vào việc phát triển văn hoá dân tộc, thì người tiếp nhận phải có thể khen hay chê một cách thoải mái mà không bị lôi cuốn vào những tranh luận gay gắt. Sinh hoạt văn hoá cần phải cởi mở, khai phóng và khách quan, người ta có thể bất đồng, nhưng không vì thế mà thành bất hoà .

Đó là những gì tôi thấy cần được nói rõ thêm về dòng "Tin Địa Phương:lấy sách dùng làm quà tặng trong các dịp cần ... tặng quà" đăng trong tờ Tin Thư Chu Văn An số 6.

Còn việc Phạm Hội Trưởng bảo rằng buổi "Sinh Hoạt Văn Hóa Bỏ Túi" của tôi là đột xuất thì xin thưa là không phải, vì thật sự là đã được chuẩn bị từ trước, ít ra là một phần nào đó . Tôi đã dấp tâm mang sách theo và chờ lúc Hội Trưởng vui là xin phép nói chuyện văn hóa . Mà Phạm Hội Trưởng thì lúc nào cũng tươi vui như anh em đều biết, cho nên phần trình bày của tôi đã diễn ra không có vẻ gì là đột ngột, đột biến hay đột xuất.

Chuyện tôi mang sách theo có nguyên nhân là vì nhiều khi anh em nghe nói tới một cuốn sách hay, nhưng không có dịp đi mua, và khi có cơ hội tới tiệm sách thì lại không có, hoặc sách đã bán hết. Vì vậy thấy quyển nào hay, tôi cứ mua đôi ba cuốn để sẵn trong xe, nếu có dịp nói chuyện sách vở, bạn cần, thì coi như ta mua giùm, giúp ích cho cả độc giả lẫn tác giả . Hôm họp mặt tại tư gia CVA Hoàng Ông Lễ, tôi đã mua giùm cho anh em được 6 cuốn, nói cho dễ hiểu thì là bốn tiệm đã tiêu thụ hết sạch kho sách gồm 6 cuốn.

Đến buổi họp mặt Tết Mậu Dần này, nếu bạn nào muốn góp phần "nuôi dưỡng văn hóa nước nhà" thì xin ra ngoài xe tôi, hàng họ luôn luôn có sẵn... Tiếc là vì chỉ dám giới thiệu những tác phẩm tôi đã đọc và thấy hay, và nhất là vì vốn liếng của bốn tiệm chỉ khoảng 100 dollars, nên "danh mục" cũng khá hạn hẹp, mong khách mộ điệu thông cảm.

* * *

THƠ CHỒNG CẢI TẠO GỬI CHO VỢ

Em ở nhà đừng "no" !

Anh vẫn tạm ấm no !

Ngày ba bữa có Chính Phủ "no" !

Không có gì quý hơn Độc "Nạp Tự "Ro" !

CON NGƯỜI VĂN HÓA VIỆT NAM

Giới thiệu:

Tú Hát Đình Bá Hoàn là một cây viết quen thuộc của Đặc San Chu Văn An Bắc California và cũng là một bậc trưởng thượng rất thiết tha đến tương lai Việt Nam và các thế hệ trẻ.

Chúng tôi xin trân trọng giới thiệu bài thơ sau đây trong cuốn sách " Việt Nam Gốc Nguồn " mà ông vừa cho xuất bản tại Canada. Xin chân thành cảm ơn tác giả.

*Lòng người văn hóa Việt Nam,
Vì nhà, vì nước, chứa chan nghĩa tình.
Gắng công, gắng sức, quên mình,
Chu toàn trách nhiệm, tôn vinh giống nòi.
Hiếu, trung, nhân, nghĩa, gương soi,
Khôn ngoan, phong tục truyền đời, trước sau.
Cốt nòng danh dự hàng đầu,
Nhắc câu bốn phận, trước câu lợi quyền.
Lòng son, bền kiếp. bền duyên,
Thiết tha, thương sót, đặt trên lý bàn.
Việt-Nam văn hóa là vàng,
Can tràng giữ lấy, thế gian nể vì.*

Tú Hát Đình Bá Hoàn

* * *

TÌNH XUÂN

*Nắng bướm nô-đùa trên tóc biếc
Em cười trong khóe mắt trong veo
Trời Xuân tình nở hoa thơm ngát
Anh đắm chìm giữa biển hương yêu
Gió mát nhẹ-nhàng ve vuốt má
Em dịu-dàng dạo gót trong mơ
Lụa mây trắng nõn thua màu áo
Anh thả hồn theo mỗi bước thơ
Chim hót trên cành xanh mướt lá
Em hát ngọt-ngào giọng suối êm
Đời tựa bài thơ tình phổ nhạc
Anh ngất-ngây từng nhịp thở tim
Hạnh-phúc chẳng đo bằng thước tấc
Mà bằng lối thể-hiện yêu thương:
Em trao tha-thiết tình trắng sáng
Anh đáp mặn-nồng nghĩa đại dương*

*Thời gian mở cánh lòng không đổi
Không tuổi tình yêu mãi sắt-son:
Em-của-anh mùa Xuân tươi thắm
Anh-của-em rục rở vầng đông*

Minh Viên

* * *

Ở BIỂN VÀO NGÒI

*Như con sâu
đo dài tàu lá
như con cá
lạc biển vào sông.
em cơn mây sũng nước
tim tôi cỏ khô một cánh đồng
nửa thế kỷ hạn hán
đợi chờ một trận mưa giông!
năm mươi năm
năm đo giường chiếu
mắt nhìn trời
chưa thấu chuyện trời trêu!
tôi loài chim
ngơ ngác cạnh đám diều
không muốn hát
sợ gió ghen từng khúc hát nghêu!
dậm chân trên đất
tưởng bật lên lời ca
bao lần cất bước
chưa ra khỏi một búp tay hoa!
tôi thành loài sâu
bò chơi tàu lá
tôi thành chú cá
bơi lượn ngòi sông...*

Lưu Văn Vịnh

* * *

THƠ ĐƯỜNG CHUYỂN NGỮ

*Đặc san Chu Văn An hân hạnh đăng bài thơ Đường
chuyển ngữ sau đây của một thân hữu
có nhã ý gửi tặng. Xin trân trọng cảm ơn dịch giả.*

XUÂN TÌNH

Vũ tiền sơ kiến hoa gian nhị
Vũ hậu toàn vô điệp đề hoa
Phong điệp phân phân quá tường khứ
Khước nghi xuân sắc tại lân gia.

Vương Giá

MƯA XUÂN TẠNH

Sắp mưa hoa vẫn xinh tươi
Tạnh mưa hoa rụng hết rồi còn chi
Vượt tường ong bướm bay đi
Ngõ vườn hàng xóm bên kia xuân còn.

Cao Bá Vỹ

THƠ ĐƯỜNG CHUYÊN NGŨ XUÂN SƠN NGUYỆT DẠ

Xuân sơn đa thắng sự
Thưởng ngoạn dạ vọng quy
Cúc thủy nguyệt tại thủ
Lộng hoa hương mãn y
Hứng lai vô viễn cận
Dục khứ tích phương phi
Nam vọng chung minh xứ
Lâu đài thâm thúy vi.

Vu Lương Sử

ĐÊM TRĂNG NÚI XUÂN

Núi xuân cảnh đẹp khắp miền
Chân vui thưởng ngoạn trời đêm quên về
Vốc trăng đáy nước bên khe
Bồn hoa đầy áo ấp e hương thắm
Hứng lòng đâu ngại xa gần
Muốn đi chân lại tần ngần bên hoa
Trời Nam vắng tiếng chuông xa
Lâu đài ẩn hiện nhạt nhòa núi xanh.

Tâm Minh

* * *

MỘT BUỔI SINH HOẠT

Chủ nhật 5/10/1997, một ngày cuối tuần như những ngày cuối tuần khác tại Thung Lũng Hoa Vàng. Bao nhiêu sinh hoạt văn hóa, chính trị của các hội đoàn đều tập trung vào cuối tuần. Trời vào thu. Nắng đẹp.

Trụ sở Tin Thư Chu Văn An mở cửa từ 9:00 giờ sáng. Trụ sở Tin Thư là nơi chúng tôi vừa làm việc nhà, vừa làm việc chùa!. Những buổi họp Ban Chấp Hành, những buổi hẹn gặp gỡ giữa các CVA địa phương với các bạn từ xa tới thường lấy trụ sở Tin Thư Chu Văn An làm điểm tập trung. Sinh hoạt các nhóm nhỏ cũng thường chọn nơi đây làm nơi gặp gỡ. Mỗi khi đề cập đến tìm địa điểm khác để họp mặt hầu thay đổi không khí thì anh em lại cũng trở về địa điểm này vì vào ngày chủ nhật thì đậu xe thoải mái, nơi hội họp không có hàng xóm láng giềng nên tha hồ ăn to nói lớn, đáp ứng được đặc tính của dân ta mà không sợ phiền hà nhà bên cạnh hoặc gia chủ!.

Hôm nay, chúng tôi cũng tới nơi làm việc như một ngày trong tuần, tới từ 9:00 giờ sáng. Tới không phải là vì có hẹn với ...cần câu! Tới vì có hẹn với anh chị em, với thân hữu CVA. Tới để chuẩn bị cho buổi hướng dẫn cuối cùng của khoá 2 về computer, buổi hướng dẫn về đề tài E-mail và Internet. Cũng như các buổi họp mặt khác, bàn tiếp dẫn viên biến thành bàn nước với ly, đĩa, thìa, khăn... Bình nước sôi sẵn sàng để anh chị em tự túc pha cà-phê hay trà tùy ý. Bánh mì ngọt chờ đợi anh em nào dậy trễ, vội vã phóng tới cho kịp giờ, và chưa kịp lót dạ. Biết trước số người tham dự hôm nay sẽ đông hơn bình thường nên chậu cây nơi phòng đợi cũng được “di chuyển chiến thuật” vào nơi không người lui tới. Đang kéo ghế sắp xếp lại “phòng học”, “phòng hội” thì chị Đỗ Thị Nhuận, một cựu nữ sinh CVA, đẩy cửa bước vào. Đồng hồ chỉ 9 giờ 20. Tôi chạy ra đón chào “hội thảo viên xông đất phòng hội” hôm nay:

-A! Chị Nhuận! Chị là người đến trước nhất đấy! Chị tự nhiên nhé!. Xin phép chị, tụi tôi tiếp tục... chuẩn bị một chút.

-Tôi đi chuyển xe sớm. Nếu đi chuyển sau thì sợ trễ mất mười phút!

Câu trả lời của chị cho thấy ngọn lửa Chu Văn An trong chị còn nóng lắm!

Nghe tiếng truyện trò, bà xã tôi chạy ra chào chị Nhuận và cũng xin phép để sửa soạn tiếp. Trong khi chúng tôi tiếp tục sắp xếp cho buổi trao đổi kinh nghiệm ngày hôm nay thì chị Nhuận kéo ghế ngồi, đầu quay một vòng quan sát “phòng hội”, rồi lựa một tờ báo để xem. Với mái tóc bông bênh, y phục trang nhã và nụ cười trên môi, chị Nhuận hôm nay trông khác hẳn chị Nhuận ngày họp mặt Tết Đinh Sửu. Việc chuẩn bị tạm xong, tôi trở ra mời chị Nhuận:

- Chị tới lần đầu nên xin trình bày cho chị biết tập tục ở đây. Trong này lúc nào cũng sẵn các thứ và anh em muốn cà phê hay trà thì tự pha theo ý thích. Có gì bày trên bàn mà ... ăn được thì chị cứ tự nhiên như ở nhà nhé!

Đúng lúc này thì hướng dẫn viên Phạm Nguyên Khôi đi vào, một tay mang keyboard, một tay cầm hộp đựng phụ tùng linh tinh như dây điện, dây điện thoại, “con chuột”...v...v...Chiếc bàn trong phòng được di chuyển tới gần ổ cắm điện thoại. Đồ nghề computer, màn ảnh được mang lên và “thợ” Khôi lắp nối trong nháy mắt.

Mọi người lục đục kéo tới. Tin tức được trao đổi nhanh chóng giữa các CVA. Anh Đỗ Đình Lợi kiểm ngay tờ báo chỉ cho anh Phạm Đỗ Hùng, Vũ Mạnh Phát thấy cáo phó về thân mẫu của các CVA Lê Ôn Hà, Lê Ôn Dương, Lê Ôn Như. Anh Nguyễn Thanh Bình giới thiệu thêm các CVA chưa nhận được Tin Thư để Hội thêm vào danh sách. Anh Nguyễn Như Hùng “ báo cáo” địa chỉ điện thư ...TV Lệ Nga mang theo một túi bắp vừa mới luộc

xong, còn nóng hổi và bày hàng liền. TV Thanh Hằng khệ nệ hai túi với sushi, bánh ngọt, bánh biscottes. Lại cả bình để pha cà phêphin thứ thiệt cho dân sành nghề uống! Trông thấy số lượng người có mặt, chị Hằng vừa cười vừa la hoảng với chúng tôi:

- Hi ...hi! Đâu có biết hôm nay đông như thế này! Tôi tưởng cũng như mấy lần trước nên mang theo thức ăn... thiếu rồi! Dự trù là trưa nay ăn ở đây cho đỡ mất thì giờ!

Quả thực hôm nay số người tham dự buổi hướng dẫn về E-mail và Internet có đông hơn mấy buổi trước. Lý do là có anh chỉ muốn biết về E-mail và Internet nên đợi tới hôm nay mới xuất đầu lộ diện, có người vì lý do cá nhân, đã không tham dự được phần này trong khóa trước nên bây giờ bổ túc, có anh muốn nghe lại cho thấu triệt thêm về lưới liên mạng với điện thư và cũng có anh thấy anh em tụ họp thì tới gặp nhau cho vui.

Buổi trao đổi kinh nghiệm dự trù bắt đầu từ 9:30 cũng trễ mất 15 phút. Tới 9 giờ 45 mới thực sự vào đề. Ghế ở mọi phòng đều lần lượt được huy động ra phòng họp, kể cả các ghế thuộc loại "nhà nghề" tùy theo nhịp độ người đến. Giờ cao điểm có người phải đứng. Kiểm điểm lại những người trong cuộc gặp gỡ này thì thấy có mặt : Nguyễn Thanh Bình, Vương Tứ Cảnh, Nguyễn Thanh Giản, Đỗ Tiến Hải, Thanh Hằng, Nguyễn như Hùng, Phạm Đỗ Hùng, Phạm Phúc Hưng, Phạm Nguyên Khôi, Phạm Văn Lâm, Đỗ Đình Lợi, Phạm Lệ Nga, Đặng Tường Ngữ, Đỗ thị Nhuận, Từ thị Ngọc Nữ, Vũ Mạnh Phát, Lưu Văn Vịnh.

Khi cuộc trao đổi kinh nghiệm chính thức bắt đầu thì anh Ngữ, anh Bình nhường chỗ cho những người cần hơn, vì hai anh ...đã rành "sáu câu" rồi, rút vào khu có cà-phê cà pháo tán láo với PPHưng và tôi. Tiếng nói truyện giọng thấp mà cứ ...vang vang như là ... chỗ không người, quên mất là bên kia cửa tò vò, anh chị em đang chăm chú theo dõi màn ảnh. Phải chăng nói to là đặc tính, là bản năng, là thói quen của dân mình, dân CVA, của những CVA tai nghễnh ngãng nên ... nói chỉ vừa đủ nghe thôi mà cũng đã làm cho người khác ...chú ý! Để tránh làm phiền các...bạn học bên ngoài, tôi ôm hết bì thơ to tướng do anh Hưng vừa mới đưa, hộp labels, với hộp phong bì mới mua hôm trước và lên tiếng:

- Mời các anh vào "hậu trường" trong này! Có chút việc nhờ ... tay chân mấy anh. Tụi mình vừa đấu láo, vừa làm.

Vừa trình bày xong nhu cầu "lắp ráp bì thư" để gửi theo Tin Thư sắp tới là hệ thống dây chuyền Taylor được hình thành ngay tức khắc. Anh Hưng phụ trách cắt phiếu ghi danh do chính anh in. Thấy máy cắt đang đợi anh ở góc bàn, anh mừng rỡ:

- Đang sợ phải cắt mấy trăm cái phiếu này bằng kéo, có cái máy này thì khỏe quá!

Anh Ngữ góp thêm:

- Dân rửa ảnh tài tử chỉ mong có cái máy cắt này!

Anh Bình cho phiếu ghi danh vào bì thơ. Anh Ngữ và tôi gỡ giấy nhãn in sẵn địa chỉ Tin Thư Chu Văn An dán lên bì thơ. Một số Tin Thư với đầy đủ bì thư, tên người nhận, được chuẩn bị sẵn sàng cho những người hiện diện hôm nay.

Đang thực hiện công tác lắp ráp bì thư này thì anh Lê Duy San đã xuyên qua "hội trường", vào tận cơ xưởng sản xuất này thăm anh em, đưa giấy tờ và chi phiếu gửi tới địa chỉ Hội và dọt ngay xuống đường, đi yểm trợ Thái Bình, Xuân Lộc.

TBBC Vũ Mạnh Phát lò dò vào "hậu trường", vừa ngó thấy nhóm chúng tôi đang mồm thì đầu hót, tay thì bóc, dán, là vỗ đùi đánh đét:

- Chết cha! Quên máy hình rồi! Hôm nay mà không có ảnh thì uống quá! Phải về lấy mới được!

Thế là trong khi mọi người "hội họp", "công tác", anh Phát lẳng lẳng chuồn êm, ra ngoài vừa đi vừa chạy, vội vã leo lên xe phóng về nhà lấy máy ảnh để hành nghề cho đúng chức năng được giao phó. Báo chí thì phải lo hình ảnh cho Đặc San với Tin Thư chứ!

Thời gian trôi qua thật mau!

Anh Phát đã trở lại ...hành nghề phó nháy!

Hướng dẫn viên Phạm Nguyên Khôi thao thao bất tuyệt với nhịp điệu ... ngập ngừng như thường lệ . PTTK Phạm Phúc Hưng cũng trở lại "hội trường", sau khi hoàn tất công tác "cắt xén" phiếu ghi danh trong 5 phút, cho đúng vai trò ... hướng dẫn viên dự khuyết như Đỗ Tiến Hải ! Nhiều câu hỏi đặt ra và được giải đáp.

E-mail "chùa" liên lạc thường xuyên với bạn bè, nhất là với con cái đi học nơi xa thì còn gì lợi ích bằng!. Một hình thức trao đổi rất tự nhiên và rất cần thiết để gần với người thân mà không tốn kém. Ngày nay, muốn dễ gần gũi, dễ truyện trò với con cái thì bố mẹ nên biết E-mail với Internet, những thứ mà hầu hết trẻ em bây giờ sống trên đất Mỹ đều biết. Có chơi cùng một trò chơi thì ông bà mới ... dễ thương đối với các cháu, bố mẹ mới dễ cảm thông với con cái! Khuyến khích con cái đi học Việt ngữ mà bố mẹ không đánh, đọc chữ Việt trên computer, hoặc computer không được cài nhu liệu chữ Việt cho con sử dụng thì thật là đáng tiếc! Trong các nhu liệu đánh chữ Việt thì cũng có những nhu liệu hoàn toàn miễn phí như VPS, Winvkey ...Viết được chữ Việt " đúng điệu"trên máy tính điện toán, liên lạc qua Email cũng bằng tiếng Việt sẽ tạo thêm môi trường tốt cho con cháu dùng tiếng Việt trong các sinh hoạt.

Buổi trao đổi tạm xong.Tin Thư CVA số 6 được trao tay cho hội viên hiện diện để tiết kiệm cho ngân quỹ Hội. Bà xã tôi với chị Hằng thay mặt " ban tiếp tân " mời tất cả anh chị em tự nhiên dùng cà phê và ăn ... sáng. Tiếng ghé di chuyển nổi lên ào ào xen lẫn tiếng cười rộn rã. Chị Nhuận đưa ngay phong bì hồi đáp để yểm trợ và mua vé tham dự họp mặt tất niên. Nhanh quá chừng!. Nếu các CVA khác cũng lẹ như chị Nhuận thì anh em trong Ban Chấp Hành hẳn phải ăn mừng lớn!

Món bấp luộc do chị Nga mang đến là được chiếu cố tận tình trước tiên. Sushi được chị Hằng bắt thăm viếng "lò vi ba " cho nóng trước khi mổ sẻ, cắt chia cho ... thực khách dùng. Bánh ngọt điểm tâm cũng ra đi mau chóng. Lúc anh chị em đang hăng say thanh toán chiến trường thì chị Hằng chạy xuống xe mang lên thêm một hũ bánh mì nướng bơ, loại biscotte do chính chị làm và là lương khô luôn luôn để sẵn trong xe đề phòng...động đất! Anh em hỏi thăm cách làm. Trong khi chị kể thì mỗi người thử 1,2, 3 ...miếng, khen ... ngon, và hộp bánh ...tiêu tan!

Trong khi mọi người mải mê giải quyết vấn đề bao tử thì anh Khôi vẫn hăng say canh máy, chơi ... chuột luôn tay, rút đĩa này ra, đút đĩa khác vào và ...tìm mặt ... gửi ... đĩa !. Số là ngay từ lúc Tin Thư vừa được phân phát xong, chị Thanh Hằng hỏi tôi:

- Anh có sẵn cái floppy disk trắng nào không? Cho một cái để copy Juno.
- Cái gì chứ cái đó thì có ngay!

Khi anh Khôi đang sao nhu liệu Juno cho chị Hằng thì một số anh chị em khác xì xào bàn tán, cũng muốn có ngay Juno để về cài vào máy, gửi E-mail chùa chơi!. Anh Khôi làm một màn ... kiểm kê cụ thể:

- Còn ai cần Juno nữa không?

Sau khi ...điểm danh, anh đi vào thực tế:

- Anh Thịnh, cho 5 cái nữa!

Sợ tôi ngẩn ngơ, nghe không rõ, anh Khôi vừa nói vừa xòe bàn tay đủ năm ngón. Cánh cửa nhỏ xíu trên bàn computer được mở rộng mau chóng. Buổi truyện trò về điện thư chùa với lưới liên mạng có kết quả ngay tức thì, và đây là niềm vui của những người cùng một sở thích, cùng một ước mơ !

Khi anh Khôi xong công tác thì bàn thức ăn chỉ còn lại bánh mì ngọt! Ăn lúc đói, giữa những tiếng pha trò, cười đùa như vỡ chợ, hẳn cũng không đến nỗi nào. Một số anh em như NNHùng, ĐTHải ...bận việc khác nên cáo từ rút lui . Anh PĐHùng chạy ra một lúc rồi trở lên kêu cứu:

- Xe bị sập lốp! Vặn ốc không nổi! Anh nào giúp hộ!

Anh Hưng, anh Khôi và tôi theo anh Hùng xuống sân. Anh Khôi kinh nghiệm đây mình, leo ngay lên cần mở ốc nhún nhún với tất cả sức nặng của thân xác anh. Con ốc nhúc nhích nhượng bộ . Thay xong bánh xe, chúng tôi trở lên nhập cuộc đấu hót với những anh chị em còn đang vui bạn vui bè . Anh Phát đề nghị:

- Mọi chuyện đã xong, tiện đây lại có mặt anh Lâm, chị Hằng , xin đề nghị chúng ta làm một mục văn nghệ đột xuất chơi!

Tiếng phụ họa đồng ý nổi lên ào ào! Ghế ngồi được sắp xếp lại và mọi người an toạ một cách nhanh chóng.

- Giữa anh Lâm với chị Hằng thì ai hát trước đây ?

Sau khi đẩy qua, đẩy lại, anh Lâm đồng ý đứng lên hát trước.

- Hát mà không có đàn, có micro thì khó hát! Nhưng vui với anh em tôi xin hát bài " Kiếp cầm ca".

Chưa hát, tiếng vỗ tay đã nổi lên như pháo nổ . Không khí im lặng. Giọng ca của anh dẫn đưa những người có mặt nơi đây, những người xấp xỉ cùng lứa tuổi anh vào không khí phòng trà thuở thiếu thời!

- Bây giờ tới lượt chị Hằng!

Anh Hưng chủ trương "im lặng là vàng" bất chợt lên tiếng:

- Hôm nay chị Hằng tha hồ hát!

Mọi người phá lên cười, kể cả chị Nhuận!. Chị Hằng vừa đu đưa trên ghế, vừa ..."răng, thì, là, mà":

- Hôm nay vui quá!. Mà các anh các chị muốn nghe hát nhạc nào ? Nhạc Việt nam, nhạc Mỹ, Pháp, Ý, hay nhạc Mẽ ?. Con em tôi nó cứ nói là đừng bao giờ "háttrần" cả! Nhưng hôm nay đặc biệt thì hát chơi!

Thấy nét mặt ... ngơ ngác của một số người, chị vội giải thích để tránh...hiểu lầm:

- Trong giới ca hát, khi nói tới "hát ... trần" có nghĩa là hát không có tiếng đàn, tiếng nhạc đệm theo . Ca sĩ nào cũng sợ hát không có nhạc đệm. Thôi thì các anh các chị cứ nghĩ là nghe tiếng hát trong...shower hay gì gì đó, tùy ý! Tôi sẽ hát bài

Chị sửa lại vị thế ngồi trên ghế cho dễ lấy hơi và hát! Giọng ca vút! Lời Mỹ rồi lời Việt do chính chị chuyển ngữ. Toàn phòng im lặng.Tiếng vỗ tay nổi lên khi lời ca chấm dứt.

Chương trình văn nghệ tiếp tục cho đến khi một số anh em khác cáo từ ra về. Mọi người lục tục ra về . Chợt nhớ tới thùng Tin Thư còn đầy ắp, tôi kêu cứu:

-Ai có rảnh thì xin nán lại giúp một tay để gấp, dán Tin Thư.

Tình nguyện ở lại có các anh Đặng Tường Ngữ, Nguyễn Thanh Giản, Nguyễn Thanh Bình và chị Thanh Hằng. Bàn, ghế được sắp xếp lại để tiện cho dây chuyền sản xuất . Anh Bình khởi đầu bằng động tác lấy tờ giữa kẹp trong tờ ngoài và gấp lại . Chị Hằng lấy bì

thư đã được chuẩn bị sẵn bỏ vào Tin Thư . Tôi bóc dán label để giữ nguyên Tin Thư đã được lắp ráp đầy đủ phụ tùng bên trong. Anh Ngữ phụ trách việc dán địa chỉ . Anh Giản dán tem, may là anh không phải le lưỡi liếm tem trước khi dán! Cả nhóm vừa làm vừa tán gẫu thật là vui. Những giai thoại, những truyện cười, những câu pha trò tuôn ra bất tận. Sản xuất hơi bị ứ đọng ở khâu chót .Anh Giản bị trêu là ... chậm. Anh khiếu nại liền bằng cách đưa giây tem ra chứng minh:

- Coi này! Khía cắt giữa mấy cái tem này bị ề-phô, không có .Cứ phải lựa lựa xé ra nên mất thì giờ!

- A! Chắc tụi bưu điện nó... chơi anh đó!

Công tác dây chuyền đang tiến hành thì chị Hằng báo động:

- Hết bì thư có phiếu ghi danh rồi! Coi bộ cần thêm đây!

Sau khi kiểm qua số lượng nhãn địa chỉ còn lại, tôi chạy vào bên trong in thêm phiếu ghi danh để dây chuyền sản xuất được tiếp tục.

Công việc sắp xếp Tin Thư hoàn tất sau hơn một giờ "lao động" của cả nhóm. Trong thời gian đó, bà xã tôi thu dọn, sắp xếp lại các thứ để chuẩn bị cho công việc thường nhật ngày hôm sau .

Ra về, mỗi người mang theo nụ cười trên môi và giữ một kỷ niệm khó quên, kỷ niệm của tuổi ...học trò , học trò Chu Văn An, trong lớp học Chu Văn An, dưới bầu trời Cali nắng ấm, ấm tình đồng môn, ấm tình thân hữu, thân hữu Trương Vương-Chu Văn An , ấm tình người!.Chợt nghĩ tới tinh thần Chu Văn An! Vui buồn lẫn lộn! Nhớ tới những nhận xét, những câu nói, những tiếng cười của các CVA Đỗ Phan Hạnh, Đào Hữu Châu và các CVA khác trong buổi gặp gỡ tại Montreal cách đây chừng nửa năm.

Nặng vẫn chiếu trên Thung Lũng Hoa Vàng!

CVA Phạm Huy Thịnh

San Jose 11/ 97

* * *

C.V.A . TRÊN ĐỈNH PHÚ SĨ SƠN

CVA Phạm Phúc Hưng

Hình ảnh ngọn núi Phú Sĩ có đỉnh phủ tuyết hầu như quanh năm là một trong những biểu tượng của xứ Phù Tang. Fuji hay Fujiyama, cũng gọi là Fuji-san được gắn liền với tên Japan. Phú Sĩ Sơn, một núi lửa đang trong trạng thái ngủ yên nhưng vẫn được xếp vào loại hoạt động của Nhật Bản tọa lạc gần thủ đô Tokyo thuộc đảo Honshu (Honshu, đảo lớn nhất của quần đảo Nhật Bản trải dài 800 dặm và có chiều ngang từ 30 dặm tới 150 dặm. Người ta thường gọi đảo này là đất liền - mainland- của Nhật). Phú Sĩ Sơn vươn cao 3776 m trên mặt biển. Đỉnh núi bị phá vỡ bởi miệng núi lửa hình nón đường kính 600m. Sườn phía nam trải dài tới vịnh Suruga. Người ta có thể nhìn thấy được đỉnh núi phủ tuyết từ nhiều thành phố ở xa khi trời quang đãng. Thắng cảnh nổi tiếng này thuộc về công viên quốc gia Fuji-Hakone-Izu, nằm về phía đông nam thủ đô Tokyo giữa hai vịnh Suruga và Sagami, nơi có nhiều chùa chiền, hang động, lăng tẩm, ngũ hồ (Fuji-Goko), và suối tắm nước nóng thiên nhiên (onsen). Hàng năm có nhiều ngàn dân Nhật tới thăm khu công viên vĩ đại này. Theo truyền thuyết, núi Phú Sĩ tự nhiên nổi lên từ đồng bằng chỉ trong có một đêm vào năm 283 trước công nguyên. Tuy nhiên theo ngôn ngữ của giống dân Ainu, những thổ dân Nhật, "Fuji" có nghĩa là "tuôn ra hay phun ra" để diễn tả sự phun lửa đã hình thành ngọn Fuji khoảng 10,000 năm trước mà họ được chứng kiến. Điều này phù hợp với tuổi địa chất của ngọn núi này hơn. Lần phun lửa gần nhất kéo dài từ 24 tháng 11 năm 1707 tới 22 tháng giêng năm 1708, tro bụi của phun xuất thạch đã trải một lớp dày hơn 30 cm trên thành phố Tokyo ở cách xa 130 km.

Người Nhật thường nói "**mỗi người nên leo núi Phú Sĩ một lần trong cuộc đời, nhưng chỉ có ai đại độ mới leo lần thứ hai**". Tuy vậy, vẫn có khá nhiều "**người Nhật đại độ, trẻ cũng có mà cỡ trên bảy chục tuổi cũng có**". Chưa kể những cụ muốn giữ hoặc phá kỷ lục leo liên tục trong nhiều năm. Thường có khoảng hai trăm ngàn người leo cũng lên tới đỉnh núi vào khoảng tháng bảy và tháng tám hàng năm, khi không còn tuyết phủ ở sườn núi. Những người không đủ thể lực hoặc nhát gan có thể chiêm ngưỡng núi Phú Sĩ bằng trực thăng.

Trong hơn bốn năm làm việc và sống ở Nhật (1987-1992), tôi và gia đình có thăm viếng khu công viên Fuji-Hakone-Izu mấy lần. Trong những lần này, chúng tôi chỉ đi xem hang động, chùa tháp, hồ lớn và thưởng thức khoái cảm đặc biệt khi ngâm mình trong các suối nước nóng thiên nhiên khai thác bởi các khách sạn. Tôi sẽ nói thêm nhiều chi tiết hấp dẫn về thú tắm suối nước nóng ở Nhật vào một dịp khác. Chúng tôi đã được chiêm ngưỡng vẻ đẹp hùng tráng của Phú Sĩ Sơn ở nhiều góc cạnh, từ nhiều khoảng cách xa gần khác nhau và vào các thời điểm khác nhau trong cùng một ngày hoặc trong các lần du ngoạn khác nhau. Hồi còn ở Việt Nam, đã bao lần tôi được thấy Phú Sĩ Sơn qua tranh ảnh trên những tờ lịch hoặc qua phim ảnh tài liệu. Tôi đã hằng mơ ước một ngày được thấy tận nơi ngọn núi cao sừng sững, trải rộng cả một bức tranh với đỉnh núi phủ tuyết trắng xóa vươn cao

trong ánh bình minh hay lúc chiều tà. Hình ảnh Phú Sĩ Sơn in dưới mặt hồ phẳng lặng ẩn hiện cùng với những cành hoa anh đào vào khoảng cuối tháng ba hay đầu tháng tư hoặc những cành phong đổi sang màu đỏ cam vào khoảng tháng chín tháng mười ở những tờ lịch in sâu trong tâm trí tôi từ thuở ấy. Ấy thế mà sự mơ tưởng được thấy tận nơi những hình ảnh đẹp của xứ Phù Tang đã trở thành sự thật với không những cho riêng tôi mà với cả vợ con tôi nữa.

Vào tháng tám năm 1988, tôi và vài người bạn cũng từ Mỹ qua làm việc ở Nhật đã đi tới một quyết định táo bạo - chúng tôi rủ nhau "leo núi Phú Sĩ một lần trong đời cho biết". Khoảng thời gian này trời đã bớt nóng và bớt ẩm. Mưa cũng ít đi nên chúng tôi hy vọng là cuộc hành trình sẽ không còn nhiều nguy nan. Toán leo Phú Sĩ Sơn của chúng tôi gồm ba người. Tôi là người lớn tuổi nhất. Hai bạn đồng hành của tôi là Hiệp, thua tôi 9 tuổi và Hào, trẻ hơn Hiệp 8 tuổi. Cả hai anh bạn này đều khỏe mạnh, hàng ngày đều chạy bộ mấy cây số. Mỗi tuần các anh còn bơi cả tiếng đồng hồ ít nhất là vài ba buổi tối sau khi tan sở. Tôi cảm thấy hơi e ngại vì không chắc sức mình có thể theo kịp hai bạn trẻ trong chuyến "leo núi cho biết sự đời" này.

Để cho chuyến đi thêm phần chu đáo và ý nghĩa, chúng tôi đã dò hỏi thêm kinh nghiệm chèo núi Phú Sĩ từ các anh bạn Nhật cùng sở. Đa số những người được chúng tôi chiếu cố để lấy tin tức đều là dân Tokyo. Chúng tôi cứ chắc mẫm là thế nào cũng thu thập được mọi chi tiết quý báu. Nhưng kết quả sau cùng không như chúng tôi mong đợi. Bởi vì chính dân Tokyo lại không màng tới chuyện leo lên Phú Sĩ Sơn. Họ chỉ ưa tới vùng công viên Fuji-Hakone-Izu này để du ngoạn, tắm suối nước nóng, nghỉ xả hơi sau những ngày tháng làm việc cực nhọc. Tuy vậy, sau khi phải dò hỏi một số bạn bè từ các nước khác tới làm việc một thời gian ở Nhật, chúng tôi cũng đã có được những dữ kiện cần bản để thực hiện cuộc hành trình.

Khởi hành từ ga Shinjuku thuộc Tokyo vào buổi sáng sớm thứ bảy cuối tháng tám, Hiệp, Hào và tôi đáp xe điện tốc hành "Azusa" đi tới Otsuki trong vòng một tiếng đồng hồ. Từ đây, chúng tôi phải chuyển qua một xe lửa thường khoảng 50 phút để đi tới Hồ Giang-Khẩu (Kawaguchiko), hồ lớn nhất trong số ngũ hồ của khu công viên Fuji-Hakone-Izu. Theo như lịch trình đã được ấn định, chúng tôi đi xem Hồ Giang-Khẩu và Hồ Trung-Sơn (Yamanakako). Tại hai hồ này du khách được thưởng lãm hình ảnh Phú Sĩ Sơn soi bóng trong mặt nước. Từ Hồ Giang Khẩu chúng tôi đáp xe buýt đến nơi khởi hành leo núi vào lúc hơn 4 giờ chiều. Theo như lời chỉ dẫn của mấy anh bạn đã đi trước, leo núi ban đêm vừa mát, đỡ khát nước và sẽ được xem cảnh mặt trời mọc đẹp vô cùng.

Đường leo núi Phú Sĩ được chia làm mười chặng (gome) hay mười trạm kể từ chân núi. Nhưng vì ngọn núi này trải rất rộng ở phần dưới nên hầu như chưa có ai khởi sự từ chặng đầu tiên. Cả thảy sáu lộ trình có thể được sử dụng để leo tới đỉnh núi, nhưng đối với dân leo núi tài tử thì chỉ có hai lộ trình nên theo. Đại đa số những người leo núi hoặc khởi hành từ "trạm thứ năm cũ (Gogome)" ở sườn núi phía Bắc hoặc "trạm thứ năm mới (Shin-Gogome)" ở sườn núi phía Nam. Chúng tôi chọn "trạm thứ năm mới" ở 2,400m trên mặt biển và sẽ phải vượt 1,376m cao độ để tới tận đỉnh (3,776m cao độ). Tại đây có các cửa hiệu bán thức ăn và các thứ cần thiết mà dân leo núi cần có như giày thừng, gậy chống, mũ nón, dù, áo mưa, bình nước, vật lưu niệm. Sau khi ăn uống và mua sắm một vài thứ cần thiết, Hiệp, Hào và tôi hăm hở ca vang "Nào anh em ta cùng nhau xông pha lên đàng". Trời lúc đó còn quang đãng, khô ráo. Chúng tôi nhập với đoàn người leo núi khá đông trong một khí thế hăng hái, mặc dù không ai trong chúng tôi biết những khó khăn gì

sẽ xảy đến. Vào giờ phút này, chân chúng tôi đang bước đi trên lối mòn dọc theo sườn núi. Đoạn đường lúc thoát đầu còn nhiều cây cỏ, lối đi khá rộng, dốc thoải và tương đối ít quanh co. Những người đồng hành còn nối gót gần nhau. Nhưng chỉ chừng hơn nửa giờ sau, đường trở nên dốc và quanh co khúc khuỷu hơn. Nhiều người đã vượt lên trước khá xa. Chúng tôi cũng vẫn còn vừa đi vừa cười nói vui vẻ và qua mặt cũng khá nhiều người khác. Khoảng hơn sáu giờ, lúc trời đã chạng vạng tối, chúng tôi đã tới được trạm thứ sáu ở cao độ 2,450m. Xem lại bản đồ, sau hơn một giờ mà chúng tôi mới vượt được có 50m cao độ (!). Các hàng quán ở trạm này đều đã đóng cửa vì rất ít người dừng chân. Vừa vượt qua trạm thứ sáu độ 15 phút, mưa bắt đầu rơi nhẹ. Trời đã tối hẳn. Chúng tôi bắt đầu phải mò mẫm men theo các dây xích sắt đóng dọc đường để leo lên theo các phiến đá. Vật dụng đựng trong sắc đeo lưng càng lúc càng trở nên nặng nề. Tôi đã bắt đầu cảm thấy khát nước. Khoảng cách giữa ba đứa chúng tôi và các người ở phía trước và phía sau càng lúc càng xa, không còn nghe thấy tiếng nói của nhau như lúc đầu nữa. Từ trạm thứ sáu tới trạm thứ bảy chúng tôi sẽ phải leo một độ cao 300m đường đá dốc khá nguy hiểm. Thay vì phải dùng loại giày leo núi, cả ba đứa chúng tôi lại mang giày đi bộ hiệu Nike, tuy có nhẹ nhưng không bám đường. Chúng tôi càng lúng túng hơn khi phải mặc áo mưa vì trời mưa mau hạt hơn. Chúng tôi tới trạm thứ bảy (cao độ 2,750m) vào lúc 8 giờ rưỡi tối. Mưa đã tạnh hẳn nên chúng tôi chỉ dừng lại để đóng dấu kỷ niệm vào cây gậy (mỗi trạm đều có chỗ đóng dấu vào gậy) và mua nước uống rồi tiếp tục lên đường. Từ đây lên tới trạm thứ tám (ở cao độ 3,350m), chúng tôi phải leo một độ cao 600m đường dốc ngược. Sau hơn hai giờ rưỡi đồng hồ chúng tôi cũng tới được trạm thứ tám. Lúc đó, không ai bảo ai, chúng tôi đều bước vội tới "nhà nghỉ chân" mà chúng tôi đã dành sẵn chỗ lúc khởi hành ở trạm thứ năm. Đây là một căn nhà hai gian. Một gian được dùng làm chỗ nghỉ chân, ăn uống cho khách. Ngay chính giữa gian này là một lò than được đào sâu xuống đất vuông vức mỗi bề độ 1.5m. Khách có thể ngồi sưởi và uống trà xung quanh. Ấm trà được treo vào móc sắt thông từ trần nhà xuống. Cũng tại đây, người quản lý dùng các thanh sắt nung đỏ để đóng dấu kỷ niệm vào gậy cho khách trọ. Chúng tôi có mang theo mấy con mực khô và mấy cặp lạp xưởng. Sau mười phút nghỉ thở cho đỡ mệt, chúng tôi đem mực và lạp xưởng ra nướng để ăn với bánh mì. Mùi thơm bốc lên khiến nhiều khách trọ phải thức giấc. Chúng tôi ăn uống xong xuôi lúc 11 giờ hơn. Người quản lý dẫn chúng tôi sang gian bên cạnh nằm ngủ vài ba giờ đồng hồ để còn kịp dậy leo núi xem mặt trời mọc. Gian này dài gấp ba gian đầu và được trang bị bằng hai dãy sập gỗ thấp gần sát mặt sàn, tối thui. Người quản lý phải dùng đèn pin soi lối đi. Khách trọ được xếp nằm sát nhau như cá hộp. Mỗi đứa chúng tôi phải chúi người vào chỗ nằm dành cho mình để được người quản lý phủ mền cho ấm. Mặc dù tôi đã thấm mệt sau hơn năm tiếng đồng hồ leo núi, nhưng không sao chợp mắt được hơn một giờ vì đủ các giọng ngáy vọng từ khắp gian phòng. Khi mở mắt tôi thấy nhức đầu quá nên phải nhòm dậy xin thuốc. Uống thuốc rồi cũng không thấy đỡ bao nhiêu. Sau mới biết vì ở độ cao trên 3,000m thì không khí loãng, ít dưỡng khí nên dễ bị nhức đầu. Chúng tôi lại không nghĩ đến mực này nên đã quên không mua bình bơm dưỡng khí ở trạm khởi hành. Tôi ngồi ở gian ngoài uống trà và nói chuyện với mấy người mà họ cũng không ngủ được. Chừng nửa giờ sau Hiệp và Hào cũng ra theo.

Chúng tôi rời nhà trọ vào lúc hai giờ sáng. Trời tạnh ráo nhưng có sương mù. Chặng còn lại trước khi lên được đến đỉnh núi mới là gay go. Chúng tôi cần phải vượt thêm một độ cao 426m nữa mà lại không có bình bơm dưỡng khí. Từ đây đường dốc ngược hơn những

đoạn trước nhiều. Cả ba đưa chúng tôi chưa ai có ý định bỏ cuộc khi nghĩ tới lúc được xem mặt trời mọc. Tôi là người lên đến trạm thứ chín vào lúc 3giờ 15phút sáng. Chừng mười phút sau Hiệp là người kế tiếp lên tới. Hiệp cho biết Hào đã xin phép chấm dứt cuộc hành trình sớm vì tim yếu nên bị tức ngực, leo tiếp không nổi. Hiệp và tôi tiếp tục nốt chặng còn lại sau khi đã chụp mấy tấm hình kỷ niệm. Bấy giờ trời đã tờ mờ sáng. Sắp đến lúc mặt trời mọc, nhưng chúng tôi còn phải leo ít ra cũng phải thêm 45 phút mới tới đỉnh núi. Cả hai bình nước của tôi và Hiệp đều cạn khô. Hai đứa lại bị nhức đầu vì lên cao hơn. Chính lúc đó tôi cũng không tin rằng mình chỉ còn cách đích chưa đến một giờ đồng hồ và sắp được xem mặt trời mọc từ đỉnh Phú Sĩ Sơn ! Tôi nhủ thầm rằng khi lên đến đỉnh, tôi sẽ phải ghi lại một dấu vết nào đó để sau này nếu có người Việt Nam, và nhất là bạn Chu Văn An nào đó cũng "dại dột leo tới đỉnh núi Phú Sĩ" như tôi sẽ cảm thấy vui hơn. Ý nghĩ hơi ngộ nghĩnh đó đã khiến tôi quên cả nhức đầu, khát nước và đã leo tới được đỉnh núi vào lúc vừng ô đang ló dạng từ một dải mây hồng. Rất tiếc tôi không phải là văn sĩ nên không thể tả hết được cảnh trí đẹp tuyệt vời này. Chỉ chừng mười phút sau, một vừng hồng tròn trịa sáng rực rỡ cả vùng đã nhô lên khỏi chân trời phía đông. Tôi quên cả mệt mỏi, đứng lặng người để tận hưởng vẻ đẹp hùng tráng vào thời điểm ấy. Bấy giờ trời đã sáng rõ nên tôi có thể quan sát được cảnh vật xung quanh. Cách chỗ tôi đang đứng, về phía trước mặt là miệng núi lửa thật lớn và sâu thăm thẳm. Tôi chỉ thấy được lờ mờ hình dạng của trạm thiên văn nằm phía bờ bên kia. Mặt đất đây đó vẫn còn tuyết phủ. Tôi bước vội tới một căn nhòmái thấp đang có tuyết tan chảy dọc xuống máng xối. Một vài người khác đang hứng nước uống. Tôi cũng xếp hàng hứng một bi-đông để giải khát. Tinh táo hơn, tôi bắt đầu nghĩ tới việc thực hiện "ý tưởng ngộ nghĩnh" đã là động cơ thúc đẩy tôi hoàn tất một cuộc hành trình khá gay go trong đời. Tôi nhặt những hòn đá bằng cỡ quả măng cụt để xếp những chữ "C. V. A. VIETNAM" ở một chỗ gần miệng núi lửa. Sau khi chụp hình lưu niệm, chúng tôi nhập với một đám xuống núi vào buổi sớm mai. Đường đi xuống tương đối dễ dàng. Chúng tôi bắt chước kỹ thuật bước dài theo chữ CHI để giảm bớt độ dốc của mây người Nhật leo núi rất thông thạo. Sau chưa đầy hai giờ đồng hồ, chúng tôi đã về tới trạm thứ năm. Hào đã chờ sẵn ở đó.

Bây giờ ngồi viết về cuộc leo núi Phú Sĩ, tôi vẫn còn nhớ tới cảm giác thích thú khi làm công việc xếp chữ bằng những hòn đá. Tôi mong rằng những chữ thân thương tôi để lại trên đỉnh Phú Sĩ Sơn nói lên phần nào tình cảm thiêng liêng mà tôi luôn luôn dành cho đất nước tôi và trường Chu Văn An nơi tôi có những kỷ niệm không bao giờ phai nhòa của tuổi học trò.

San Jose, California ngày 5 tháng năm, 1997

CVA Phạm Phúc Hưng

* * *

TÙY BÚT CỦA MỘT CỰU HỌC SINH CVA

CVA Phạm Nguyên Khôi 65-68

Bốn năm trung học đệ nhất cấp, tôi học ở trường Trần Lục, Tân Định. Tất cả các học sinh Trần Lục sau khi thi đậu Trung học đệ nhất cấp được chuyển qua trường Chu Văn An. Tôi học Chu Văn An ba năm đệ tam B2, đệ nhị B2 và đệ nhất B2 từ năm 65 đến năm 68 và tôi rất hãnh diện được học trường này. Trong lớp chúng tôi ngoại trừ vài anh bạn ở các trường khác chuyển qua, hầu hết là học sinh cũ của trường Trần Lục.

Thời chúng tôi, trường CVA tọa lạc trên đường Triệu Đà, Chợ Lớn, kế bên Đại học xá Minh Mạng. Hiệu trưởng là thầy Dương Minh Kính. Sau này, thầy đăc cử dân biểu. Giáo sư hướng dẫn đệ tam là GS Đỗ Quý Toàn, đệ II là GS Đặng Văn Dư và đệ I là GS Hà Xuân Châu. Chúng tôi đã học qua các thầy Trần Đình Ý, Nguyễn Đức Quang, Đỗ Anh Tài, Nguyễn Phúc, Tôn Thất Lương, Lê Văn Lâm, Đặng Văn Dư, Thẩm Nghĩa Căn, Nguyễn Văn Long, Nguyễn Công Thanh (thể dục), Vũ Văn Tiên, Lê Mậu Thống, Vũ Ngọc Đềm, Đinh Đức Mậu, Hà Xuân Châu, Đào Văn Dương,....

Các bạn CVA học ở trường mới có lẽ không thể nào quên được cái quán của ông Ba Bí Tất. Quán trông tồi tàn nhưng đồ ăn thì lại rất ngon. Có lẽ với tuổi học trò, đồ ăn nào cũng ngon cả miễn là đừng nấu quá tẻ. Và lại, nếu không ăn uống ở cái quán ông Ba Bí Tất thì ăn đâu bây giờ? Trong trường đâu còn có hàng quán nào khác nữa mà ăn? Tôi thích món bánh cuốn, thời ấy sao ăn mà thấy ngon thế!

Đối diện với trường bên kia đường Triệu Đà có một nhà thờ và một công viên. Mỗi lần được nghỉ 2 giờ đầu, chúng tôi thường lang thang qua bên công viên ngồi chơi để chờ học 2 giờ kế tiếp. Thỉnh thoảng có vài anh nổi hứng ầu, khi nghe thông báo nghỉ hai giờ đầu, xách động cả lớp nghỉ tiếp 2 giờ cuối. Các anh ấy tuyên bố nếu người nào trở lại học tiếp 2 giờ cuối là phản bội đồng bạn và đe dọa có biện pháp mạnh. Thế là chúng tôi kéo nhau đi coi ciné hoặc đi ăn chè Hiên Khánh. Thường thường có khoảng gần chục anh phản kháng cúp cua hoặc vì nhát gan nên đã ở lại. Các Thầy phụ trách dạy 2 giờ sau thấy học sinh còn lại lèo tèo quá ít nên thường cho về luôn. Chỉ có một số rất ít thầy vẫn tiếp tục giảng dạy.

Chúng tôi học ban toán nên trong những giờ Sử, Địa, Vạn Vật, Việt văn, v.v, thường thường có một vài anh cảm thấy nhàm chán nên hay cúp cua. Cách hay nhất để cúp cua hồi đó là đợi sau khi điểm danh xong, chờ ông thầy quay lưng lúi húi viết trên bảng là các anh chàng thợ lặn cứ việc nhảy qua cửa sổ ung dung bước ra ngoài. Biến mất một vài học sinh, ông thầy cũng không để ý hoặc chẳng biết.

Chúng tôi có rất nhiều kỷ niệm với Thầy Ý. Khi đi dạy học, thầy ăn mặc rất trịnh trọng và chỉnh tề. Mặc dẫu trời rất nóng bức và oi ả nhưng hầu như lúc nào thầy cũng mặc áo sơ mi trắng, thắt cà vạt, mặc áo vest. Lúc vào trong lớp, thầy mới cởi áo vest ra, khoác lên ghế và bắt đầu giảng bài. Thầy di chuyển bằng chiếc xe đạp hiệu Peugeot. Học sinh thấy Thầy hiền từ nên thường hay chọc ghẹo thầy. Có lần một anh học trò nghịch ngợm khóa cái xe đạp của Thầy lại. Báo hại Thầy hôm đó phải gọi cyclo chở cả người lẫn xe đến tiệm để cắt ổ khóa.

Những thầy cương nghị thì học trò không dám chọc phá. Những thầy quá hiền và dễ dãi thường bị học trò chọc phá luôn luôn. Tuy nhiên khởi động chọc phá các thầy chỉ có một vài anh trong lớp hay thích khuấy động hoặc đùa dai, rồi sau đó các người khác hòa theo. Tuy vậy, chúng tôi cũng thuộc loại hiền nếu so sánh với các học sinh thời nay. Một anh đã

học đệ nhị bị thầy bạt tai nổ đom đóm mắt mà không dám phản ứng. Một học sinh đệ nhị khác bị bắt quỳ gối giữa sân trường mà vẫn phải thi hành. Nhiều khi chúng tôi bị phạt quỳ cả lớp mà vẫn phải tuân phục. Tôi nghĩ trường CVA tương đối có kỷ luật. Các thầy Giám thị ngoài việc đi điểm danh học trò còn phải trông chừng giữ trật tự. Rất ít hoặc hầu như không có những vụ đánh lộn hoặc phá rối xảy ra. Trong trường chúng tôi phải mặc đồng phục, áo trắng quần xanh, đeo bảng hiệu. Có anh mặc áo màu mỡ gà nhạt, hoặc áo màu xanh lạt, hoặc mặc quần xanh đen đã bị thầy giám thị bắt về nhà thay quần hoặc thay áo khác. Áo dài tay không được xắn tay áo lưng chừng. Một là phải gài nút tay áo cẩn thận hoặc là nếu muốn xắn tay áo thì phải xắn tay áo lên trên cùi chỏ.

Sau khi thi Tú tài phần nhất xong, trong lớp chúng tôi có vài anh thi rớt phải rời khỏi trường. Có anh phải vào quân đội hoặc đi cảnh sát. Những người thi đậu lại tiếp tục học tiếp lên lớp đệ nhất. Cũng có anh lấy vợ sớm, đến năm sau trong lúc vẫn còn mài dũa quần ở nhà trường nhưng đã thành cha.

Hồi chúng tôi vừa thi xong TT I năm 67, trong lớp tôi có anh Trần Ngọc Phú người nhỏ nhắn, tính tình rất hiền lành. Tuy nhiên, với tuổi đời mới 17, anh đã tình nguyện vào khóa 27 trường Sĩ Quan Trừ Bị Thủ Đức. Mấy tháng sau, nhân dịp về phép, anh ta đã trở lại trường CVA thăm bạn bè cũ. Có vài anh bạn học khác như Đoàn Phan Trí, Trần Quốc Việt, Mai Thanh Tùng cũng đã tình nguyện vào cùng khóa 27 trường Sĩ Quan Thủ Đức. Tôi quen thân với anh Đoàn Phan Trí. Sau khi ra trường, anh Trí về đơn vị Nghĩa Quân, nắm trung đội trưởng. Một người bạn khác của tôi tên là Trần Hữu Thọ đi thăm, về kể lại đại khái rằng "Thằng Trí bé luắt chuắt, mặt non choẹt (lúc đó anh ta mới 18 tuổi), ra đứng điểm danh trung đội trông thật tức cười..". Một thời gian ngắn sau khi ra trường, anh Trí vướng phải lựu đạn VC gài, bị thương nặng. Chúng tôi có tới thăm anh Trí, thấy có một khúc ruột lòi ra ngoài, khắp mình mẩy tay chân đều bị băng bó. Một thời gian sau khi xuất viện, anh Trí được giải ngũ loại 2, chân thành tật phải đi khập khiễng. Lúc có phong trào thương phế binh cầm dùi, anh Trí có cầm dùi được một miếng đất ở ngoài đường lộ, gần bờ biển thị xã Vũng Tàu. Sau đó anh ta xây nhà và mở tiệm bán nước ngọt. Chúng tôi có tới thăm và anh ấy tiếp đãi rất nồng hậu. Còn anh Phú nghe nói sau khi ra trường qua binh chủng Nhảy Dù, và ít lâu sau đã giải ngũ trước năm 75. Anh Nguyễn Gia Quang về sau cũng đi Nhảy Dù và đã tử trận.

Sau nhiều năm, một số bạn đã quên những người bạn học cũ của mình nhưng trong lớp có 1 người rất là đặc biệt mà nói đến tên thì tất cả mọi người trong lớp không ai mà không biết. Đó là anh Trần Trung Chính, tự Chính Mập, có 1 lục cá nguyệt anh ta làm trưởng lớp. Anh ta có thời nghe nói nặng tới 100 kg. Anh Chính Mập học giỏi và có 1 trí nhớ vô song mà tất cả chúng tôi đều thán phục sát đất. Mỗi lần quên điều gì trong thời gian đi học là chúng tôi cứ hỏi anh Chính là có câu trả lời ngay. Sau khi rời trường CVA, anh đậu kỳ thi tuyển vào Đại Học Nông Lâm Sóc và cuối cùng lên chức trưởng ty. Cũng xin nhắc tới anh Nguyễn Mạnh Hùng là người học xuất sắc đứng đầu lớp, sau đó là Nguyễn Văn Sở (em nhà báo Cao Sơn ở San Jose). Người giỏi môn toán là Đỗ Đại Trí.

Thời trung học, người bạn thân nhất với tôi là anh Lê Thanh Bình, sau đó là Trần Hữu Thọ và tiếp theo là Trần Huy Khang, Nguyễn Ngọc Trân, Đào Tiến Tư,... Tất cả những người bạn này đều là những bạn học từ lớp đệ thất. Anh Lê Thanh Bình về sau được đi du học bên Đức và hiện đang định cư ở thành phố Bremen. Mỗi lần qua Mỹ, anh đều ghé thăm và ở nhà với chúng tôi. Một anh bạn khác cũng khá thân là Ngô Đức Thịnh, học chung lớp với tôi bên Trần Lục nhưng khi qua CVA thì lại qua lớp khác (B1).

Sau khi thi Tú Tài II xong, một số anh xuất sắc được xuất cảnh du học, trong đó có các anh Nguyễn Mạnh Hùng, Nguyễn Lê Tiến, Đào mạnh Dân, Lê Thanh Bình, Bùi Tường Hùng, v.v. Một số khác vào quân đội, số còn lại tiếp tục việc học trên Đại học. Kỹ thuật Phú Thọ có các anh Lê Nguyên Thông, Lê Đình Hân, Ngô Đức Thịnh, Nguyễn Mậu Phụng, Nguyễn Việt Hưng. Đại Học Y Khoa có các anh Nghiêm Xuân Hùng, Nguyễn Mạnh Đạt, Nguyễn Đức Tuệ, Vũ Quang Huân, Phạm Gia Hiệp (nghe nói đã mất). Anh Nguyễn Mạnh Đạt, chuyên khoa về nội thương, hiện đang hành nghề ở Orange County. Anh Nguyễn Đức Tuệ đang hành nghề BS ở Houston, anh Nghiêm Xuân Hùng hiện đang hành nghề Bác sĩ Y Khoa ở Oklahoma City và cũng là anh cột chèo với người em trai của tôi. Anh Nguyễn Lê Tiến tốt nghiệp tiến sĩ điện bên Đức, là em trai GS Nguyễn Đoàn Phi. Sau này, anh Tiến lập gia đình với ca sĩ Ái Vân. Hai người có 1 cô con gái rất dễ thương. Anh Tiến hiện đang là hội phó hội CVA Bắc Cali, hiện đang định cư ở thành phố Cupertino, California. Ban Chấp Hành hội cũng đã có lần họp tại nhà anh Tiến.

Đa số những anh sau khi thi TT II xong, vào quân đội năm 68 là những anh sinh năm 1948. Lúc đó có lệnh đôn quân nên các anh ấy đã quá tuổi hạn định vào Đại Học. Trong nhóm đó có một anh bạn thân, học giỏi tên là Bùi Phạm Thành. Anh đã tình nguyện vào trường Sĩ Quan Võ Bị Đà Lạt khóa 25 trong dịp này. Anh Thành sau khi ra trường về đơn vị trinh sát của một sư đoàn và cuối cùng anh trúng vào kỳ thi tuyển của quân đội vào học ngành Công Chánh của Đại học Phú Thọ. Dự trù sau khi tốt nghiệp, anh sẽ qua ngành Công Binh. Sau này anh Thành lập gia đình với em gái anh Nguyễn Mạnh Đạt, và hiện giờ anh định cư ở nam California. Nhiều anh khác sau này cũng vào lính như Vũ Nguyên Chúc, Nguyễn Vĩnh Trinh, Nguyễn Tất Tiến, v.v. Đặc biệt có anh Nguyễn Văn Nhân tình nguyện vào Không Quân ngay sau tết Mậu Thân khi nhà anh bị trúng hỏa tiễn trong cuộc tổng công kích của VC. Vài tháng sau anh ta xin phép dự thi TT II, mặc dù không học hành trong mấy tháng nhưng anh vẫn thi đậu hạng bình thứ.

Riêng cá nhân tôi, năm 69 tôi bị động viên vào khóa 5/69 Thủ Đức. Lúc trình diện, thấy Hải quân đang tuyển mộ những ai có TT II ban B nên tôi nạp đơn xin qua. Sau này tôi học thêm 6 tháng Hải Nghiệp tại Trung Tâm Huấn Luyện Hải Quân Nha Trang. Đơn vị đầu tiên của tôi là Giang Đoàn 70 Thủy Bộ. Trong đơn vị có nhiều Sĩ Quan cũng là dân CVA thí dụ như Chỉ Huy Trưởng Giang đoàn là Thiếu tá Nguyễn Như Phú (CVA59). Chỉ Huy Phó Liên Giang Đoàn đại úy Nguyễn An Cường (CVA59), hiện đang định cư ở San Jose và hiện nay là một hội viên CVA. Tôi kính nể đại úy Cường vì tính cương trực và quả cảm của ông. Sau này Đ/U Cường được thăng cấp Thiếu Tá.

Năm 69 cũng là năm mà rất nhiều các bạn học của tôi vào quân đội. Một người bạn thân tên Trần Hữu Thọ tình nguyện qua Hải Quân, tốt nghiệp khóa 4 OCS bên Mỹ. Ra trường, anh ta về Hải Đội 5 Duyên Phòng (Hải Đội Duyên Phòng là một hải đội dùng những chiếc tàu nhỏ, chạy rất nhanh gọi là PCF để tuần tiễu cận duyên). Căn cứ của hải đội đóng ở Năm Căn, đó là một vùng rất nguy hiểm, căn cứ bị pháo kích thường xuyên. Khi tàu đi từ căn cứ ra ngoài bờ biển thường bị VC bắn sẻ và tấn công liên miên. Trong một chuyến công tác ở Năm Căn, tôi có gặp anh Thọ. Anh ta mời tôi đi uống cà phê ở một câu lạc bộ trong căn cứ. Rất may sau khi tàn cuộc chiến, anh Thọ vẫn còn sống sót và di tản qua Mỹ năm 75. Anh Đặng Kim Chi có tên trong danh sách du học nhưng cuối cùng chương trình du học bị bãi bỏ nên anh ta cũng vào khóa 6 OCS Hải Quân

Hồi tôi còn ở đơn vị Giang Đoàn 70 Thủy Bộ, Thiếu Tá Chỉ Huy Trưởng đơn vị có chỉ định tôi đưa xác một thủy thủ bị tử trận về Sài Gòn. Trong lúc quan tài anh thủy thủ còn đang

quàn tại Nghĩa Trang Quân Đội Gò Vấp, tình cờ đi ngang qua một nấm mộ, tôi thấy di ảnh của một khuôn mặt quen quen. Nhìn kỹ lại mới biết đó là anh Lao Quốc Cường, một bạn học cũ cùng lớp ở CVA. Anh Cường nhà ở Hóc Môn, người rất vui tính và cởi mở. Không biết anh vào quân đội hồi nào, thế mà giờ đây ngẫu nhiên tôi gặp lại anh trong một hoàn cảnh trở trêu: Một người còn đang ở dương thế, người kia đã nằm dưới lòng đất lạnh. Kiếp người thật là vắn số! Tôi biết có nhiều bạn tôi cũng như vậy, đã chễm chệ ngồi trên bàn thờ nhưng riêng tôi số may mắn vì sau 6 năm trong quân ngũ, tôi chỉ bị thương nhẹ trong một chiến dịch hành quân phối hợp với một trung đoàn của sư đoàn 21 để giải tỏa quận Hiếu Lễ đã bị VC chiếm đóng từ nhiều năm trước.

Đơn vị chót của tôi là HQ802. Nhờ đi tàu biển nên năm 75 tôi có phương tiện qua Mỹ. Hiện nay, bạn bè cũ ở CVA phân tán tứ phương. Nhờ gia nhập hội CVA nên tôi có dịp làm quen được một số bạn mới trong đó có anh Vũ Mạnh Phát (CVA59) hiện đang là trưởng ban báo chí của hội CVA bắc Cali và tôi đang là phụ tá cho anh Phát. Mặc dù mới quen nhưng vì hợp tính nhau nên tôi và anh Phát đã sớm trở thành bạn chí thân.

Quý vị đồng môn CVA! Quý vị còn chần chờ gì nữa mà không tích cực gia nhập hội CVA tại địa phương của mình!

CVA Phạm Nguyên Khôi

* * *

CHU VĂN AN TRƯỚC NGÀY RỜI HÀ NỘI

CVA Đặng Khắc Khánh

Những ngày tháng vào năm 1954 đem đến cho người dân Hà Nội biết bao nỗi âu sầu, lo lắng. Làm sao không khổ đau đớn khi phải quyết định cho mình những quyết định đau đớn. Đi là phải xa rời Hà Nội, xa rời quê hương miền Bắc, không biết ngày về. Ở lại còn đau đớn hơn vì phải chấp nhận cuộc sống đầy rủi ro bất trắc một khi bức màn tre buông xuống.

Vào những ngày sôi bỏng của đất nước, tôi đang học năm đầu tiên tại Chu văn An. Thân phụ tôi, nhà giáo Đặng Văn Biền, cũng mới được Nha Học Chính Bắc Phần chuyển từ Sơn Tây về Chu văn An được hơn hai năm. Gia đình tôi đầu quân Chu văn An gồm có : CVA Đặng Xuân Hồng, chú tôi, CVA Đặng Đức Kim, anh tôi, và CVA Đặng Duy Nhạc, em tôi.

Chu văn An ngày ấy tọa lạc tại cửa Bắc thay vì tại Bưởi. Trường Bưởi do đơn vị nhảy dù Pháp Việt đồn trú. Trường sở Chu văn An là dãy lầu ba tầng cổ kính rộng rãi khang trang. Dù là học sinh lớp nhỏ, giờ thực nghiệm cũng được giảng dạy tại giảng đường rộng rãi, giáo sư làm thí nghiệm cho học sinh theo dõi.

Các thầy dạy xuất sắc, tôi còn nhớ một số thầy như thầy Bính dạy Toán, thầy Triệu dạy Lý Hóa, thầy Phong dạy Pháp văn, thầy Lê Trung Nhiên dạy Anh văn, thầy Nhiên sau tiến thân rất xa, làm Khoa Trưởng Văn Khoa Sài Gòn.

Học trò ngày đó ăn mặc chững chạc. Các thầy luôn mặc đồ lớn. Học cùng lớp tôi nhớ có Lê Nhân Thuận. Ngoài giờ học, học sinh còn được hướng dẫn thăm viếng các sinh hoạt khác tại Hà Nội như Đài Phát Thanh, gặp gỡ giáo sư Thẩm Oánh, Giám đốc đài.

Một vài sinh hoạt khác tôi còn nhớ kỹ là lúc CVA được vinh dự đứng hàng đầu đón Quốc Trưởng Bảo Đại tại Hồ Hoàn Kiếm nhân buổi duyệt binh của Quân Đội Quốc Gia Việt Nam vào năm 1954. Quốc trưởng Bảo Đại cao lớn đi trước, theo sau là các tướng Pháp Việt. Một sinh hoạt khác nữa là buổi văn nghệ mừng Xuân phối hợp giữa Chu văn An và Trưng Vương rất xuất sắc tại Nhà Hát Lớn Hà Nội.

Nhà tôi ở cửa Bắc, rất tiện việc mấy anh em chú cháu đi bộ tới trường học. Sáng ngày ăn sáng thì có gánh hàng rong phở, xôi lạp xưởng gánh qua tha hồ thưởng thức. Chiều đi học về tà tà đi bộ ra đê Cổ Ngư hóng mát hay ăn bánh tôm, hoặc lại thăm câu lạc bộ ca nô hay tới thăm Chùa Trấn Quốc. Hồ Tây rộng mênh mông không thấy bờ bên kia.

Hà Nội ngày đó rất sạch sẽ thanh lịch. Một kỷ niệm khó quên là ngày xuân đi thăm đền Ngọc Sơn, Tháp Rùa, gò Đống Đa hay đền Hai Bà Trưng.

Ngày vui của tuổi xuân tại Hà Nội chưa được bao lâu, là xảy đến Hiệp định Genève chia đôi đất nước. Chính quyền Quốc gia dưới sự chèn ép của Pháp và các thế lực quốc tế cũng cố gắng chống trả. Ủy Ban Bảo Vệ Bắc Việt ra đời với các tướng Nguyễn Văn Vân, Bác Sĩ Hoàng Cơ Bình, ông Trần Trung Dung, cố gắng kết hợp các người quốc gia yêu nước. Thị Trưởng Đỗ Quang Giai ra lệnh quân sự hóa lực lượng cảnh sát. Cảnh sát Hà

nội mặc quần áo trận đội nón sắt tuần tiễu nhiều lần trên các xe vận tải cỡ nhỏ, qua các đường phố Hà Nội, đảm bảo an ninh cho mọi người dân Hà Nội. Chúng ta có thể hãnh diện về những người quốc gia chân chính từ cấp lãnh đạo đến cấp thừa hành đã tích cực góp phần bảo vệ quê hương. Than ôi, phần này quá ít!

Ngày sửa soạn di cư vào Nam, bà Ngoại tôi từ vùng Hải Hậu bất ngờ lên thăm. Đúng ra ông ngoại tôi là điền chủ đã bị Cộng Sản bắt làm con tin, trong chiến dịch cải cách ruộng đất của Cộng Sản, buộc bà tôi ra Hà Nội kêu gọi con cháu trở về. Không ai chịu ở lại, bà ngoại xót xa rơi lệ trở về, bà không thể để ông ngoại một mình gánh chịu mọi oan khiên. Chúng tôi đau xót nhìn bà trở về, tự hỏi bà, vốn xuất thân là tiểu thư, con gái cưng quan Tuần Phủ, rồi đây làm sao có thể đương đầu với những đợt sóng đỏ vùi dập sắp đến.

Thế rồi tháng Tám năm 1954, cả gia đình chúng tôi lên máy bay bỏ lại Hà Nội, nhìn Hồ Gươm một lần chót để hướng về miền Nam.

Tại miền Nam, chúng tôi cũng hãnh diện là đều tốt nghiệp Đại Học, đã được trao phó những trách vụ chỉ huy hay chuyên môn, để cũng như các Chu Văn An khác góp phần xây dựng và bảo vệ phần đất Miền Nam tự do . Hy vọng một ngày mai tươi sáng trở lại quê hương để chúng ta có thể đóng góp tích cực hơn cho đất nước thân yêu.

* * *

CƯỚP BIÊN NGỌT NGÀO

CVA Nguyễn Thanh Giản

Chắc hẳn nơi đây xưa kia là một góc rừng thông. Những cây thông thẳng tắp. Cả ngàn năm trước, chúng đã đứng dậy cùng nhau rì rào than thở. Các âm thanh trầm buồn chẳng bao giờ dứt cả bởi vì chàng gió chỉ thích những bản nhạc buồn. Về mùa hè, chúng giang tay chào vẫy nhưng vẫn chẳng dấu nổi cái tâm sự nùng nùng. Mùa thu thì buồn lắm và mùa đông thì ôi thôi chỉ còn là những cử chỉ run rẩy đáng thương biết bao. Đau buồn thế ấy nhưng cũng chẳng được yên thân. Ngày người Mỹ khám phá ra vùng đất này trong công cuộc chinh phục miền viễn tây của họ, sau khi đã vượt qua rặng núi Sierra đầy băng tuyết với bao kỷ niệm vất vả và chết chóc, họ thấy cái mòm đất nhô ra biển này trông buồn muôn thuở nhưng cũng đẹp muôn phần. Họ quyết định xây một thành phố ở nơi đây. Những cây thông bị chặt. Củi thông, nhựa thông cháy xèo xèo cung cấp hơi ấm cho những đêm đông bất tận tưởng đã một lần trả hết cái nghiệp của một loài thảo mộc khổ đau. Nhưng không, người ta đã giữ lại một số cây cao và thẳng để làm cảnh cho một khu phố. Một số cây khác được trồng thêm. Thành phố dựng xây xong. Khu phố có một con đường dài và thẳng được đặt tên là Phố Cây Thông. Phố Cây Thông ngày nay tuy ban ngày nhộn nhịp xe cộ, nhưng những đêm buồn và lạnh, những ngọn đèn vàng soi trên những vũng nước với bóng những cành cây run rẩy vẫn giữ trong lòng phố cái tâm sự rì rào kể lể của cả ngàn năm về trước.

Thiếu tá An đóng bớt cửa sổ lại vì hơi sương lạnh đã lùa vào tận trong nhà. Căn nhà ở Phố Cây Thông chàng đã ở được 6 năm. Nhớ ngày mới tới cũng khá chật chội vì gia đình chàng gồm tới 8 người. Thế mà nay chỉ còn một mình chàng lủi thủi trong căn nhà đã trở thành quá rộng. Những đứa con trai đã vào đại học và ở luôn trong trường. Đứa con gái đã lấy chồng và dọn đi tiểu bang khác. Từ ngày Mộng Hoa đã bỏ chàng đi nốt thì chàng bị một cái bệnh là không bao giờ có thể ngủ được một giấc từ tối tới sáng. Đêm nào cũng thức giấc tới hai, ba tiếng đồng hồ. Sau đó có khi ngủ lại được, có khi trời đã gần sáng với tiếng động cơ xe nổ rầm rầm, chàng dậy sửa soạn đi làm, người khá mỏi mệt với số tuổi gần 50 chịu nặng trên vai. Nhiều đêm thức giấc không biết làm gì, nổi cô đơn vò xé, chàng đã để tâm sự mình trên trang giấy bằng những vần thơ thật buồn :

*Nửa đêm phố vắng đèn vàng
Tạnh mưa tỉnh giấc bàng hoàng chiêm bao
Đông tàn còn lạnh trăng sao
Cành cây không lá dâng cao dáng gầy
Tiếng xưa còn vắng bên tai
Lời kinh đêm vắng ru hoài hồn hoang
Nhớ xưa trắng ở thiên đàng
Một đêm trăng vỡ mảnh tan lưng trời
Anh vàng thôi đã rụng rơi
Rừng xưa bến cũ nước xuôi phương nào ?*

Có lần Quang, bạn chàng, tới chơi đọc được bài thơ này, anh ta kinh ngạc nói với chàng :
- Bạn làm thơ "độc" quá. Nó sẽ vận vào người. Coi chừng bạn sẽ chết tan xác bằng một tai nạn xe cộ đấy. Vì hai câu thơ của bạn :

"Nhớ xưa trắng ở thiên đàng

Một đêm trăng vỡ mảnh tan lung trời."

Làm tôi nhớ tới hai câu thơ của Vương Bột trong bài Đăng Vương Các Tự :

" Thu thủy cộng trường thiên nhất sắc

" *Lạc hà dữ cô lộ tễ phi.*

Với hai câu thơ này, người ta đã đoán là Vương Bột sẽ chết đuối, vì cái tinh hoa phát tiết ra bằng hai câu tuyệt vời còn truyền tụng tới ngày nay sau hơn 1000 năm lúc Vương Bột mới 15 tuổi. Quả nhiên mấy năm sau Vương Bột đi thăm cha làm thái thú ở đất Lĩnh Nam, đã bị đắm thuyền và chết giữa một buổi chiều thu nước biếc.

Nghe bạn nói An chỉ gật gù cho qua, chẳng quan tâm gì. Vì chàng cho rằng nếu đây là định mệnh thì chàng sẵn sàng chấp nhận, chẳng kêu ca gì.

Hai người bạn này đã chơi thân với nhau từ lâu nên Quang hiểu rõ hoàn cảnh của An. Thỉnh thoảng buổi tối Quang tới chơi và hai người nói chuyện với nhau tới khuya. An pha xong một ấm trà thật đặc còn bốc khói. Quang nói chậm rãi : - Mấy hôm trước mình đọc được một bài báo của một ông bác sĩ tâm lý người Việt Nam. Ông ta nghiên cứu các gia đình người Việt tỵ nạn và ngạc nhiên thấy tỉ số các gia đình tan vỡ cao hơn cả tỉ số ly dị của Mỹ. Riêng trường hợp các cựu sĩ quan không quân VN, tỉ số này lên tới 85%. Thật là kinh khủng. Bài báo còn đưa ra một định luật cũng của ông bác sĩ đó. Mặc dầu ông ta đã rào đón đó là một định luật khoa học nhân văn, không phải định luật toán học nhưng xem ra cũng khá chính xác. Định luật cho rằng 99% những vụ ly dị xảy ra ở VN đều do lỗi ở người chồng, còn ở Mỹ 99% những vụ ly dị đều do lỗi của người vợ. Nhưng ở VN số ly dị rất ít. Điều đó cũng dễ hiểu thôi. Vì xã hội VN ít dung túng cho những vấn đề như vậy. Nền tảng gia đình đặt trên hạnh phúc của con cái. Một khi gia đình tan vỡ thì con cái lãnh đủ trước hơn ai hết. Trái lại ở Mỹ, người ta sống theo cá nhân chủ nghĩa hoàn toàn và cái chủ nghĩa cá nhân này người Việt học được một cách hết sức nhanh chóng. Bài báo còn nghiên cứu cả về tâm lý của các cặp vợ chồng. Theo đó thì tâm lý người vợ và người chồng khác nhau hoàn toàn. Một khi người chồng có những liên hệ bất chính ngoài hôn nhân, anh ta cảm thấy có một mặc cảm tội lỗi rất lớn đối với vợ mình. Anh ta trở về xun xoe lấy điểm, săn sóc vợ nhiều hơn, làm như để đền bù những thiệt thòi của nàng. Dù có mệt mỏi cách mấy, anh ta cũng cố gắng "trả bài" một cách đầy đủ và bổn phận gia đình ít khi bị xao lãng. Không ai tính chuyện bỏ vợ để đi theo cái liên hệ bất chính đó cả. Trái lại khi người đàn bà đã có hình bóng một người đàn ông khác trong đầu thì nàng sẽ cư xử một cách khác hẳn. Nàng sẽ khinh khi ruồng rẫy người chồng một cách thẳng tay, nhất là nếu người chồng đã mất địa vị, không kiếm được nhiều tiền thì cái "tai nạn" mà chàng gặp phải sẽ lớn lao vô cùng.

Quang nói chuyện miên man, có vẻ thích thú về bài báo mới đọc được. An rất sung sướng có một người bạn thân lâu lâu buổi tối lại tới uống trà nói chuyện với chàng tới khuya. Hai người tâm sự với nhau chẳng thiếu điều gì. Tâm sự của An, Quang hiểu rõ nên những vần thơ của An, Quang là người cảm nhận được nhiều hơn cả. Tối nay Quang nhắc lại những nỗi khổ đau của dân tộc VN nên đến khuya khi Quang đã về, An còn thức tới mấy tiếng đồng hồ nữa không sao ngủ được. Chàng nhớ lại những hình ảnh khổ đau chàng đã được chứng kiến suốt mấy chục năm qua diễn biến lần lượt như trên một màn ảnh trong đó chính chàng cũng là một diễn viên lâu lâu xuất hiện trong những vai bi thảm. Những thảm kịch của chiến tranh thì nói sao cho hết : những cổ thành bị tàn phá, di tích còn lại chỉ là những đồng gạch vụn, những bức tường cháy xém chưa đổ hẳn vẫn đứng trơ trơ như những bóng ma lập lòe trong đêm. Những tiếng than khóc, tiếng nguyện cầu rì rào

trong đêm vắng, những đứa trẻ năm, ba tuổi mất hết mẹ cha, trần truồng mếu máo, vừa khóc vừa quờ quạng chạy ra khỏi vùng lửa đạn. Ở những vùng quê, nổi bất hạnh cũng không kém phần trầm trọng : những xác chết rải rác trên những cánh đồng chẳng có ai chôn, làm mồi cho những loài thú ăn thịt. Cánh đồng xưa nay trù phú, trĩu nặng hạt lúa thơm bông, nay xơ xác điêu tàn. Người ta đói quá phải ăn cả lá cây. Thịnh thoảng An còn thấy những đứa trẻ mũi rãى chảy ròng ròng, ruồi bâu không muốn đuổi, còn đang dùng những chiếc muỗng gầy cổ găng cạo ra một vài hạt cơm còn dính ở đáy nồi. Rồi thì những cảnh vượt biển với những nạn hải tặc hải hùng mà chính An là một nạn nhân đáng thương nhất.

Mấy tháng trước đây An gặp lại một người đệ tử cũ : Binh nhì Wòng A Mìn. A Mìn đổi tên sang tiếng Việt cho dễ đọc, một cái tên thật hay : Hoàng Khải Minh. Binh nhì Hoàng Khải Minh tới trình diện thiếu tá An, quyền trung đoàn trưởng, một cách khác thường. Hẳn được một sĩ quan hầu cận của ông tướng vùng đưa tới với lời rỉ tai nhẹ nhàng rằng tướng vùng muốn Hoàng Khải Minh "làm việc" tại hậu cứ của trung đoàn ở Sai-gòn, không phải đi hành quân. An biết ngay Minh sẽ là một thứ lính kiểng chỉ có tên trong quân đội thôi, nào có làm được việc gì, nhưng vì hắn có gốc lớn quá nên An cũng đành chịu chớ biết làm sao được. Được cái Minh cũng biết điều. Đối với An, hắn rất kính trọng, không bao giờ dám qua mặt. Suốt hơn hai năm "quân vụ" thuộc trung đoàn của chàng, Minh tỏ ra rất khéo léo, thịnh thoảng tới thăm An ở bộ chỉ huy trung đoàn với những quà cáp dành cho những sĩ quan tham mưu. Ở Sai-gòn, Minh cũng thường tới nhà An, giúp đỡ hết việc nọ việc kia khiến vợ An rất hài lòng. Mộng Hoa thường nhờ Minh chở đi mua sắm, đi lễ nhà thờ, thịnh thoảng đi nghe những buổi trình diễn ca nhạc buổi tối. Mộng Hoa coi Minh như đứa em út trong gia đình, rất quý mến Minh. Có lần bắt mạch biết được Mộng Hoa thích đi du lịch, Minh đề nghị tặng nàng một vé du lịch Hồng Kông, Thái Lan, Singapore khiến Mộng Hoa vô cùng sung sướng. An có vẻ không hài lòng nhưng chiều vợ chàng cũng bỏ qua. Sau này An được biết rằng Minh là con một nhà tài phiệt người Hoa rất giàu có ở Chợ Lớn. Ngoài cơ sở xuất nhập cảng, ông ta còn có một khách sạn, vừa là một nhà hàng rất lớn ở ngay đường Đồng Khánh. Các chính trị gia, các nhà lãnh đạo hành chánh, tư pháp, các cấp chỉ huy cao cấp trong quân đội lâu lâu tới nhà hàng hưởng thú "nhất dạ đế vương". An biết điều đó và chàng rất buồn cho rằng miền Nam sớm muộn gì cũng sụp đổ, nhưng chàng không biết phải làm gì. Nếu tính số những sự giúp đỡ của Mỹ cho miền Nam so với những sự giúp đỡ của Nga Xô và Trung Cộng cho miền Bắc thì miền Nam được giúp đỡ nhiều hơn. Tổng cộng Mỹ đã chi tới 150 tỉ đô la. Nhưng chính phủ miền Nam lẽ ra phải có chánh sách thân được một phần những chi phí của Mỹ để dùng ngoại tệ đó xây dựng nền kinh tế quốc gia giống như tổng thống Nam Triều Tiên Phác Chánh Hy đã làm ; nhưng họ đã bỏ ngỏ vấn đề này, do đó tiền đô la hầu hết đã chạy vào túi các nhà tài phiệt ở Chợ Lớn. Những nhà tài phiệt này thấy miền Nam bất ổn về vấn đề chính trị nên đem tiền đi đầu tư ở ngoại quốc, do đó kinh tế miền Nam cứ một ngày một lụn bại cho đến khi miền Nam sụp đổ hoàn toàn. Trước ngày miền Nam sụp đổ, gia đình Hoàng Khải Minh ưng dung thuê hẳn một chiếc máy bay riêng bay sang Singapore. Sau đó họ sang Mỹ và được chấp nhận như những người Việt tị nạn.

Gặp lại Minh, An mừng rỡ vì Minh vẫn vồn vã và kính trọng chàng như xưa. Hắn nói :
-Trước ngày 30-4, chị Mộng Hoa có nhờ em đưa chị và các cháu đi trước. Anh An còn vất vả ở ngoài mặt trận, sẽ về và đi sau. Nhưng em không liên lạc được với anh nên không

biết ý kiến của anh ra sao. Không ngờ anh em mình phải xa nhau tới hơn 10 năm mới gặp lại.

Minh đề nghị An làm việc trong một siêu thị ở San José do hẳn làm chủ nhưng An từ chối vì An đã xin được một chân làm kế toán cho một tiệm sản xuất bánh mì của người Pháp, tiệm La Petite Boulangerie. Chủ nhân thấy An nói thông thạo tiếng Pháp nên thuận nhận chàng một cách dễ dàng. Minh đến thăm An luôn và hẳn tìm được cả địa chỉ của Mộng Hoa. Gặp lại Minh, Mộng Hoa cũng rất mừng vì Minh vẫn tỏ ra là một đứa em dễ bảo, vẫn sốt sắng giúp đỡ nàng mỗi khi nàng có việc gì phải nhờ tới hẳn. Một buổi tối kia, Minh nói với An :

- Chị Mộng Hoa hiện sống với một ông Mỹ tên là Helmut Deich. Em có gặp ông ta nhiều lần, cũng là một người lịch thiệp. Nhưng ông ta không chịu làm hôn thú. Em thấy những người đàn bà VN lấy chồng Mỹ cũng hơi khó xây dựng hạnh phúc vì những sự khác biệt về văn hóa. Ngoài những lúc gần gũi về xác thịt, họ không biết nói chuyện gì với nhau. Người chồng Mỹ đi làm về, họ lấy một lon bia ra rồi ngồi dán mắt vào TV để theo dõi một trận đấu Football suốt mấy tiếng đồng hồ. Giải trí của họ là chơi Poker, đánh Golf, chơi Bowling hoặc tham dự những chương trình ca nhạc đình tai nhức óc. Thịnh thoảng có đi du lịch với vợ thì họ bắt vợ phải chia đôi tiền chi phí. Có ông còn bắt vợ phải chia đôi cả các chi phí trong gia đình. Những buổi tiếp tân với bạn bè, họ bàn luận cả mấy tiếng đồng hồ về những trận Bóng Chày, về những trận Boxing, về những tài tử khôi hài, về những Talk-show mà người vợ chẳng hiểu gì cả. Chị Mộng Hoa có vẻ ít nói hơn hồi xưa. Tuy nhiên chị ấy cũng tâm sự với em rằng từ hồi nhỏ chị ấy vẫn mơ ước được lấy chồng ngoại quốc. Hồi còn là một nữ sinh trường Pháp có một ông giáo trẻ người Pháp thấy chị xinh đẹp nên có đề nghị chị ấy nếu đi chơi với ông ta thì ông sẽ đưa về Pháp. Chị ấy đã định xiêu lòng nhưng lúc ấy còn nhiều vấn đề lắm : nào là vấn đề gia đình, cha mẹ anh em, vấn đề anh An lúc đó mới quen và yêu chị chân thành. Còn người Pháp kia chắc gì đã yêu thương chị hay hẳn chỉ muốn thỏa mãn những đòi hỏi nhất thời khi hẳn xa gia đình. Do đó cuối cùng chị đã từ chối. Tuy vậy chị vẫn cảm thấy âm ức trong lòng. Giấc mộng thời xưa chưa thực hiện được. Cho đến khi sang Mỹ thì chị ấy thấy người Mỹ còn đẹp trai và phong nhã hơn người Pháp nhiều. Những âm ức trong lòng sống dậy một cách mãnh liệt. Chỉ tiếc rằng chị đã hơi lớn tuổi rồi. Tuy nhiên người Mỹ không có vấn đề kỳ thị tuổi tác. Anh An lại cứ giữ thói quen như ở VN. Anh ấy cứ làm như một ông tướng trong gia đình, chẳng coi vợ ra cái gì cả. Do đó chị đã cho là sai lầm khi nhận lời lấy anh. Dù đã có nhiều con nhưng chị ấy cho rằng chúng đã khá lớn nên không bị ảnh hưởng nhiều về vấn đề ly dị. Do đó chị đã có quyết định dứt khoát. Dư luận có chê trách thì họ sẽ đổ lỗi cho anh An nhiều hơn. Và lại chị bắt cần dư luận.

An nói : - Chị của em là một người thẳng thắn rất đáng quý. Anh vẫn yêu mến chị ấy như thường. Bởi vì anh nhìn bất cứ người nào thường chỉ thấy những điểm tốt của họ mà thôi. Bởi vì anh đã chia sẻ với chị ấy biết bao nhiêu thăng trầm của cuộc sống. Có lúc thật sung sướng. Cũng có lúc thật là gay go. Nhưng hai đứa vẫn an ủi được nhau, không bao giờ đổ lỗi cho nhau cả. Những mối tình bắt đầu từ hồi cặp sách thật là đẹp vô cùng. Ngày anh đi học tập cải tạo gần 7 năm, chị ấy vẫn lặn lội thăm nuôi anh ở khắp các nhà tù, xứng đáng là người vợ đảm đang và chung thủy, trong khi không thiếu gì những người đàn bà khác đã rơi vào tay bọn cán bộ để tìm sự che chở nơi những kẻ chiến thắng. Em biết không ? Thời thượng cổ, người ta đánh nhau thường vì lý do tranh đoạt đàn bà. Những bộ lạc thất trận thường mất vợ con vào tay những kẻ chiến thắng. Sau này nhân loại văn minh hơn, người ta gây chiến tranh vì nhiều lý do khác, nhưng cái tính chất chiếm đoạt đàn bà vẫn tiềm ẩn đằng sau những cuộc chiến. Lấy một ví dụ trong trận đại chiến vừa qua, Nhật Bản đã bại trận. Cả nước Nhật lâm vào cảnh tuyệt vọng, đồ nát, đói khát.

Các sĩ quan Nhật xưa kia kiêu dũng biết bao, nay phải học một bài học nhẩn nhục hết sức đáng thương. Còn những người đàn bà Nhật, họ cũng biết rằng khó tránh khỏi việc phải phục vụ những kẻ chiến thắng. Một số đông phụ nữ đã kết hôn với những quân nhân Mỹ. Chính phủ Nhật rất khôn khéo, đã lợi dụng ngay vấn đề này để thu góp tiền đô la của lính Mỹ rất cần thiết cho sự phát triển kinh tế quốc gia. Lợi dụng chiến tranh Triều Tiên vào năm 1950, số quân nhân Mỹ đóng ở Nhật rất đông và được góp sức của những người đàn bà đầy lòng yêu nước, chính phủ Nhật đã thu được 2 tỷ đô la là số vốn đầu tiên của họ. Chỉ với 2 tỷ đô la đó, họ đã phát triển kinh tế một cách nhanh chóng lạ lùng và chỉ 20 năm sau, họ đã đánh bại cả Mỹ quốc trong trận chiến tranh thương mại. Thật là đáng phục.

An ngừng lại. Chàng cho thêm trà và đổ thêm nước sôi vào cái ấm nhỏ. Sẵn đà tâm sự, An kể tiếp : - Em biết không ? Con tàu của anh ra khơi với gần 200 người. Ông thuyền trưởng không có một kế hoạch nào đối phó nếu gặp bọn cướp biển thì sao ? Cái khí giới cuối cùng của con người chỉ là quỳ lạy, van xin, khóc lóc. Nhưng cái khí giới đó chẳng bao giờ có hiệu quả gì cả. Bọn cướp hết sức tàn bạo. Chúng la hét quát tháo. Chúng lục lọi khắp nơi. Chúng xâm phạm tiết hạnh phụ nữ một cách công khai. Một cô gái bị chúng lôi ra. Cô ta chống lại chúng chỉ vì phản ứng tự vệ tự nhiên của người trinh nữ. Thế là chúng bắn ngay một phát vào đầu, máu bắn ra tung tóe cả vào những người chung quanh. Chúng quát tháo xác người con gái bất hạnh xuống biển. Cả tàu la khóc như ri. Chúng quát tháo bắt phải im lặng rồi lần lượt bắt giữ từng phụ nữ, lôi sang tàu của chúng. Tội nghiệp đứa con gái lớn của anh, mắt đỏ hoe, mặt mày xanh ngắt, bị bọn cướp lôi đi, nó vừa khóc vừa gọi : "Chúa ơi". Anh không bao giờ quên được hình ảnh đó. Chỉ có chị Mộng Hoa là can đảm. Chị ấy thản nhiên đi theo tên cướp biển sang tàu của chúng, không cầu Chúa, không nói một lời nào. Mấy tiếng đồng hồ sau, khi bọn cướp đã thỏa mãn thú tính, cả một tàu than khóc sục sùi, chị ấy vẫn thản nhiên. Chị ấy chỉ đề cập tới vấn đề này có một lần duy nhất và tuyên bố vắn tắt : "Minh vẫn mong đi Mỹ từ lâu, và đây là cái giá phải trả, kể ra cũng không đắt lắm".

Sang tới Mỹ, đứa con gái như bị khủng hoảng, phải nhờ bác sĩ tâm lý săn sóc một thời gian. May có người dạm hỏi, cũng là người VN có công ăn việc làm vững chắc, có tư cách nên anh đồng ý gả ngay. Hiện nó sống hạnh phúc với chồng ở tiểu bang Colorado. Còn chị Mộng Hoa, chị ấy như trẻ lại, tung tăng như một đứa trẻ con. Chị ấy đi chơi khắp nơi, có rất nhiều bạn bè người Mỹ. Chị ấy thường nấu một nồi thịt kho để bố con anh ăn được một tuần lễ để chị ấy có nhiều thì giờ đi chơi với bạn. Có lần anh rủ chị ấy đi coi triển lãm văn hóa VN, chị ấy từ chối và tuyên bố : "Văn hóa VN thì có gì mà phải triển lãm !" Ngày chị ấy bỏ anh ra đi là ngày anh có thể tiên đoán được. Minh nói với An:

-Bọn cướp biển Thái Lan thật là khốn nạn nhưng anh cứ yên chí. Em đã đi Thái Lan nhiều lần. Chúng hãm hiếp vợ con mình thì mình cũng hãm hiếp vợ con chúng chứ sợ gì. Kỳ này anh sẽ đi với em. An chưa hiểu Minh định nói gì.

*

• *

Chiếc phi cơ Boeing 747 đáp xuống phi trường Bangkok vào một chiều mùa hè. Một chiếc xe hơi sang trọng với tài xế chờ đón hai người ngay tại phi trường. Minh nói bằng tiếng Quảng Đông với người tài xế. Chiếc xe đưa An và Minh về một căn nhà nhỏ nhưng sang trọng ở một khu phố vắng. Căn nhà là do cha mẹ của Minh dành sẵn cho hai người. Ông ta là chủ nhân một công ty thương mại liên quốc gia có các cơ sở làm ăn ở khắp các

thủ đô Đông Nam Á. Nhà có hai phòng ngủ cạnh nhau, một phòng khách và một phòng ăn bày biện đẹp mắt. Đêm hôm đó An ngủ một mình trong căn phòng có máy điều hòa không khí chạy nhẹ nhàng. Minh ở phòng bên cạnh. Hai người trù tính sẽ ở Thái Lan một tháng. Ngày hôm sau Minh sai tài xế đưa An đi coi những danh lam thắng cảnh của thủ đô Bangkok. An rất thích thú. Chàng bỏ ra hai ngày nữa để đi thăm hết các di tích lịch sử và văn hóa của dân tộc Thái, rồi sẽ thăm các tỉnh khác và các vùng quê. Minh vắng mặt trong hai ngày này. Tối ngày thứ ba về nhà. An thấy Minh dẫn về nhà hai người con gái rất trẻ, chỉ độ 18, 19 tuổi. Minh giới thiệu : - Đây là Siêng Chang, nhà em. Tụi này mới làm đám cưới tối hôm qua ! Còn đây là Siêng Mai, chị của nàng. Nếu anh không chê là xấu xí thì Siêng Mai sẽ là người bạn, người vợ, người hướng dẫn của anh trong suốt thời gian anh ở Thái. Siêng Mai nói khá tiếng Việt vì nàng sinh trưởng ở miền đông bắc Thái nơi có nhiều người Việt sinh sống. Anh có thể nhờ nàng bất cứ điều gì. Minh nói có vẻ thản nhiên, nhưng hăn dùng chữ người vợ làm An hơi ngạc nhiên và lúng túng. Siêng Mai cúi chào chàng. An nhìn kỹ Siêng Mai, nàng còn quá trẻ. Nàng có nước da đen dòn, mắt sâu và sống mũi dọc dừa thật thẳng. Nàng mặc một chiếc áo ngắn tay, một chiếc váy màu xanh lá cây tươi mát với thắt lưng bằng một dải lụa màu đỏ bó sát làm nổi bật đôi vú tròn trĩnh dưới lớp áo mỏng. Trông nàng có vẻ hơi quê mùa và vụng về để lộ sự ngây thơ trong trắng của người con gái chưa biết thế nào là hương vị của cuộc đời. Bốn người vào trong phòng khách. An thấy Minh đem vào một chai rượu Cointreau. Hăn đi lấy đá rồi đổ rượu vào bốn cái ly. Siêng Mai và Siêng Chang từ chối uống rượu. Minh không ép họ nhưng hăn uống liên miên không biết say là gì. Hăn đưa Siêng Chang vào phòng và chỉ cho Siêng Mai phòng của An, sau đó ra uống thêm rượu, nói chuyện với An. Hai người con gái có vẻ mệt mỏi có lẽ sau một chuyến hành trình dài nên có chỗ nghỉ ngơi tiện nghi là họ nghỉ liền. Minh uống thêm rượu khề khà nói :

Em đã dàn xếp mọi chuyện. Ở Thái Lan này muốn cưới vợ thật là dễ dàng. Người Thái thật nghèo nàn và họ coi con gái họ như một cái vốn của gia đình. Chỉ cần 400 đô la, anh có thể cưới được một người vợ còn trinh trắng. Có những cơ quan chuyên lo về những dịch vụ môi giới. Chỉ cần cho họ 100 đô la tiền huê hồng là họ lo cho tất cả mọi chuyện. Sau đó nếu anh về Mỹ, người con gái lại trở về sinh sống một trong gia đình như chưa có chuyện gì cả. Tuy nhiên anh phải dầy dổ Siêng Mai cẩn thận cũng như em đã dầy dổ Siêng Chang một cách thích thú. Các nàng chẳng biết gì cả đâu. Dân tộc chúng ta đã bị biết bao nhiêu cường quyền dầy xéo. Đây là lúc phải trả thù dân tộc.

Minh cười một cách khả ố. An không nói gì. Minh đang say nên An cũng không muốn nói gì với hăn dù An biết hăn có thù gì đâu mà phải trả. Trả cho dân tộc nào ? Những người dân quê nghèo khổ này đâu có liên hệ gì với những tên cướp biển.

Đến khuya khi An vào phòng thì Siêng Mai đã ngủ. Giấc ngủ trẻ thơ và hồn nhiên. Nàng nằm co quắp như một con tôm. An rón rén tới nằm bên cạnh nàng, nhẹ kéo tấm mền đắp lên người nàng. Chàng không muốn phá giấc ngủ của nàng. Nàng hơi cự quạ nhưng lại ngủ được ngay. Hơi rượu bốc lên làm chàng cũng có vẻ hơi say và chàng cũng thiếp đi lúc nào không biết.

Sáng hôm sau An rủ Siêng Mai đi xuống phố để mua sắm. Chàng đưa cho nàng một ít tiền để nàng tùy tiện muốn mua gì thì mua. Nàng rất thích thú đi theo chàng vì ở miền quê, lại nhà nghèo nên phải làm lụng vất vả, ít có dịp ra thành phố.

Thành phố Bangkok tuy khá rộng và sạch sẽ nhưng có rất nhiều người ăn xin. Các cửa tiệm ở các khu phố sang trọng bán đầy đủ các đồ đắt giá, các hàng ngoại hóa, nhưng

hầu hết chủ nhân các cửa tiệm đó là những người Thái gốc Hoa. Người Thái chánh gốc thì thường tập trung đông đảo ở các khu phố nghèo nàn hơn với các căn nhà lụp xụp, với cổng rãnh lênh láng. Ngoài ra một số người Thái buôn thúng bán bưng trên những con thuyền nhỏ chạy trên những sông rạch chằng chịt. Con thuyền vừa là phương tiện di chuyển, vừa là công cụ trao đổi hàng hóa vừa là nhà của họ. Con sông vừa là nguồn nước để nấu cơm ăn, vừa để tắm rửa giặt rũ vừa là chỗ để phóng uế bừa bãi nên vấn đề vệ sinh rất kém. An đưa Siêng Mai ra ngoài thành phố. Không khí thật thoải mái mát dịu. Những cánh đồng bát ngát đang mùa lúa trở bông. Siêng Mai có cha là nông dân nên cả đời chỉ biết những thửa ruộng quanh nhà. Nàng cho biết tất cả những người nông dân Thái đều là con nợ của những người Hoa, không bao giờ có thể trả hết nợ được dù có làm việc tới mười mấy giờ mỗi ngày. Bởi vì khi lúa còn xanh, người Hoa đã đến đặt cọc sẵn với giá rẻ để đến khi lúa chín thì họ sẽ thu hoạch giùm. Các nhà máy xay lúa đều thuộc chủ nhân người Hoa. Người Thái biết rằng họ bị bóc lột, nhưng vì quá nghèo nàn, lúc nào cũng cần tiền nên phải bán lúa từ lúc còn non, hết mùa này đến mùa khác không bao giờ có được đồng ra đồng vào. Những lúc quá túng quẫn và đau ốm, người dân nhiều khi phải gán vợ đợ con cho những kẻ có tiền để thoát cơn ngặt nghèo. Thật là một thảm cảnh đốn đau. An biết có lẽ Siêng Mai cũng ở trong trường hợp này và chàng thấy một niềm thương cảm dâng lên trong lòng.

Buổi tối chàng đưa Siêng Mai đi ăn ở một tiệm sang trọng ở giữa thành phố Bangkok. Siêng Mai có lẽ lần đầu tiên được đi ăn tiệm với những món ăn thịnh soạn nên rất thích thú. An nhìn vẻ hồn nhiên ăn uống của nàng, càng cảm thấy thương nàng hơn. Bangkok về đêm cũng rất là nhộn nhịp : đèn điện sáng choang với những hộp đêm, những vũ trường, những ổ điểm nhiều vô số kể. Số những người con gái nghèo khổ phải làm nghề đứng đường cũng thật đông. Nhiều cô hăm hiu, đứng mấy tiếng đồng hồ không tìm được một "thân chủ " nào. Kỹ nghệ buôn bán xác thịt cũng được những chủ nhân người Hoa khai thác triệt để và dùng đủ mọi cách để thủ lợi. An đã đọc báo và được biết Thái Lan có tới hơn một triệu người bị bệnh AIDS. Chính phủ và bộ Y Tế cũng đành bó tay, Thực ra những người lãnh đạo chính quyền cũng hoàn toàn nằm trong tay những người Hoa. Bằng thủ đoạn mua chuộc hối lộ bằng tiền, bằng gái, những người Hoa đã hoàn toàn thao túng chính quyền xứ này. Những nhà lãnh đạo không bao giờ nhìn thấy cảnh dân chúng khổ đau, chỉ nghĩ đến chuyện vinh thân phì gia, phè phỡn hưởng thụ nên đành nhắm mắt buông xuôi. Thịnh thoàng có một nhà lãnh đạo thật sự yêu nước, muốn làm một cuộc cách mạng xã hội thì bị bọn tài phiệt người Hoa mua chuộc các chính trị gia tay sai lật đổ một cách dễ dàng.

Đêm hôm đó An và Siêng Mai về nhà thật trễ. Minh và Siêng Chang đã đi ngủ từ lâu. Siêng Mai cũng khá mỏi mệt nên vừa nằm xuống được một chút nàng đã ngủ được một cách dễ dàng. Chiếc đèn lồng mờ ở đầu giường tỏa ánh sáng êm dịu trong phòng. Tiếng rì rào của chiếc máy lạnh nghe như tiếng gió thoàng nhẹ trên những rặng cây. An chưa buồn ngủ. Chàng pha một ly cà phê rồi ngồi trầm ngâm trên một chiếc ghế gần cửa sổ trông ra vườn cây phía sau nhà. Cảnh vật êm dịu thật nhưng sao lòng chàng cảm thấy một nỗi u hoài. Chàng ôn lại những kỷ niệm từ thời thơ ấu chàng cũng đã từng sống ở một miền quê êm đềm nhưng cũng nghèo nàn không kém gì miền quê xứ Thái. Những người nông dân vẫn là những người thiệt thòi nhất trong xã hội. Chàng mơ ước một ngày nào cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật sẽ giúp người nông dân chân lấm tay bùn thoát khỏi những vất vả khổ đau giống như những người làm ruộng ở Mỹ, ở Nhật. Nhưng điều

cần nhất là phải loại bỏ được những âm mưu trục lợi trên những khổ đau của những người dân quê ít học và chất phác. Nước Thái Lan có cái may mắn là nằm giữa vùng ảnh hưởng của Pháp ở Đông Dương và của Anh ở Mã Lai, Miến Điện, An Độ. Trong thế kỷ trước, khi thực dân Âu châu đi chinh phục các quốc gia ở châu Á, châu Phi và châu Mỹ la tinh để nô lệ hóa các dân tộc nhược tiểu, vơ vét các tài nguyên thiên nhiên, Pháp và Anh đã đồng ý dùng Thái Lan làm vùng trái độn để tránh những đụng độ trong cuộc chinh phục. Do đó Thái Lan vẫn giữ được nền độc lập và tự chủ. Thế nhưng thay vì phát huy cái may mắn đó để đưa dân tộc tới chỗ hùng cường, các nhà lãnh đạo quân chủ Thái Lan đã đưa cả dân tộc Thái vào một ách nô lệ một cách tinh vi hơn, tàn nhẫn hơn. Trong suốt mấy thế kỷ, đến tận ngày nay, toàn thể dân chúng Thái chỉ là những tên nô lệ làm việc quần quật để làm giàu cho những chủ nhân thật sự của đất nước Thái, đó là những Hoa kiều. Bọn này chỉ có độ mấy trăm ngàn người nhưng chúng nắm toàn bộ nền kinh tế Thái. Chúng có thể lật đổ bất cứ chính quyền nào, kể cả nhà vua. Nhưng chúng củng cố quyền lực nhà vua một cách vững chắc và dùng vương quyền như một công cụ để thi hành những chính sách có lợi cho chúng. Chúng nguy hiểm hơn những người Do Thái ở Âu châu trong những thế kỷ trước vì chúng có hậu thuẫn mạnh mẽ từ chính quốc. Các nước Á châu lại chia rẽ nhau nên biến thành những miếng mồi ngon cho chúng. Chỉ có Nhật Bản và Đại Hàn là thoát khỏi chính sách chinh phục thâm độc của bọn chúng. Không có tên Hoa kiều nào dám tính chuyện sang Nhật hoặc Đại Hàn để làm giàu. Còn các quốc gia khác như Thái Lan, Mã Lai, Miến Điện, Nam Dương, Phi Luật Tân đều là nơi chúng thao túng một cách tự do. Ngay như miền Nam VN trước kia, chỉ có mấy trăm ngàn Hoa kiều ở Chợ Lớn nhưng chúng cũng thao túng hoàn toàn nền kinh tế miền Nam. Chúng lợi dụng cả chiến tranh, cả xương máu người VN để làm giàu. Nhiều tên tới VN chỉ với chiếc nón rách, một quang gánh với những đồ đạc vô giá trị, chân đi đất. Thế mà chỉ mấy năm sau, nhờ đoàn kết, chúng chễm chệ trở thành những ông đại chủ bụng phệ với những kẻ hầu người hạ người bản xứ. Thịnh thoảng tốc độ làm giàu có chậm lại đôi chút. Chúng cho là sui xẻo. Chúng xả sui bằng cách phá hoại trình tiết một người con gái.

Mấy tháng trước đây chàng có gặp một nữ sinh viên người Mỹ tên là Carmelia. Nàng Carmelia tươi trẻ đến nhờ chàng giảng nghĩa một vài thành ngữ tiếng Việt hơi khó đối với cô ta. Carmelia học tiếng Việt vì nàng đang làm luận án tiến sĩ nhân chủng học, đề tài nghiên cứu về Việt Nam. Carmelia đi nghiên cứu tại VN nhiều tháng. Khi trở về nàng nói một câu làm An suy nghĩ mãi. Cô ta nói rằng cô tới VN được tiếp đãi rất tử tế làm cô ngạc nhiên. Cô tưởng người VN phải ghét người Mỹ lắm mới phải. Nếu cô là người VN cô cũng sẽ rất ghét người Mỹ. Vì người Mỹ đã tới VN với thuốc khai quang tiêu diệt rừng rú, phá hoại môi sinh trong cuộc chiến tranh tàn hại nhất. Họ đã giết người kể cả đàn bà, con nít một cách dã man như vụ Mỹ Lai. Họ đã ném xuống VN một số bom đạn gấp đôi tổng số bom đạn của tổng số các nước tham gia trong trận thế chiến thứ hai. Thế mà cô không thấy người VN nào có sự thù ghét người Mỹ cả, kể cả những cán bộ Cộng Sản. những quân nhân đã từng chiến đấu gian khổ. Họ còn hết lòng mong muốn người Mỹ trở lại Việt Nam. Nghiên cứu thêm về lịch sử VN, cô được biết rằng người Tàu đã đô hộ VN hơn 1000 năm, bắt người Việt Nam phải làm nô lệ cho họ; nào là phải lặn xuống biển mò ngọc trai, lên rừng kiếm sừng tê giác rất là khổ sở. Ngay cả thời gian gần đây, những Hoa kiều cũng bắt người VN phải làm nô lệ kinh tế cho họ, coi vợ con họ như những đồ chơi của chúng. Thế nhưng không có người VN nào thù ghét hoặc kỳ thị người Tàu cả. Người Pháp cai trị Việt Nam gần 100 năm, bóc lột đến tận xương tủy, đối xử hết sức khắc nghiệt, giết người

tàn bạo như thời trung cổ, tìm cách tiêu diệt cả nền văn hóa và đạo lý cổ truyền của VN, thế mà người VN cũng không thù ghét người Pháp.

- Mới đầu tôi tưởng người Việt Nam là một dân tộc rất dễ tha thứ, cô ta nói. Nhưng ở VN lâu và tiếp xúc với nhiều cộng đồng Việt Nam ở hải ngoại tôi mới thấy là không đúng. Sở dĩ người Việt Nam không thù ghét người Tàu, người Pháp, người Mỹ chỉ vì họ đặt cái "ngã" của họ thấp hơn người Tàu, người Pháp và người Mỹ. Cũng như khi ta đặt cái "ngã" của ta của ta thấp hơn cha ta (hay cấp chỉ huy của ta) thì cha ta có mắng mỏ ta vài câu hoặc đánh đòn ta, ta cũng không bao giờ thù ghét cha ta cả. Nhưng khi ta đặt cái "ngã" của ta cao hơn con ta (hay những người dưới quyền ta) thì khi con ta chỉ hơi xất láo một chút, có khi chỉ vì vô tình, nhưng ta lại rất dễ nổi giận, có khi cho nó một bạt tai không chùng. Do đó vấn đề cái "ngã" rất quan trọng. Người Việt Nam đã bị thực dân Pháp đánh vào mặt này trong lúc chúng cai trị, tạo nên một mặc cảm Việt Nam, làm cho người Việt Nam bị tự ti mặc cảm. Chính cái mặc cảm này đã làm cho nước Việt Nam không khá được đến tận ngày nay. Muốn xây dựng đất nước, người Việt Nam cần nhất là phải xây dựng văn hóa, phải xóa bỏ cái tự ti đó, phải xiển dương niềm tự hào dân tộc và phải học kỹ lịch sử oai hùng của tổ tiên. Bởi vì hiện nay người Việt Nam rất dễ tha thứ cho người Tàu, người Pháp, người Mỹ nhưng họ lại rất khó tha thứ cho nhau. Giữa người Việt Nam với nhau nhưng chỉ khác nhau một chút về địa vị, xấu đẹp, giàu nghèo, tôn giáo, chính kiến là họ ăn thua đủ với nhau, ganh ghét nhau hết sức kinh khủng. Họ dùng đủ mọi phương tiện có khi thấp hèn để hạ nhau. Cộng đồng Việt Nam là một cộng đồng rách nát nhất ở nước Mỹ này. Và cái mặc cảm Việt Nam còn đó thì chắc chắn sẽ còn những kẻ âm mưu cướp nước Việt Nam dưới những hình thức tinh vi, không dùng quân sự, mà người Việt Nam không thấy được; khác hẳn trường hợp nước Nhật Bản. Hình như không có kẻ nào nghĩ đến việc cướp nước Nhật, nô lệ hóa dân tộc Nhật dù dưới các hình thức chính trị, văn hóa, kinh tế, tôn giáo hoặc ý thức hệ vì người dân Nhật được giáo dục rất kỹ về vấn đề này ngay từ khi còn là một học sinh trung học.

Có tiếng lịch kịch ở phòng bên cạnh và ánh đèn chiếu qua khe hở sát mặt đất của bức tường ngăn đôi hai phòng. Có lẽ Minh và Siêng Chang đã thức giấc. An có thể đoán được họ đang làm gì. Minh còn trẻ, chưa lấy vợ chính thức, sức lực dồi dào, tiền bạc dư thừa. Hẳn đã đi Thái Lan nhiều lần nên rất sành về các món ăn chơi tại thủ đô tội lỗi này. An cố xua đuổi những hình ảnh diễn ra trong đầu. Trên giường, dưới ánh đèn mờ Siêng Mai vẫn ngủ một cách ngây thơ. Người con gái này chắc chắn cũng phải có những ước mơ về một tình yêu lý tưởng của tuổi thanh xuân. Chàng không thể phá hoại những ước mơ đó được. An nhìn nàng mà cảm thấy xót xa. Tương lai nàng sẽ ra sao? Chàng cảm thấy một tình thương dâng lên ở trong lòng. Chàng có cơ hội để trở thành một tên cướp biển. Nhưng không thể như vậy được. Dùng cường lực để cưỡng bức những người con gái như bọn cướp biển đã làm thật là tàn bạo. Nhưng dùng tiền bạc hoặc những lời dụ dỗ ngon ngọt để đạt cùng mục tiêu thì cũng chẳng khác là bao. Chàng không thể làm như vậy được. Vì làm như vậy thì chàng cũng chính là một tên cướp biển, một tên cướp biển ngọt ngào. Minh chính là một tên cướp biển ngọt ngào. Số những tên cướp này nhiều vô kể. Chúng rải rác ở khắp các quốc gia Đông Nam Á.

Đêm đã khuya. Ly cà phê chưa cạn. An lên giường đi ngủ. Chàng cố gắng nhẹ nhàng để khỏi phá giấc ngủ của Siêng Mai. Siêng Mai tựa quây, đầu gục vào ngực chàng như tìm một sự che chở. An cảm thấy như đang ôm đứa con gái út trong lòng với tình cha con nồng ấm và nghiêm nghị. Chàng đã quyết định rồi. Chàng đã từng khổ đau. Chàng không

muốn nhìn thấy những khổ đau thêm nữa. Siêng Mai chưa biết ý định của chàng ra sao. Nàng cảm thấy nhớ nhà, nhớ mẹ, nhớ các em dù mới xa nhà chưa tới một tuần. Nàng ngồi dậy, dựa lưng vào chiếc gối ở đầu giường. An hỏi :

- Sao không tiếp tục ngủ đi. Trời mới vào khuya, còn lâu mới sáng. Để anh vặn nhỏ máy lạnh lại cho đỡ lạnh nhé!

Siêng Mai nói :

- Em cảm thấy nhớ nhà quá. Em nhớ lại lúc ra đi, trước khi theo người Hoa kiều lên chiếc xe hơi màu đen, má em nắm chặt tay em nói trong nước mắt : "Nhà mình nghèo lắm con ạ. Con đi, cố gắng nhé. Dù có gặp hoàn cảnh nào cũng cố gắng nhẫn nhục. Rồi một tháng sau con lại về với mẹ nhé".

An cảm thấy xúc động. Chàng trở dậy, uống cạn ly cà phê rồi nói với nàng :

- Ngày mai anh sẽ đưa em về nhà.

Siêng Mai ngạc nhiên hỏi :

- Về nhà? Thiệt sao anh? Có trở lại đây nữa không? Sao anh nói sẽ ở đây một tháng mà ?

- Anh đã đổi ý kiến. Em sẽ ở nhà, không bao giờ trở lại đây nữa và cũng không bao giờ phải đi theo chiếc xe hơi màu đen nào nữa!

Chàng mở tủ áo coi lại xem còn bao nhiêu tiền. Còn khoảng 5000 đô la. Chàng nghĩ rằng nếu Siêng Mai có được 3000 đô la để giúp gia đình trong cảnh túng quẫn, chắc nàng sẽ không phải đi theo một tên cướp biển ngọt ngào nào nữa. Nàng sẽ có một tương lai khá hơn.

Chàng đếm đủ 3000 đô la trao cho Siêng Mai và nói :

- Em cầm số tiền này về giúp má. Hãy cố gắng dè sẻn và dùng tiền như một cái vốn để sinh lợi mới có thể dùng được lâu dài.

Siêng Mai ngạc nhiên hết sức. Chỉ mấy ngày, trước khi ra khỏi nhà nàng tưởng rằng sẽ gặp nhiều nghịch cảnh. Nhưng nay thì người đàn ông này rõ ràng không đối xử tàn bạo với nàng. Mấy ngày đi chơi ở thủ đô Bangkok chàng đã đối xử dịu dàng biết bao. Và đêm nay nhìn vào mắt chàng nàng thấy rõ sự bao dung thương xót. Siêng Mai nói nhỏ :

- Ngày mai về nhà. Thế sau này anh có gặp lại em nữa không ?

An hơi lúng túng :

- Hiện giờ chưa biết được. Nhưng anh sẽ cho em địa chỉ nhà anh ở Mỹ. Nhà anh ở Phố Cây Thông. Và khi nào em lấy chồng, nhớ gửi cho anh một tấm hình. Anh muốn được nhìn thấy em sung sướng hạnh phúc.

Số tiền 3000 đô la là quá lớn với nàng. Nàng chưa bao giờ nghĩ rằng có thể cầm trong tay một số tiền lớn như vậy. Thật là một giấc mơ. Nàng phác họa một giấc mơ nữa trong đầu : các em nàng chắc sẽ thích lắm. Chúng sẽ có một vài đồ chơi dù rẻ tiền thôi nhưng chúng đã ao ước từ lâu rồi. Mẹ nàng sẽ không còn phải lo bữa đói bữa no nữa. Và thích nhất là nàng sẽ mua một cái thuyền, một chiếc thuyền chèo trái cây để nàng mang đi bán ở các tỉnh chung quanh, các tỉnh dọc theo các sông rạch ở gần quê nàng. Và má bỗng ửng đỏ lên khi nàng nghĩ tới Sri-Lam. Ôi Sri-Lam, anh chèo thuyền thật giỏi. Có hai người chắc sẽ chở được nhiều trái cây hơn. Nhưng nàng bỗng cảm thấy một sự sợ hãi. Ở trong làng thỉnh thoảng cũng có một người con gái ra đi khoảng hơn một tháng lại trở về. Người ta dị nghị chút ít về người con gái đó. Không biết Sri-Lam có nghi ngờ gì nàng không ? Nhưng không sao, mặc cho anh ấy nghi ngờ, không sao cả, vì đến ngày cưới nàng sẽ hãnh diện trao cho chàng tất cả sự trinh trắng của người con gái. Chắc anh ấy sẽ ngạc nhiên và thích thú lắm.

Sáng hôm sau Minh dậy rất trễ. An và Siêng Mai đã ra khỏi nhà. Trên bàn phòng khách, Minh thấy có một tờ giấy nhỏ của An để lại :

Chú Minh,

Anh đưa Siêng Mai về nhà. Anh đã quyết định dành những ngày nghỉ còn lại để thăm Nhật Bản một chuyến. Khi nào về tới Mỹ, anh sẽ gọi điện thoại cho em hay.

Thân ái,

Anh

An

An viết như vậy nhưng khi lên máy bay đi Tokyo chàng lại quyết định khi về Mỹ chàng sẽ không gọi điện thoại cho Minh nữa.

Nguyễn Thanh

Giản 12-94

* * *

LƯỢM LẶT ĐÓ ĐÂY

Đàm Túc

XUNG ĐỘT VĂN HÓA

Từ khi có những tuồng như Law and Order, NYPD Blues chiếu trên T.V. Pháp, thì Cảnh Sát Pháp gặp nhiều khó khăn. Theo luật Pháp, cảnh sát xét nhà người ta, không cần lệnh quan tòa. Nhưng ngày nay, dân chúng, những người đã xem các tuồng trên ở truyền hình đều đòi cảnh sát Pháp phải đưa ra lệnh của quan tòa!

ĐẦU TƯ CHO KIẾP SAU

Có một "nhà băng" ở Luxembourg tên là Prometh Société mở trương mục có tên là "Reincarnation Account" dành riêng cho các người cự phú muốn để dành vốn cho kiếp sau, để ở kiếp sau khỏi phải bắt đầu từ tay trắng. Vốn để cho kiếp sau tối thiểu phải là ba chục ngàn đô la tính ra tiền Mỹ. Trả tiền muộn nhất là hai mươi ba năm sau khi người có trương mục qua đời. Người kiếp sau phải biết một số dữ kiện cá nhân của kiếp trước.

KÉO CỜ MỸ TẠI TÒA NHÀ QUỐC HỘI

Ở quốc Hội Hoa Kỳ có một văn phòng gọi là Flag Office với ngân quỹ hơn ba trăm ngàn cho năm 1997 để trả lương cho nhân viên chuyên việc kéo quốc kỳ ở tòa nhà Quốc Hội. Mỗi lá cờ được tung bay chưa tới một phút. Cờ hạ xuống sẽ được gấp cẩn thận cùng với giấy chứng nhận "cờ đã được tung bay ở điện Capitol ngày... tháng... năm..." có nhiều cỡ, nhiều hạng. Giá rẻ nhất: cỡ 3 ft x 5 ft bằng nylon, giá có 10\$40 kể cả tiền công kéo cờ, chưa kể thuế cùng cước phí và công gói. Cờ đắt nhất: 8 ft x 12 ft, bằng vải: 70\$30 kể cả công kéo cờ. Ngày Độc Lập 1976, có tất cả 10471 lá cờ được kéo lên, hạ xuống ở bảy cột cờ tại quốc Hội từ 0 giờ đến 24 giờ, hơn bảy lá cờ cho mỗi phút. Thiên hạ mua ào ào.

* * *

NẾU...

Nếu em là công nương

Anh sẽ là hoàng tử

Nếu em là thiên cung ngọc nữ

Anh sẽ là thiên tử tiên đồng.

Nếu em là phím dương cầm

Anh sẽ là muôn nốt nhạc

Nếu em là nghiên thủy mặc

Anh sẽ là giấy hoa tiên.

Nếu em là Giáng Kiều

Anh sẽ là Tú Uyên

Nếu em là em

Anh sẽ là anh.

Nếu em là trắng thanh

Anh sẽ là gió mát

Nếu em là nai vàng ngơ ngác

*Anh sẽ là rừng lá mùa thu.
Nếu em là Chủ Nhật sang mùa
Anh sẽ là Sài Gòn hanh nắng
Nếu em là cỏ cây tươi sáng
Anh sẽ là hoa lá thơm hương.
Nếu em là Hân Tố Tố
Anh sẽ là Trương Thúy Sơn
Nếu em là em
Anh sẽ là anh.
Nếu em là Cléopâtre
Anh sẽ là Marc Antoine
Nếu em là Joséphine
Anh sẽ là Nã Phá Luân.
Nếu em là vị mút sen
Anh sẽ là hương trà cúc
Nếu em là bình Cảnh Đức
Anh sẽ là rượu Mao Đài.
Nếu em là giấc mơ dài
Anh sẽ là giường nệm trắng
Nếu em là áo vạt bầu tươi tắn
Anh sẽ là quần jean xanh.
Nếu em là mây mong manh
Anh sẽ là trời thiên thanh
Nếu em là em
Anh sẽ là anh.
Nếu em là Hồ Than Thở
Anh sẽ là Rừng Ái Ân
Nếu em là Đường Tao Ngộ
Anh sẽ là Mũi Nghinh Phong.
Nếu em là Bãi Thùy Vân
Anh sẽ là tàu mắc cạn
Nếu em là dải cát vàng thơm mịn
Anh sẽ là ngàn lớp sóng xô nhau.
Nếu em là một chiều mưa mau
Anh sẽ là hiên che bên bờ lộ
Nếu em là một sớm mai bão tố
Anh sẽ là làn chăn ấm đắp trên thân.
Nếu em là trời se lạnh mùa Xuân
Anh sẽ là chiếc áo gió
Nếu em là hàng me đường phố
Anh sẽ là giọt sương mai.
Nếu em là tóc xõa bờ vai
Anh sẽ là tia nắng xiên tuyệt đẹp
Nếu em là cô gái Sài Gòn ngồi trên xe đạp
Anh sẽ là chàng trai lữ đĩ theo sau.*

*Nếu em là đĩa trầu cau
Anh sẽ là phong thiệp mới
Nếu em là... cô dâu trong ngày đám cưới
Anh sẽ là... chú rể mở cửa xe hoa!*

Kim Vũ

NHỚ HAY QUÊN

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG

*Lãng đãng đường về Hà Nội xưa,
Danh lam thắng cảnh trải vắn thơ,
Sông Hồng cuộn cuộn dòng danh sử,
Yên Phụ buồn vui mấy bến bờ.
Hàng Cót, Hàng than in gót son,
Kẹp tóc đuôi gà chạy lon ton,
Tung tăng áo cánh bông vai nhỏ,
Cặp sách ôm nghiêng cô bé con.
Nữ sinh trung học trường Trưng Vương.
Áo lam, xe đạp qua Hồ Gươm,
Thủy Tạ tân thời mời du khách,
Tháp Rùa cổ kính vọng Lam Sơn.
Hàng Trống, Hàng Khay, tới Tràng Tiền,
Giai nhân, tài tử dạo đôi bên,
Qua vườn Con Cóc sang Cầu Gỗ,
Thê Húc hồng lên đôi má em.
Leng Keng xe điện Cửa Ô vào,
Nhưng lựa tơ khuê các Hàng Đào,
Lộng lẫy Hàng Ngang mẫu son phấn,
Hàng Đường mút kẹo ngọt làm sao!
Quang gánh quẩy về chợ Đồng Xuân,
Tập nập gái quê áo tứ thân,
Yếm trắng, thắt lưng, khăn mỏ quạ,
Giao Chỉ còn mang dấu ngón chân.
Thu Vàng lá rụng ngập lối mơ,
Đông tím sương bay phố hện hò,
Xuân xanh liễu rủ cảnh như ngọc,
Hè đỏ phượng rơi áo học trò.
Rồi một chiều mây bồng bâng khuâng,
Ai đó bên hồ dáng vắn nhân,
Thư sinh bạch diện, thanh tao lắm,
Cô bé nghe hồn mộng lảng lảng...
Người đi gửi lại nỗi niềm riêng,
Một thuở xa xưa truyện thần tiên,
Dĩ vãng còn đây trang tình sử,*

Cố nhân phương ấy nhớ hay quên?

NTND

GIÁC NGỘ

*tặng nhà thơ Nguyễn Chí Thiện
Anh hỏi tôi điều gì tôi muốn nhất ?
Chắc chắn không phải vật chất đê hèn
Cũng không phải điều danh lợi bon chen
Của những kẻ nhỏ nhen và vị kỷ.
Anh hỏi tôi điều gì tôi mong nhất ?
Tôi mong sao tâm trí rất thanh thơi
Để luôn luôn giữ được một nụ cười
Sự thanh thản của người không chấp nhất.
Anh hỏi tôi điều gì tôi sợ nhất ?
Sợ làm sao khi tôi mất hồn thơ
Không nói lên được điều tôi ước mơ
Và xúc cảm của những giờ hạnh phúc.
Anh hỏi tôi điều gì tôi quý nhất ?
Xin thưa ngay : sự thật, và niềm tin
Rằng từ bi hỉ xả vẫn là hơn
Và chân lý sẽ luôn luôn sáng tỏ.*

Vũ Hưng

VÔ CÙNG

*Được thua thì cũng trắng tay
Bon chen lem lấm loay hoay ích gì
Mồ hôi nặng giọt bỏ chi
Mùi dâu pha tóc sần bi ngậm ngùi
Tuồng đời cay đắng ngọt bùi
Càng đua chen lấm càng dầy đắng cay
Tiếc gì một chút đắm say
Tiếc gì tình thoáng gió bay nhạt nhòa
Buông lơ thể sự thoáng qua
Như không tất cả
Ta Bà là không
Trở về nguồn cội mênh mông
Là không là có
Có không vô cùng.*

Phạm Quân Khanh

12/95

SƯƠNG MÙ BUỔI SÁNG

Tạ Tồn

Sáng nay sương mù thật dày. Sương mù phủ kín dòng sông. Sương mù xóa nhòa ngọn đồi bên kia sông. Ngồi tại hàng hiên sau nhà, tôi chỉ còn nhìn thấy vài ngọn cây cao bên bờ sông đang cố vươn lên khỏi biển sương mù trắng như sữa. Bà xã tôi nói: "Hôm nay trời sẽ nắng cao".

Tôi về Brisbane đã được hai tuần. Trên máy bay, tôi đã đọc đi đọc lại mấy cuốn đặc san CVA anh cho. Về đến nhà tôi lại nhận được cuốn đặc san TV của chị tôi gửi qua. Anh chị em bên đây đã chuyền tay nhau đọc say mê mấy cuốn trên. Cám ơn các bạn bên đó đã khơi lối cho chúng tôi trở lại "những ngày xưa thân ái".

Tôi có một bà chị họ thật thân. Chị chỉ lớn hơn tôi một tuổi. Ngày xưa, chị thật đẹp. Chị lại thích thơ, thích nhạc, thích "đàn đúm" với anh em trong nhà. Vừa lên đại học thì chị lấy chồng, rồi theo chồng đi xa. Đã gần ba mươi năm tôi không gặp chị. Đột nhiên, một sáng chủ nhật, chị gọi cho tôi từ một thành phố xa xôi bên kia bờ đại dương. Hai chị em tôi cười thật nhiều. Hai chị em tôi nhắc lại những chuyện ba mươi năm trước như những chuyện xảy ra ngày hôm qua. Đêm đó tôi không ngủ được. Có phải rằng trong mỗi người, những kỷ niệm đẹp đã được khắc sâu vào ký ức bằng những vết dao thật bén. Thời gian chỉ là những lớp bụi mỏng. Thời gian chỉ là những lớp sương mong manh. Chỉ cần một cơn gió thoảng, chỉ cần một chút nắng ấm, những vết khắc tuyệt vời lại hiện ra.

Tôi đã bắt đầu mê đá banh từ bốn mươi năm về trước. Hồi đó trường CVA còn ở ké tại tòa nhà sau trường Trương Vĩnh Ký, sát ngay sân vận động. Ngay từ đệ thất, chúng tôi đã nhận quà sáng, hùn tiền mua banh, lập hội. Sáng nào cả bọn cũng hẹn nhau đi học sớm. Trưa nào cả bọn cũng về nhà trễ. Tôi không có khiếu về "lừa" banh, "sút" banh. Trận nào có tôi chơi là trận đó hội nhà ...không còn manh giáp. Mặc dầu vậy, không ai chịu cho tôi ...từ chức, không ai chịu cho tôi ở thế dự phòng. Lớn lên, chúng tôi mỗi người một ngả, nhưng mỗi lần họp mặt, "đội banh" lại "nổ" như pháo rang. Có kỳ còn chia phe lôi nhau ra sân vận động.

Tôi có một anh bạn ở Sydney. Anh với tôi mỗi người làm một nghề. Anh với tôi, mỗi người một tính. Tuy vậy, mỗi lần ghé Sydney, anh là người đầu tiên tôi liên lạc. Chúng tôi đã học chung với nhau ba năm cuối ở CVA. Có phải ba năm đó đã để lại trong hai đứa chúng tôi một cái gì giống nhau, đã làm hai đứa tôi ..."nói cùng một ngôn ngữ", đã làm hai đứa tôi chỉ cần nhắc một chuyện nhỏ ngày xưa cũng đủ cười cả đêm.

Ngọn đồi bên kia sông sau nhà tôi là một khu rừng hoang, toàn loại gumtree bản xứ. Bà mẹ Thiên Nhiên không phải lúc nào cũng là mẹ hiền. Tôi đã nhìn thấy khu rừng cười đùa trong nắng hồng buổi sáng. Tôi cũng đã nhìn thấy những cành cây vật vã trong cơn bão. Tôi cũng nhìn thấy những dòng nước lũ. Tôi cũng đã nhìn thấy những đám cháy rừng. Có phải những cây lớn đã che chở cho những cây nhỏ nên khu rừng mới tồn tại. Có phải những cây "đến trước" đã chia sẻ nắng ấm cho những cây "đến sau". Tôi đã suy nghĩ nhiều đêm. Bạn bè chúng ta họp lại cũng như những cây trong khu rừng. Có phải rằng "Cho" và "Nhận" đều có giá trị giống nhau trong việc giữ cho khu rừng tồn tại...

Mùa đông bên đây đã gần tàn. Ngày đã bắt đầu dài hơn. Những con chim trắng bên kia sông đã lác đác bay về. Có phải bạn bè ngày xưa bọn mình cũng như những cánh chim, như những giọt nước, như một lần anh đã nói. Những cánh chim trước sau gì cũng bay

về. Những giọt nước trước sau gì cũng chảy về. Có phải tôi đã nhìn thấy những cánh chim bay sát nhau che cả dòng sông. Có phải tôi đã nhìn thấy những giọt nước xô đẩy nhau chảy về biển. Có phải tôi đã nghe thấy những tiếng cười thật to, bên đồng lúa sáng rực một góc rừng...

Sáng nay trời bên đây vẫn còn se se lạnh. Hình như bên anh vẫn đang vào giữa mùa hè. Hình như bên anh vẫn đang chờ những cơn mưa...

Anh có muốn tôi gửi sang cho anh một chút sương mù buổi sáng?

Tạ Tồn

LTS: bài “Buồn vui học đường” đã được đăng trên đặc san Thân Hữu ở Pháp. Tuy nhiên, tác giả có sửa chữa đôi chút, và chúng tôi thấy bài này có giá trị nên quyết định đăng lại để quý vị độc giả thưởng thức cái không khí học đường cách nay năm, sáu thập niên về trước.

Buồn vui học đường

Từ Tri

Tôi bước chân qua ngưỡng cửa trường Chu Văn An vào một buổi sang mùa thu, một mùa thu đẹp đẹp, buồn buồn như bao nhiêu mùa thu trên đất Bắc, với "nắng tháng tám làm râm vỏ bưởi" với lá vàng bắt đầu rơi rụng từ những ngọn cây bàng.

Đối với cậu học sinh "xuất thân" từ trường tiểu học Hàng Kèn (trường Quang Trung) muốn nhập học Chu Văn An phải qua bao nhiêu là cửa ải : tháng sáu thi đậu "Sét ti phi ca" (Certificat d'été des primaires) rồi đến tháng tám lại còn phải thi đậu kỳ thi tuyển vào CVA nữa. Năm đó CVA tuyển vào đệ thất 350 học sinh chia làm bảy lớp 50 người. Vì thứ hạng đậu không được cao, tôi được xếp vào lớp đệ thất 7B5 sau đó lại được xếp xuống 7B7 vì ban giám đốc nhà trường muốn tập trung các học sinh tính học ban cổ điển vào một lớp để giảng dạy cho tiện.

Thế là nét mặt quan trọng, chúng tôi hàng ngày đạp xe tới trường khi đó còn tạm trú tại trường Đồng Khánh. Ai nấy đều có cảm tưởng là đang bước chân vào "thế giới người lớn". Cảm tưởng này lại càng mạnh hơn khi chúng tôi lần đầu tiên biểu tình, bãi khóa, xuống đường phản đối viên Thủ Hiến Nam Việt đã đàn áp học sinh Sài Gòn. Chúng tôi còn mặc đồ tang phục trắng đến trước chùa Quán Sứ để dự lễ truy điệu trò Trần Văn Ôn bị thiệt mạng trong vụ đàn áp này.

Các "em" đệ thất cũng không kém hăng say khi tham gia những hoạt động văn hóa của trường. Hội Tết liên trường tổ chức hàng năm tại Nhà Hát Lớn gieo vào lòng các cậu học trò nhỏ biết bao niềm hứng khởi. Giờ này tôi còn mừng tượng tới cảnh các anh đệ tứ ngâm những vần thơ bất diệt của vở kịch Đêm Liên Hoan:

"Xương tôi đã đắp nên cầu

"Cho đàn con bước lên lầu tự do"

.....
"Đêm liên hoan đầu nhấp nhô như sóng biển ngang tàng

"Ta muốn thét cho vỡ toang lòng ngực"

Rồi hàng tràng pháo tay nổ lên rung chuyển cả hội trường và rung động "tâm hồn tráng sĩ" của đám khán giả trẻ tuổi. Cũng trong buổi trình diễn này một nữ sinh trường Albert Sarraut đóng vai người chị lòng quặn đau trước hình ảnh người em lâm trận bị thương, la lên mấy tiếng thất thanh : "Em ra nhiều máu quá !" Phản ứng bất ngờ của khán giả : phá lên cười ranh mãnh !

Hân hoan không kém : ngày đại hội Thanh niên học sinh Hà Nội. Chúng tôi năm đó đã được lên đệ lục và được phụ trách trình diễn thể dục thể thao theo nhịp một bản hùng ca mà thầy Hoàng, tức nhạc sĩ Hùng Lân soạn ra cho dịp này :

" Đây người Việt Nam nối chí tiên long kiêu hùng

" Một dòng hiên ngang chiến đấu bao phen thành công "

.....
" Bền lòng đồng tâm tranh đấu bên nhau oanh liệt đến cùng "

" Ta đi đất Nam ta đội trời Nam

" Chung sức nhau bảo toàn đất nước..."

Vừa thao diễn vừa ca bài này, tấm lòng yêu dân thương nước như thêm dào dạt trong huyết quản. Trong những lúc trang nghiêm nhất, đại hội vẫn không mất những giây phút khôi hài. Khi các cô Sarraut (lại các cô Sarraut) xoay xoay múa vòng, trong bộ đồng phục trắng, sơ mi ngắn tay bó sát eo, váy ngắn xòe, các cậu choai choai CVA chúng tôi được dịp hứng chí vỗ tay vừa hoan hô các cô lại vừa mượn lời văn Hoàng Đạo la lớn : "Lật trời gió lên, gió nữa lên ! " để cổ vũ.

Đời sống học đường tùy thuộc rất nhiều vào mối liên lạc với các giáo sư. Năm đệ thất thì học trò cậu nào cậu ấy triệt để tôn trọng kỷ luật. Vào lớp chúng tôi im thin thít chăm chú nghe thầy Tá nghiêm nghị giảng toán hay nghe "cụ" Thận điềm đàm giảng Lý Hóa. Một hôm thầy Tá đứng đình

đi vào lớp miệng ngậm tẩu thuốc lá, một thằng bạn ngỗ nghịch buột miệng kêu "hầu ló!". Kết quả : bốn giờ "công xinh". Năm đó chúng tôi cũng được giáo sư Thẩm Oánh, nghiêm khắc không kém, dạy ca bản Chu Văn An của ông :

Chu Văn An, ngàn đời treo gương sáng
Đáng cao hiền xứng danh giống dòng Việt Nam
Tài đức dăng vượt núi sông
Tiếng thơm lừng lẫy khắp khắp trời Á Đông

Năm sau khi chúng tôi lên đệ lục thì CVA được chuyển về trường Đỗ Hữu Vị ở góc đường Quan Thánh và đường cửa Bắc. Đã qua một năm trung học nên các cậu trở nên bạo dạn hơn phá phách đùa dờn nhiều hơn. Và "nạn nhân" của sự thay đổi này chính là các thầy.

Cuộc cách mạng tháng tám 1945 và cuộc chiến tranh Việt Pháp đã xáo trộn xã hội khá nhiều. Tình thầy trò tại học đường tuy vẫn còn nặng tình thần "Quân sư phụ" nhưng cũng đã biến thể khá nhiều, gần gũi hơn và có lẽ vui nhộn hơn. Hơn nữa, vì chiến tranh, nhiều học sinh bị học trễ trong khi các thầy mới lại nhiều người "tuổi trẻ tài cao" nên đôi khi khoảng cách tuổi tác giữa thầy và trò chỉ độ năm sáu tuổi.

Người đứng đầu tiên với các cậu "nhất quý nhì ma thứ ba học trò" này là giáo sư Việt văn T.Đ. luôn luôn bị thằng Mai Anh, một tên đầu sỏ trong lớp pha. Vì thầy "trông cây si" một cô tên là Điềm, Mai Anh bèn viết trong bài luận với đề tài "Kể lại một giấc mơ" rằng : "Chúng tôi đi giữa rừng sâu cùng với cô Điềm và mấy cô nữa; mỗi lần tiếng hùm beo gầm lên, bọn đàn bà con gái sợ hãi lại ôm chầm lấy chúng tôi." Đề trả đũa, thầy đọc đoạn văn này lên cho cả lớp nghe và lợi dụng lúc cả lớp đang rộ lên cười thầy nói vội đôi lời cảnh cáo :
"Tôi không chơi với các anh, đừng có đùa dai với tôi."

Nhưng Mai Anh biết mình đi hơi quá đà, nó xin thầy cho chuộc tội bằng cách viết lại bài theo thể văn biền ngẫu : "Suy ngẫm người xưa, giấc mộng kê vàng, cuộc đời như mộng, chẳng bỏ gian lao." Thầy phục tài quên cả giận.

Cũng năm đó giáo sư toán lại hơi "mát mát". Khi nào học trò trả lời sai là thầy trợn tròn mắt đấm tường thình thình la : "Không biết không được nói ! " Nếu học trò quên đề tên trên bài thi thì thầy gọi lên đứng giữa lớp bắt hét thật lớn : "Tôi không có tên ! ".

Ồn ào nhất là lớp Hán tự. Lợi dụng cụ Tiệp. một nhà mho hiền hậu khả kính, học sinh đùa ào ào. Có lần lại còn dẩu giấy của cụ, khiến cụ dỗi không dậy nữa. Hối hận cả lớp đứng dậy tạ lỗi. Suốt bốn năm một số lớn trong lớp bỏ bê môn học này. Mỗi khi thi lục cá nguyệt lại phải đến gãi đầu gãi tai xin hai bạn Xiêm và Quát cho "cóp". Đề tán dương công đức hai ông bạn hay chữ chúng tôi thường mượn thơ vua Tự Đức :

Văn như "Xiêm", "Quát" vô tiền Hán

Giờ hội họa cũng huyền não không kém, học vẽ thì ít mà nói chuyện thì nhiều. Thầy Dung hiền lành cũng bỏ qua. Chỉ phải cái tội hay vẽ bậy nên ban giám học đã phải quyết định sơn đen các giá vẽ bằng gỗ trong phòng họa.

Vui nhất luôn luôn là các giờ Việt và Pháp văn. Các giáo sư hai môn này thường "chịu chơi" nên trong lớp học luôn luôn thoải mái. Năm đệ ngũ giáo sư Việt văn bị động viên, chúng tôi phải đợi cả tháng cũng không có người thay thế. Bỗng một hôm thầy giám thị đưa vào lớp học một trang thanh niên mặt mũi đen sì, tóc chải bành bồng, cổ đeo cà vạt đủ màu sắc, và giới thiệu : "Đây là giáo sư Việt văn". Cả lớp cười ồ và thằng Mai Anh được dịp nói chọc : "Thưa thầy con gặp thầy ở bờ sông !" Ý muốn nói thầy giống mấy tay anh chị. Nhưng thật ra thầy T. là một giáo sư văn chương rất sáng giá. Khi thầy giảng bài cả lớp chờ người ra nghe thích thú. Nhất là khi thầy giảng "cuộc ái ân của tạo vật" qua văn thơ Xuân Diệu :

"Một tối bầu trời đăm sắc mây

Cây tìm nghiêng xuống cánh hoa gầy

Hoa nghiêng xuống cỏ trong khi cỏ
Ngả xuống làn rêu một tối đây"

Đôi khi nổi hứng thầy "cương ẩu". Thầy tuyên bố rằng : "Thơ Việt Nam cũng có thể alexandrin 12 chân, thí dụ như bài "Tình Già" của Phan Khôi :

" Hai mươi bốn năm xưa , một đêm vừa gió lại vừa mưa ".....

Hôm sau, sau khi kiểm chứng lại, tôi lên nói với thầy rằng câu thơ 12 chân của thầy thật sự là hai câu, một câu bảy chân, một câu năm chân. Thầy cười xòa xúa nhưng cuối giờ tôi vẫn được thầy tặng cho một con "dê rô" vì tôi không trả lời được câu hỏi hắc búa của thầy.

Giờ Pháp văn năm đệ tứ nếu được học thầy Sơn thì cũng có nhiều trận cười vì thầy thường dịch các bài Pháp văn một cách rất "tếu". Laboratoire thì được thầy dịch là "lã bố ra tòa". Một bài khác tả cảnh hái nho ở bên Pháp có câu "Les jeunes filles me portèrent dans la baignoire..." thì được thầy tinh nghịch dịch là : "Mấy cô gái bế tôi vào buồng tắm...". Thầy đã làm cho bao nhiêu thế hệ người Việt yêu chuộng văn chương Pháp. Những lời văn tha thiết của Anatole France tả cảnh công viên Luxembourg lúc mùa thu lá vàng rơi trên các pho tượng trắng mà thầy đọc "dictée" trong bao nhiêu năm đã khiến cho mỗi người Việt chúng ta khi đặt chân tới Paris là phải đi thăm công viên này.

Quãng đường trung học có lẽ là thời gian đẹp nhất trong đời người. Đã bắt đầu lớn nhưng chưa phải lo đối phó với những rắc rối cuộc đời. Bốn năm chũc cậu học sinh sống chung một lớp cùng chia sẻ những lúc vui nhộn cũng như những mối lo âu thi cử. Mỗi sáng hàng trăm xe đạp tiến vào cửa trường. Các học sinh nghiêm chỉnh xếp hàng trong sân chuẩn bị làm lễ chào quốc kỳ. Mỗi hôm một lớp được chỉ định lên kéo cờ và hát quốc ca. Sau đó giữ nguyên hàng ngũ ở học sinh lục tục kéo nhau vào lớp dưới cặp mắt nghiêm nghị của thầy giám học và các thầy giám thị.

Mỗi lớp là một thế giới riêng, có tập tục và truyền thống riêng. Lớp B chúng tôi, từ 6B4, dần dần trở thành 5B4 rồi 4B4, cũng có đời sống riêng của nó. Khi nào gặp giờ trống không có môn học hoặc thiếu giáo sư thì từng nhóm năm ba thằng bạn hợp "jeu" với nhau đạp xe đi "bát phở".

Đường Cổ Ngư và vườn Bách Thảo cách trường không xa nên được lai vãng nhiều nhất. Vài đứa lớn hơn thì "phiêu lưu" đến tận trường Trưng Vương ở phố Roland. Phần lớn đều nhút nhát chỉ dám "đi lượn" quanh "mấy em" khâu khinh, tức là đạp xe lằng nhằng đi sau mấy cô mà thôi. Hay bạo lắm thì mới cất giọng nài nỉ ca bản Nỗi Lòng :

"Yêu ai yêu cả một đời

.....

"Đau tử cả lòng, vì yêu ai mà người nào hay..."

Một cô ở Trưng Vương "có da có thịt" đóng vai tiên nữ trong một vở kịch hôm đại hội liên trường quỳ xuống báo tin là tiên chúa bị trúng tên anh thợ săn : "Ồ کیا tiên chúa đang làm sao..". Mấy thằng quỷ sứ lớp tôi mỗi lần "lượn" cô ngoài đường đều nham nhở : "Ồ کیا tiên béo đang làm sao.

Đến mùa hè chúng tôi có một cái thú là đi xem các cô vào vắn đáp. Thấy cô nào đẹp là các cậu biến thành phó nhòm chụp hình lia lịa.

Năm đệ ngũ vì thiếu lớp nên chúng tôi bị đày ra cạnh phòng y tế mà người ta gọi là "infirmerie". Vì có cô y tá cũng khá xinh nên cậu nào cũng hôm thì bị "cảm" đến xin aspirine, hôm thì bị "bệnh tim đập mạnh" cần thuốc an thần.

Năm chúng tôi lên đệ tứ, tình hình chiến sự mỗi ngày một trầm trọng. Học sinh các lớp đàn anh bị động viên càng ngày càng nhiều. Các giáo sư trẻ cũng dần dần lên đường đi Nam Định hoặc Thủ Đức. Thằng Khánh con nhà giàu Hàng Bạc được bố mẹ cấp tốc cưới vợ cho lúc mới 17 tuổi để "nhỡ có chuyện gì..." thì các cụ có sẵn người nối dõi. Cưới xong Khánh nghiêm nhiên trở thành một "nhân vật" trong lớp. Ngồi trong giờ học nó hay kể chuyện "đêm tân hôn" của nó khiến các cậu bạn đồng song mới lớn phải hơn một lần "sì nẹc"

Năm đó Chu Văn An Hà Nội nghư đang bước vào cảnh chợ chiều. Thầy trò, bè bạn chia tay nhau ra đi. Đêm đêm tiếng súng từ Na San, An Khê đi đùng vọng về. Những học sinh còn ở lại nét mặt đượm vẻ ưu tư. Và chả bao lâu nữa Chu Văn An cũng sẽ chung số phận với bao người dân miền Bắc di tản vô Nam.

Bốn mươi năm trôi qua. Ngôi trường xưa với mái đỏ ngả màu đen, với hàng cây rậm lá, đã chìm sâu vào dĩ vãng. Những biến chuyển của đất nước đã xô đẩy cả thầy trò tản mác khắp bốn phương. Người đau buồn ra đi, lưu lạc nơi đất khách. Người âm thầm ở lại, chịu cảnh tù đầy.

Hôm nay, mùa hè trở về trên đất Pháp. Một mùa hè thiếu hoa soan tây đỏ tung bừng báo hiệu mùa thi, thiếu tiếng ve sầu rí rả tâm tình. Chỉ có một người học trò cũ tần ngần cầm bút ôn lại đôi hàng kỷ niệm Chu Văn An.

Paris 7-1990

Từ Trì

* * *

ĐỆ NHẤT C NIÊN HỌC 1960-1961

Trần Khánh

Thân tặng các bạn đồng lớp và hương hồn hai bạn: Y Uyên Nguyễn văn Uy (nhà văn) và Dynamo Đinh Ngọc Mô (Truyền hình giáo dục và Đố vui để học)

Tôi gốc gác không phải là dân Chu Văn An "từ thuở tạo thiên lập địa", mà là dân kỹ thuật Cao Thắng. Số là sau khi đậu xong bằng B.E.I. (Brevet D'Etude Industrielle: Trung học Kỹ-thuật) từ hồi trường Kỹ-thuật Cao-Thắng còn mang tên tây "Collège Technique") không được bổ nhiệm làm Thuyền trưởng thương thuyền như các khóa đàn anh thuở trước, tôi bèn thất vọng và tự "khám phá" thấy mình có nhiều năng khiếu về văn-chương sinh-ngữ hơn, nên xin đổi qua Chu-văn-An ở năm Đệ Tam C (ban Triết-học và Văn-chương Sinh ngữ).

Ông cụ thân sinh tôi hồi còn sống, thuở còn trai trẻ, học cùng lớp với cụ Đào văn Minh, là thân phụ của giáo sư toán Đào văn Dương, ở trường Bưởi Hà-nội. Nhân tiện năm 1958, Bộ Quốc Gia Giáo Dục, dưới quyền điều khiển của Ông Bộ-trưởng Nguyễn Dương Đôn, ra lệnh là các trường công lập phải thiết lập một ban C và D (Hán văn), tôi bèn nhờ bà cụ thân sinh tôi nói với giáo sư Đào văn Dương xin cho tôi chuyển qua Chu-văn-An hồi còn cụ Hiệu-trưởng Trần văn Việt. Sau khi thi thử ba môn chính là Việt văn, Pháp văn và Anh văn, tôi được chính thức cho "nhập tịch" Chu văn An.

Thuở đó, lớp Đệ Tam C của chúng tôi chỉ có trên dưới 30 mạng. Tôi nghe nói, để thi hành lệnh của Bộ Quốc Gia Giáo dục, các trường trung học phải "vơ bèo gạt tép", vất vả lắm mới tụ họp đủ sĩ số học sinh để thành lập một Ban C. do đó, thành phần ban C của tôi ở Chu văn An không phải thuần túy gồm toàn những thẳng thịch văn chương sinh ngữ như tôi, theo lối mơ mộng kiểu thi sĩ tiên chiến Xuân Diệu:

"Hãy biết rằng anh lúc ở trường
Rất tôi toán pháp khá văn chương.
Chàng trai đi học nghe chim giăng,
Không thuộc bài đầu ấy sự thường."

mà là dân "lính lê dương" tuyển mộ hay thuyết phục hay cưỡng bách từ các Ban A (Văn vật) và Ban B (Toán).

Vì trường Chu văn An bấy giờ đang "ăn nhờ ở đậu" trong khuôn viên trường Pétrus Ký, hay trường Trung học Trương vĩnh Ký, nên chỉ mượn được một tòa nhà chính bằng gạch hai tầng, nên việc thiếu phòng ốc cho các lớp học thật trầm trọng. Vì lẽ đó, khi ban C của chúng tôi được thành lập, chúng tôi bị "tống" ra khu nhà lợp mái tôn cất thêm ở phía sau, hơi biệt lập khỏi tòa nhà chính. Chúng tôi có mặc cảm như mình là "con ghẻ" hay một loại "second class citizens". Thôi thì khỏi nói, ở trong khu nhà lợp mái tôn này, mà chúng tôi thi vị hóa là "Khách-sạn Caravelle", mùa hè thì trời nóng và oi bức chảy mồ, mùa đông thì "lạnh teo bougie", còn mùa mưa thì gió thổi phần phật, hú qua các khe cửa sổ liếp, nghe rùng rợn như trên "đỉnh gió hú" Wuthering Heights của Emily Bronté.

Tuy phòng ốc của chúng tôi thiếu tiện nghi, nhưng bù lại, chúng tôi là lớp cuối cùng được học với đủ các thầy nổi tiếng như Vũ Hoàng Chương dạy cổ văn. Thầy Chương có tật đứng ý trên bục giảng, mắt ngược lên nhì trần nhà "đếm thạch sùng", nói giọng "nhựa thuốc phiện" nghe đều đều thật buồn ngủ. Thầy Trần Bích Lan "Ao lựu Hà đông" dạy Triết tâm-lý-học. Nhà báo và bình luận gia kiêm họa sĩ Nỡm Long An, học ban B, sau tôi vài lớp, hay đùa nói:"Khi thầy Trần Bích Lan giảng bài, thẳng nào ngồi bàn đầu hay đầu

bàn, cần mặc áo mưa hay đội nón sắt kéo nước giải nước bọt của thầy văng tùm lum rất ư là mất vệ sinh". Thầy Nguyễn Văn Linh "Pháp văn chi bảo" chuyên môn đeo kính đen "thầy bó", ngay cả ở trong lớp học trời mùa đông tối mù. Thầy Linh trông "beau trai" như tài tử màn bạc Pháp nổi tiếng là Alain Delon. Thầy nói tiếng Tây thao-thao bất tuyệt, giọng rất ư là "parisienne", chẳng cần biết những thằng học trò "gốc Tây ninh" của thầy ngồi dưới có hiểu không. Thầy nói xong hết giờ là vội vàng chạy ra chiếc xe Peugeot 403 đen bóng của thầy có tài xế đợi sẵn để chạy qua trường khác, cứ y như là "ca sĩ chạy phòng trà". Thầy Đỗ Khánh Hoan dạy Anh văn, con người tài hoa vượng phải "Vòng tay học trò" sau đó bèn "đáp lại thịnh tình" bằng "Vòng chân giáo sư" và nên duyên vợ chồng. Đó là tôi nghe bạn bè kháo nhau như vậy. Thầy Vũ Khắc Khoan dạy Công dân giáo dục, không bao giờ thấy thầy cười. Thầy dạy rất hay, tuy nhiên đầu năm đến cuối năm Thầy mới giảng xong được ...nửa bài. Thầy Lê Trung Nhiên, sau này là Khoa trưởng Đại Học Văn khoa, dạy Pháp văn, nói năng chậm rãi, từ tốn, đúng là giọng của một Ông Thầy tu xuất. Còn thầy Nguyễn Ngọc Diễm, cũng dạy Pháp văn, thì nổi tiếng Tây như bấp rang hay súng liên thanh, giảng Rabelais và Corneille rất hay, tuy nhiên, cũng như thầy Trần Bích Lan, chúng tôi phải "attention" kéo bị văng nước bọt, nước miếng như Việt cộng mưa pháo An-lộc. Thầy Trần Văn Hiến Minh dạy Triết Đông phương, luôn luôn mặc áo dòng tu đen đi dạy, giảng rất có chiều sâu, tuy nhiên Thầy giảng rộng quá đâm dài, dai và chúng tôi ngồi dưới nghe một hồi thì ngán, rồi đi đến chỗ ngáp, ngủ và có đứa còn ngáy nữa! Mặc dầu lo ra, không để ý lời thầy giảng, nhưng về nhà chúng tôi đọc sách của Thầy, thi lục cá nguyệt điểm vẫn trên trung bình như thường. Thầy Nguyễn Ngọc Quỳnh dạy Vạn vật có hoa tay, vẽ rất đẹp trên bảng đen bằng phấn màu hình các bộ phận của môn cơ thể học hay nhụy hoa cây cỏ. Thầy vẽ theo trí nhớ, không thèm nhìn vào sách, thật tài tình, và không sót một chi tiết. Thầy vẽ rất nhanh, độ năm mười phút, xong bắt đầu giảng bài, trong lúc chúng tôi ngồi cặm cụi vẽ lại mất gần cả tiếng, suốt giờ học. Vẽ xong nhìn lại tác phẩm của mình thì giống "bùa bat quái Thái lan, Cao Mên" hơn là hình vẽ của môn Vạn vật ! Thầy Tăng Xuân An dạy Sử và Địa lý. Thầy nói bao quát dễ hiểu và nhất là trong sách của thầy, chúng tôi khoái nhất là các bài đọc thêm. Mặc dầu vì là Ban C, chúng tôi không được học Toán với Thầy Toàn Phong Nguyễn Xuân Vinh, tuy nhiên thỉnh thoảng, trước giờ học, chúng tôi vài đứa đứng tụ tập phía trước cửa lớp để "chiêm ngưỡng" Thầy đi qua, hiên ngang trong bộ quân phục Không quân với cấp bậc Đại Tá Tư Lệnh Không Quân. Chúng tôi tán gái, viết thư cho gái đều lấy cuốn "thánh kinh tình yêu" Đời Phi Công của Thầy với "Phượng yêu" ngọt như mía lùi làm mẫu mực. "Last but not least", nói về các Thầy "cầm cây nẩy mực" ở trong lớp học mà không nói tới hay nhắc một tí nào về Thầy Tổng Lãnh là thiếu sót không thể tha thứ được. Chúng tôi sợ Thầy như sợ cọp. Giữa năm 1960-1961, Chu văn An dọn qua trường sở mới cất ở đường Hồng Bàng, lúc vị Hiệu Trưởng Trần Văn Việt từ trần, cứ mỗi lần thấy Thầy lù đù đi về phía chúng tôi ở dãy hành lang là chúng tôi "sợ bóng sợ gió", "tẩu vi thượng sách", "tránh voi chẳng xấu mặt nào". Nhất là Hồ Hải Trân đang phi "Mélia đầu vàng".

Đó là các Thầy dạy chúng tôi ở Ban C, từ Đệ Tam đến Đệ Nhất mà tôi còn nhớ được. Còn nhiều lắm mà bây giờ, sau gần ba, bốn chục năm trường, tôi chỉ còn nhớ mờ mờ trong ký ức, như Thầy Trần Thanh Mai dạy Pháp văn (hình như Thầy là thân-phụ của Trần Lam Giang, quân cảnh, bạn Long An, rất "triết và thâm nho"), Thầy Nguyễn Văn Mùi dạy Việt sử. Thầy Phạm Đình Thăng dạy Anh văn thay thế Thầy Đỗ Khánh Hoan đi du học Mỹ ở Đại học Columbia University...

“Thầy nào trò đó”, các Thầy đã nổi tiếng vậy mà các trò trong lớp Đệ Nhất C sau cùng của tôi sau này nhiều trò còn “hậu sinh khả úy” (hay chúng tôi đùa bỡn “hậu sinh khả ố” hơn. Ngồi cùng bàn với tôi hay bàn ngay phía trước hay ngay phía sau có: Nhà văn quá cố Y Uyên Nguyễn Văn Uy, Truyền hình Giáo dục Đố vui để học “Dynamo” Đinh Ngọc Mô, Bùi Bảo Trúc (biệt hiệu Ngụy Trúc hồi gần cuối thập niên 1970 ở Canada, Ký giả Beta, Ký giả Hạng bét, v.v..., Hồ Hải Trân, giáo sư Anh văn, Hà Huy Đình, chúa tể “hippie” Saigon, cuối thập niên 1960, Vũ Khắc Dụng, Thứ trưởng Tai chánh (tôi gặp Dụng ở trong trại tỵ nạn Camp Pendleton ở San Diego, California vào tháng 5, 1975), Cao Đức Thạch, Nguyễn Kim Long, Nguyễn Xuân Tước, Nguyễn Văn Sang (học giỏi nhất lớp, giỏi đều các môn), Phạm Văn Đễ (chơi thân với Y Uyên Nguyễn Văn Uy), “chị” Vương Ngọc Quỳnh (vì tên như con gái), Nguyễn Văn Hiệp, hiện là President của một công ty địa ốc ở vùng Bay Area, Nguyễn Hải, vân...vân vá vân...vân.

Đúng như anh Chủ tịch Hội Phạm Huy Thịnh phát biểu trong bài diễn văn chào mừng Quý Thầy và bạn hữu trong buổi tiệc Tân niên được tổ chức ở Võ đường Hùng Vương hôm đầu năm 1997, mới ngày nào chúng mình còn:

“Thuở mười bốn mười lăm còn trẻ nít,
Năm mươi năm cú kít đã về già.”

Bây giờ gặp lại, tay bắt mặt mừng, quan sát nhau thấy ngỡ ngàng, thẳng nào cũng đã hai thứ tóc hay đầu bạc thếch, con cháu dâu rể đầy đàn.

Để chấm dứt, dám mong bạn nào đọc được những dòng hồi tưởng thô thiển này, sẽ ít nhất sống lại được một vài giây phút của những ngày xưa thân ái ở mái trường thân yêu Chu Văn An của chúng ta. Còn các Thầy các bạn mà ta chưa được gặp lại, hay sẽ không bao giờ được gặp lại vì đã cách biệt dương thế, tôi xin hai câu thơ cuối sau đây trong bài Ông Đồ của thi sĩ thời tiền chiến Vũ Đình Liên để gọi thăm: